

史畧越南

NAM-VIỆT LƯỢC SỬ

Có đính thêm bản kê các đời vua
Annam đời với các đời vua Tàu và Long a

Histoire sommaire de l'Annam

avec un tableau synchrone des
Souverains d'Annam, de Chine et de France

PAR

NGUYỄN-VAN-MAI

Instituteur principal

Professeur d'Annamite

au Collège Ghémeloup-Lanbat

Tous droits réservés

En vente à la Librairie H. VIÉT

SAIGON

LIBRAIRIE H. VIÉT

1898



3^e mille

NAM-VIỆT LƯỢC SỬ

Có đính thêm bản kê các đời vua
Annam đối với các đời vua Tàu và Langsa

Histoire sommaire de l'Annam

avec un tableau synchronique des
souverains d'Annam, de Chine et de France.

PAR

NGUYỄN - VAN - MAI

*Instituteur principal
Professeur d'annamite
au Collège Chasseloup-Laubat
Officier d'Académie*

Tous droits réservés

En vente à la Librairie J. VIÊT



SAIGON

IMPRIMERIE ET LIBRAIRIE J. VIÊT

1910



TIỂU DẪN

I. — **Sử.**— Sử là truyện tích xưa, chỉ dân cội kể một nước, một loại dân, chép những sự tân hóa, những lúc hưng vong, trị loạn, những thói tục, đạo đức cũng sự giao thiệp với ngoại bang. Lây xưa mà sánh nay, lây lành mà răn dữ, sử cũng là gương soi mình cho các đấng cầm quyền trị nước và cho nhơn dân vậy : vua chúa xem lây mà tu cang ki, nhơn dân đọc lây mà sửa lễ gia.

II. — **Đời sơ nguyên.**— Sự văn minh tân hóa của một nước khởi từ khi bày ra chữ nghĩa, nhất là từ khi tìm được phép in sách vở mà lưu truyền đến sau. Có sách vở mới tri nguyên những sự tích xưa, mới lập thành chánh sử được.

Phàm sử ký nước nào cũng vậy, cũng chia ra làm hai đời phân biệt : *đời thượng cổ*, là đời u minh chưa có sử và *đời chánh sử*, là đời đã có chữ nghĩa văn minh. Những truyện xưa ta trong thời thượng cổ, từ nhà Hồng-bàng cho đến nội thuộc Trưng-nguyên thì chép y theo sử Tàu ; phần nhiều là những điều truyền khẩu, những sự phi thường không đáng tin, vì không có đủ bằng cớ mà kê cứu. Nước Nam có chánh sử là kể từ năm 441, trước Chúa Giáng-sanh, Tàu mới qua chiếm trị, bắt người Nam học chữ nho, theo đạo nho.

III. — **Dòng giống người Annam** -- Người Annam cũng thuộc một chi với người Tàu và người Nhật-bồn, gốc bên Tây-tạng (Thibet) mà ra. Lúc ban sơ mới lìa chi thì lần qua phía đông, nơi tỉnh Vân-nam, Quảng-tây, Quảng-dòng bấy giờ. Đứng người Trung-nguyên, không chông cự nổi, mới dấn xuống phía nam, nơi xứ Bắc-kỳ, thì lại gặp dân bon tho: *Lào, Lam-áp, Chiêm-thành* (Ciampois), *Chon-lạp* (Cambodgiens). Khi đó phải tranh phuồng với những dân ấy đã nhiều trận, đã lâu đời, mới lấy được nước chúng nó, rồi cũng có án ở chung lộn với nhau, mà hội sanh ra, thì dòng giống người Nam lại lần lần.

Đến sau hết, từ đời Tây-Hán, vua Hiên-vô-đê, nước Nam bị Trung-nguyên chế phục (111 trước Chúa Giăng-sanh). Người Tàu mới sang quạ mà lập nghiệp, kẻ bạn cũng dấn bả xứ ta mà sanh sản ra, thì cái cốt cách nguyên sơ của người Nam lại đổi khác nữa, nhưng mà chưa có lực mất.

IV. — **Đạo của dân Annam** -- Bên Trung-nguyên, từ đời Tam-hoàng, Ngũ-đê cho tới Hạ, Thương, Châu, chỉ lấy đạo thờ Trời Đất làm gốc. Thiên-tử thì tề *Giáo*, tề *Nữ*, là tề Trời Đất; *Đạo* hầu tề *Sơn Xuyên*, là tề thần núi sông; công khanh tề thần *Hạ thổ*, thần *Đất đai*; còn sĩ thứ tề tề tiên, ông bà quá vãng.

Đời Châu-dĩnh-vương (606-585) trước Chúa Giăng-sanh, Lão-Đam xuất thế (604-500), bày ra *đạo đạo kinh*. Từ ấy mới có đạo *Lao Tử*.

Đời Châu-linh-vương (571 - 544), trước Chúa Giáng-sanh. Đời Khổng-Tử (550 - 480), truyền đạo *Vho*, dạy cang thường luân lý.

Đời năm 207, trước Chúa Giáng-sanh, nhào đời Tây-Hàn vào Cao-tổ, đạo *Phật* bên xứ Thiên-trước là sang qua Trung-nguyên. Đời Tây-Hàn, vua Hiên-minh-dô (58 - 76), sau Chúa Giáng-sanh, sai người qua Thiên-trước mà rước thầy sãi và thỉnh kinh *Phật*.

Đạo *Lão-Tử*, đạo *Nho*, đạo *Phật*, kêu là *Phật giáo*, dân Tàu cũng kính thờ hết cả ba.

Sư nước Nam, đời sơ nguyên chép rằng: nhà Hồng-bàng là dòng dõi vua Thần-nông. Vậy thì lúc xưa ta cũng giữ đạo thờ Trời Đất và ông bà. Sau nước Nam bị Trung-quốc chiếm trị, thì người Nam cũng theo Tam giáo như người Tàu vậy, duy lấy sự bưng bít tiên nhơn làm gờ.

Đạo *Thiên Chúa* truyền trong nước Nam từ đời vua Lê-thần-tông (1619 - 1643).

V. **Sử nước nam** - Nước Nam có quốc sử kể từ đời Trần-thịnh-ông (1258 - 1279). Ông Lê-văn-Hưu phụng lệnh soạn thành bốn *Đại-việt sử ký*, khởi từ Triệu-vô-vương cho đến Lý-chiều-hoàng thì được sáu mới chép tới Hồng-bàng thị.

Phép tu sử thì dặn những việc các dòng vua trước, chớ không nói về dòng vua đương trị vì. Nhà sử quán nhờ những đền đại khái các đời vua ấy mà đề cớ nơi, qua họ khác lên cảnh quyền, thì mới lấy ra mà viết nối theo, lần lần như vậy mới tu thành quốc sử.

— VIII —

Sư Nam cũng như sư Tàu, còn sơ lược, chỉ chép giã giã, nhắc chuyện nhà vua, còn sự vào mạch văn hóa, việc nông cổ, kỹ nghệ, đạo đức, cách ăn thời của dân và đều quý trọng hơn hết là sự học hành, thì nói phớt qua mà thôi, cũng có khi không nói đến. Muốn hiểu cho rõ sự tích nước mình, thì phải xem mây pho sư của người Lang-sa dọn ra, ngặt phải nhiều dân Nam không thông chữ Pháp.



Bon sư tôi soạn ra đây dân giải tuy là đại lược, nhưng mà do theo chương trình mới về bộ *Sơ học* thì cũng đủ cho con trẻ nhà Nam đọc lấy cho rõ cội rễ xứ mình. Nhưng sự tích đem vào sách này, như là từ nhà Nguyễn tới sau, đã có tra sát trước trong mây quyển sư chữ Tây.

Sau rồi tôi có đính thêm bản kể các đời vua Anam, đối với các đời vua Tàu và Lang-sa, từ sơ nguyên cho tới bây giờ, trước là do phụ ích cho sách này, sau nữa là giúp kẻ nào hay sự nghiệp *chưa nay* khỏi nhọc công tìm kiếm.

Vinh-hồ, April 1919.

NGUYỄN-VĂN-MAI

NAM-VIỆT LƯỢC SỬ

CHƯƠNG I

Đời sơ nguyên tới năm 968 (sau Giáng-sanh)

I — Nhà Hồng-bàng

20 đời vua, trị 2617 năm (2874-257, trước Giáng-sanh)

1. — **Kinh-dương-vương**. — Vua này là con vua Đề-minh, cháu vua Thần-nông bên Trung-quốc, lên ngôi năm 2874, đặt niên hiệu là Kinh-dương-vương.

Nước Nam khi ấy kêu là *Ních-quì*. Phía bắc giáp tỉnh Quảng-tây, phía đông giáp Nam-hải, phía tây giáp nước Thục (tỉnh Cao-bằng), phía nam giáp xứ Chiêm-thành (Giampa).

2. — **Lạc-long-quân**. — Con vua Kinh-dương-vương tên là Lạc-long-quân. Lạc-long-quân truyền ngôi lại cho con trưởng nam là Hùng-vương thứ nhứt. Kể từ đây những vua kế vị đều lấy hiệu Hùng-vương, cho đến đời Hùng-vương thứ 18 (257), trước Giáng-sanh, thì mất nước.

3. — **Hùng-vương thứ nhứt**. — Vua này cải tên nước là *Văn-lan*, chia ra làm 15 quận :

1- *Văn-lan* (đề đô);

2- *Giáo-chi* (Hà-nội, Hưng-yên, Nam-dịnh);

3- *Giáo-diên* (Sơn-tây),

4- *Võ-ninh* (Bắc-vinh);

- 5 - *Phước-lộc* (Sơn-tây);
 - 6 - *Việt-thường* (Quảng-bình, Quảng-trị);
 - 7 - *Ninh-hải* (Quảng-yên);
 - 8 - *Dương-tuyển* (Hải-dương);
 - 9 - *Lục-hải* (Lạng-sơn);
 - 10 - *Võ-dịnh* (Thái-nguyên, Cao-bằng);
 - 11 - *Hoài-hoan* (Nghệ-an, Hà-tĩnh);
 - 12 - *Cửu-chơn* (Thanh-hóa);
 - 13 - *Bình-giao*.....
 - 14 - *Tân-hưng* (Hưng-hóa, Tuyên-quang);
 - 15 - *Cửu-dức*.....
-

Sự giao thiệp với nước Tàu

Năm 1100, trước Giáng-sanh, bên Tàu nhằm vua Thành-vương, nhà Châu, vua Annam sai sứ qua công bạch tri. Lúc trở về, ông Châu-công-Đán là chú vua, sợ sứ đi lạc đường, bèn dạy đóng một cỗ xe, có để một cái địa bàn chỉ hướng nam cho sứ.

Sự giao thiệp và sự tân công với nước Tàu là kể từ đời này.

Tích về mình.

Đời Hùng-vương thứ nhất bày ra tục vẽ mình, là vì dân sự đi lâm nghề chài lưới, thường bị những loài thủy tộc phá hại. Về mình ra có rần rục, thì rần, rít, sâu, cá, tưởng là đồng loại với nó mà không động đến.

Tục vẽ mình, xăm mình nay hãy còn nơi các mán Mọi, như Mường, ở Tonkin, Kha, ở Lào.

Cũng đời vua Hùng-vương này bày ra đóng ghè, có vẽ con mắt hình như cá.

Tích bão lụt xứ Bắc

Vua Hùng-vương thứ 18 có một đứa con gái dung nhan đẹp dẽ. Vua nhà Thục đã ghe phen cậy người đi nói cho thái tử, mà vua Hùng-vương không chịu. Ngày kia có hai người trai tới xin làm rể. Vua phán rằng: Trẫm vốn có một đứa con, không lẽ đưa cho hai người. Như rằng mai ai đem lễ sinh tới đủ, thì trẫm sẽ gả cho.

Sơn-tinh đến trước, cười dạng công chúa, đem lên ở núi Tân-viên (Tonkin). Thủy-tinh chậm bước, huyệt vợ, bèn oán hận, làm dòng gió bão lụt động lại Sơn-tinh, mà không làm chi nổi.

Bởi vậy, hễ khi nào có bão lụt, thì những người hay tin dị đoan thường nói rằng tại sự cứu ấy mà ra.

Hùng-vương thứ 18. — Vua này hoan đàm vô độ, không lo việc quốc chính, lại gây họa cho nước nhà, là vì không khứng gả công chúa cho thái tử nước Thục. Vua nước Thục, tên là Phán đây bình đánh gấp, vua Hùng-vương tính bề cự không nổi, bèn tự vận mà thác, hết đời Hồng-bàng, truyền qua đời Thục.

II. — Nhà Thục

1 đời vua, trị 50 năm, (257-207, trước Giáng-sanh).

Cháu nội vua nước Thục, tên là Phán, lấy đăng nước Văn-lang của Hùng-vương, bèn sáp nhập với nước mình là Âu-lạc, kêu là Âu-việt, lên ngôi xưng là An-dương-vương, trị đăng 50 năm. Vua này không

có con trai, có một người con gái gả cho con Triệu-Đà. Sau bị Triệu-Đà dụng qui kê lấy được nước, dựng nên nhà Triệu.

Nguyên nước Âu-việt ở giáp ranh giới với nước Tàu, có nhiều thứ thổ sản quý lạ, nên ghe phen Trung-quốc muốn chiếm đoạt. Tần-thí-Hoàng (246 - 209) trước Giáng-sanh, sai hai tướng: Nhâm-Ngao và Triệu-Đà qua đánh Âu-việt. Đánh đã lâu mà lấy không được. Kê Tần-thí-Hoàng băng, Nhâm-Ngao qua đời; con một mình Triệu-Đà cô thế, cứ giữ xứ Lĩnh-nam (phía bắc nước Âu-việt).

Triệu-Đà thừa lúc loạn Trung-nguyên, nhà Tần hầu mất, tính lập một cõi riêng, bèn giao lân cận vua An-dương-vương, cưới công chúa cho con. Sau dựng binh rồng tướng mạnh, trở lại đánh vua An-dương-vương mà lấy nước, lập nên đời nhà Triệu.

III. — Nhà Triệu.

3 đời vua, trị 96 năm, (207-111, trước Giáng-sanh).

1. — **Triệu-võ-dê** (207-136) t. G. s (1). — Triệu-Đà lấy dựng nước Âu-việt, sáp nhập với nước mình, kêu là *Việt-nam*, rồi lên làm vua, hiệu là Triệu-võ-dê, đóng đô tại Phiên-ngu (tỉnh Quảng-dông). Lúc này bên Trung-quốc, Lưu-Bang diệtặng Hạng-Võ, lập nên đời Tây-Hán.

Hán-cai-tổ sai Lục-Giá qua Việt-nam phong tước vương cho Triệu-Đà. Từ khi ấy nước Nam cứ giữ đạo chư hầu, thường năm dâng công cho nhà Hán.

(1) Trước Giáng-sanh.

Hân-cao-t'o băng (194) t. G. s., Lữ-hậu phế Huê-dê, lên ngôi, bên cạnh người Trưng-quốc không cho lên do khí cụ cho Annam. Triệu-vô-đê giận, cử binh đánh lấy nước Trường-sa, là nước chư hầu của Trung-nguyên, rồi xưng đế như vua Trung-nguyên vậy.

Lữ-hậu mất, Hiếu-văn-đê lên nối ngôi, sai Lục-Giá qua giải hòa với Triệu-Đà. Từ ấy nước Nam qui phục nước Tàu lại như xưa.

Triệu-Đà trị nước được 74 năm rồi băng, truyền ngôi lại cho cháu đích tôn, tên là Hổ.

2. — **Triệu-văn-vương** (136-121 t. G. s.). — Hổ lên ngôi xưng hiệu là Triệu-văn-vương. Vua này tuổi không ưa giặc giã. Lúc người trị vì, có nước Mân-việt là nước chư hầu của Trung-quốc, qua xâm phạm cõi Nam. Vua sai sứ đi viện binh nhà Hán dẹp động giặc, rồi cho con trưởng nam là Anh-Tê qua ở làm con tin nơi triều Hán.

Triệu-văn-vương ở ngôi được 12 năm, rồi truyền lại cho Anh-Tê.

3. — **Triệu-minh-vương** (124-113 t. G. s.) — Anh-Tê lên ngôi, xưng hiệu là Triệu-minh-vương, trị nước được 11 năm. Lúc Anh-Tê qua ở làm con tin bên triều Hán, thì có cưới một người vợ Trung-nguyên, tên là Cù-thị, sanh được một đứa con trai kêu là Hưng. Anh-Tê phong Cù-thị làm hoàng hậu, Hưng làm thái tử, phê con của người vợ Annam khi trước làm cho đình thần bất bình.

4. Triệu-ai-vương (413-411 t. G. s.) — Hôn lên nối nghiệp cha, xưng hiệu là Triệu-ai-vương ở ngôi được ít năm, kẻ nhà Hôn sai sứ qua đòi vua hoàng thái hậu là Cù-thị về triều bái hoàng đế. Hai mẹ con hầu ngự giá, thì trong bộn dinh thần có ông Lữ-gia nói rằng : vua và hoàng thái hậu âm mưu hại quốc, nên khiên dân dậy lên, bắt giết cả hai người rồi tôn con người vợ Annam lên ngôi, hiệu là Thuật-dương-vương.

5. Thuật-dương-vương (411 t.G.s). — Vua trẻ, ở ngôi chưa đầy một năm, kẻ bên triều Hôn, vua Hiều-vô-đê cử binh qua lấy nước mà sáp nhập về Trung-nguyên.

IV. — Thuộc Trung-nguyên lần thứ nhất.
(150 năm, 411 t. G. s. — 39 sau Giáng-sanh)

Năm 1 Chúa Giáng-sanh, nhằm đời Hiều-ai-đê (Tây-Hôn). Từ đây về sau kể là đời Thiên Chúa

Triều Tây-Hôn sai quan Tàu qua cai trị, chia nước Nam ra làm 9 quận :

- 1 — Nam-hải (Quảng-dông),
- 2 — Thương-ngô (Quảng-tây),
- 3 — Uất-lâm (Quảng-tây),
- 4 — Hiệp-phò (Quảng-dông),
- 5 — Giao-chỉ (Quảng-tây),
- 6 — Cửu-chơn (Quảng-tây),

7 — *Nhật-nam* (Tonkin),

8 — *Châu-nhai* (Cù-lao Hải-nam),

9 — *Thiên-nhĩ* (Cù-lao gần Hải-nam).

Trong bốn quan Tàu qua cai trị nước Nam, có hai người: Tích-Quang và Nhâm-Điền hay lo lắng cho dân. Tích-Quang thì dạy dân học chữ nghĩa cũng đạo lý đức Khổng-Tứ; Nhâm-Điền dạy dân vờ đất làm ruộng, trồng dâu để tằm. Còn những quan khác hay tham ô, làm nhiều điều khác bạc, nên thường gây ra loạn lạc.

Năm 39, nơi quận Giao-chí, có một người đồn bà tên là Trưng-Trắc khiến dân dậy lên, bắt Thái thú Tô-Định giết đi mà báo cừu cho chồng, rồi thâu cả nước Nam, lên làm vua đặng 3 năm.

V. — Trưng-nữ-vương (39-42)

Trưng-Trắc lên ngôi đặng vài năm, kẻ bên Trung-nguyên, triều Đông-Hán, vua Quang-vũ sai Mã-Viện qua bình phục Giao-chí. Ban đầu đánh nhau cầm cự, chưa biết hơn thua. Sau binh Giao-chí vẫn không thiện nghệ chinh chiến, bên đó lẫn hết. Trưng-Trắc và em là Trưng-Nhị thê cùng, nên phải tự vận cho khỏi bị nhục.

Mã-Viện bình Giao-chí rồi, truyền đục một cây trụ đồng, trồng tại xứ Khâm-châu, có khắc chữ: *Đông trụ diệt, Giao-chí diệt*, (Đông trụ ngã, dân Giao-chí dứt).

Từ đây nước Nam phải sáp nhập về Trung-nguyên lần thứ hai.

VI. — Thuộc Trung-nguyên lần thứ nhì 444 năm (42-186)

Sĩ-vương, 186 - 226. — Lúc này bên Trung-nguyên nhà Đông-Hán hầu dứt, qua Tam-quốc phân tranh. Sĩ-Nhíp dùng dịp loạn xưng vương, hiệu là Sĩ-vương, trị nước được 40 năm. Nguyên Sĩ-Nhíp là người Trung-quốc, mà tiên nhơn sang ở nước Nam lâu đời, nên đã thành người Nam.

Sĩ-Nhíp lên ngôi xưng hiệu là Sĩ-vương, khai trường dạy chữ nho, dạy phong hóa Trung-quốc. Đời vua này có nhiều người hay chữ không kém chi người Trung-nguyên. Sĩ-Nhíp băng, Đông-ngô suu tướng là Lữ-Đại qua dụ em Sĩ-Nhíp là Sĩ-Huy theo phục nhà Ngô, rồi thừa thế mà giết đi. Nước Nam liền sáp nhập về Trung-nguyên lần thứ 2.

VII. — Thuộc Trung-nguyên lần thứ ba 344 năm (226-540)

Từ năm 226 tới 540, nước Nam bị nhà Hậu-Hán Ngô, Ngụy (Tam-quốc), Tần, Tống, Tề, Lưu Tống, kế tiếp nhau cai trị, đến năm 344.

Những quan Trung-nguyên qua cai trị cõi Nam trong mấy đời ấy, thì cũng như các đời trước, ít người nhơn hậu, nhiều tay tàn bạo. Thuở ấy có Xê Lâm-áp, sau kêu là Chiêm-thành (Giampa) ở phía nam, hay đến đánh phá nước Nam. Đã ghe phen 10

thua, bị giết, mà không chữa tính lung lằng. Qua đời đời chúa Hiền-vương (1649-1685), nhà Nguyễn mới trù tuyệt.

Nước Nam lúc này về nhà Lương chôn trị. Quan thái thú Tiêu-Tư làm nhiều điều độc ác, khiến lòng dân oán hận. Lý-Bôn thừa cơ hội, cầm binh đánh đuổi quân Trung-nguyên, rồi lên ngôi, hiệu là Lý-nam-đề.

VIII. — Nhà Tiền-Lý

2 đời vua, trị 58 năm, (544-602).

1. — **Lý-nam-đề**, 544-548 = 4 năm. — Lý-Bôn vốn là người Trung-nguyên, nhưn lúc loạn Tây-Hiến, Vương-Mãng soán ngôi vua Hiên-bình, qua ở ngụ tại Giao-châu lâu đời, nên đã thành người Nam.

Lý-Bôn lên ngôi xưng là Lý-nam-đề, trị được 4 năm, kê bên Trung-nguyên, nhà Lương sai Trần-bá-Tiên qua đánh Nam-việt. Lý-nam-đề yêu cầu, bên giao quyền cho tướng quân Triệu-quang-Phục, cách ít năm thọ binh mã bằng.

2. **Triệu-việt-vương**, 549-570 = 21 năm. — Triệu-quang-Phục cầm binh đánh với quân Tàu đã lâu. Sau binh Trần-bá-Tiên đổ lán, rồi rút về Trung-nguyên hết. Triệu-quang-Phục lên ngôi, hiệu là Triệu-việt-vương, trị được 21 năm, rồi truyền lại cho Lý-phật-Tử, là dòng tôn thất nhà Lý.

3. — Lý-phật-Tử, 570-602 — 32 năm. — Lúc này bên Trung-nguyên nhằm nhà Tùy. Tùy-dương-Kiến sai Lưu-Phượng sang đánh Nam-việt. Lý-phật-Tử sợ, bèn xin qui hàng. Từ đây nước Nam bị Trung-nguyên kém chê lần thứ tư.

IX. — Thuộc Trung-Nguyên lần thứ tư

336 năm, (603-939).

Từ năm 603 tới 939, bên Trung-nguyên nhằm đời Tùy, Đường, Ngũ-dời.

Vua nhà Tùy nghe nói bên cõi Nam, nơi xứ Lâm-ấp, có nhiều vật quý lạ, nên sai Lưu-Phượng qua một lần nữa mà cướp phá. Vua Lâm-ấp là Phạm-phân-Chi chông cự không nổi, quân Trung-nguyên đoạt được kinh thành Lâm-ấp, cướp giết của cải; còn Lưu-Phượng thì lấy vàng ngọc rất nhiều. Nhưng mà lúc trở về, binh chết hết ba phần, Lưu-Phượng cũng bỏ mình.

Nhà Tùy mất (617), nhà Đường dấy (618). Vua Đường-cao-lỗ cải nước Nam-việt lại là *Annam đô hộ phủ*, chia ra làm 13 châu.

Nước Annam khi ấy, kể từ Bắc-kỳ cho tới tỉnh Quảng-nam, Trên phía tây bắc là nước Nam-chiêu (tỉnh Vân-nam), phía tây là nước Lào, phía nam là nước Chơn-lạp (Cao-man); còn nước Lâm-ấp (Chiêm-thành) ở từ quận Nhật-nam cho tới ranh Chơn-lạp.

Nhà Đường cai trị nước Nam. — Đường-cao-tô lên ngôi Trung-nguyên năm 648. Việc cai trị xứ Annam lúc bấy giờ cũng như các đời vua trước: trên hết thì đặt một quan Thái-sứ, gồm hay cả xứ thuộc địa, dưới thì mỗi châu có một quan Thái-thú cai trị. Những quan viên phần nhiều là người Tàu, tánh tham lam độc ác lại quá hơn khi trước.

Dân Annam bị sưu cao thuế nặng, đa ghê phen muốn khởi loạn, mà không thành sự. Cỗ quan Thái-thú Lý-Trắc làm khổ khắc các dân Mọi, nên gây họa. Các dân Mọi hiệp với nước Nam-chiêu tới cướp phá, đuổi người Tàu, thảo được nước Nam. Sau nhà Đường sai Cao-Biến bình phục trong 40 năm mới yên. Cách ít lâu bình Nam-chiêu kéo đến một lần nữa. Nhà Đường dụng kế đưa công chúa cho vua Nam-chiêu. Vua Nam-chiêu ngờ là thiết, bèn sai ba viên danh tướng đi đón rước, thì cả ba đều bị thuốc độc mà thác, từ ấy nước Nam mới yên lặng một khoảng.

Khúc-Hạo, Khúc-thừa-Mỹ. — Nhà Đường hấu suy, sang qua đời Ngũ-dời (907-957), là Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tân, Hậu-Hôn, Hậu-Châu.

Nhà Hậu-Lương phong Lưu-Ấn làm Nam-binh-trung, đóng đô tại Phiên-ngu, phong Khúc-Hạo làm Thái-thú Giao-châu (Annam).

Lưu-Ấn qua đời, Lưu-Nghiêm là em lên thế vị, xưng là hoàng đế Nam-Hán (917).

Khúc-Hạo mất, em là Khúc-thừa-Mỹ, xưng mạng vua Hậu-Lương, gồm trị cả 12 châu xứ Nam. Cách

ít lâu vua Nam-Hán khởi binh đánh bá Khúc-thư-Mỹ. Dương-dinh-Nghệ cầm binh đuổi quân Nam-Hán, rồi lại bị Kiều-công-Tiền là tướng của mình âm mưu giết đi.

Khi ấy có Ngô-quyên, gốc là người Annam, cũng là tướng của Dương-dinh-Nghệ, ra chống cự, thắng được Kiều-công-Tiền, sau lập nên nhà Tiền-Ngô, làm vua được 5 đời, trị được 30 năm.

X. -- Nhà Tiền-Ngô

5 đời vua, trị 30 năm, (939-968)

Ngô-Quyên làm vua được 5 năm (939-944), thì bang, truyền ngôi lại cho con là Xương-Ngập, khi ấy còn nhỏ. Dương-tam-Ca là cậu lên làm phụ chánh, rồi dùng dịp mà đoạt ngôi, xưng là Bình-vương (945 — 949); sau bị Xương-Văn, là con thứ Ngô-Quyên, giành lại mà cai trị, rồi truyền cho Xương-Xí.

Lúc này nước Annam chia ra 12 châu; mỗi châu có một sứ quân, mỗi sứ quân thì xưng vương một cõi, mạnh lân yêu, loạn lạc cả năm. Hậu-ngô-vương là Xương-Xí cũng trên một quận, không làm chi nổi mấy sứ quân khác. Tuy là khởi làm tội mọi Trung-nguyên, chớ người Nam chưa dựng dặng nên độc lập. Sau có một người họ Đinh dấy lên, dẹp hết 12 sứ quân, lập nên đời chánh thông.



CHƯƠNG II

Dời chánh thống

1. — Nhà Đinh

2 đời vua, trị 13 năm, (968-981)

1. — **Đinh-tiên-hoàng**, 968-980 = 12 năm. — Người đẹp yền 12 sứ quân ấy là Đinh-bộ-Lãnh, quê ở Hoa-lư (tỉnh Ninh-bình), vốn là con Đinh-công-Trứ, làm Thái-thủ châu Hoan khi trước. Cha mẹ mất sớm, Đinh-bộ-Lãnh ở làm thú bộ với sứ quân Trần-minh-Công trấn quận Bố-chánh. Trần-minh-Công qua đời. Đinh-bộ-Lãnh bèn chiêu tụ anh hùng, rồi cứ binh đánh đuổi mấy sứ quân.

Năm 968, người lên ngôi xưng hiệu là Đinh-tiên-hoàng, cải nước Nam lại là *Đại-cù-kiệt*, phong cho Lê-Hoàn là tể công thần làm chức Thập đạo trưởng quân. Vua này bày lệ luật rất nghiêm; trước sân châu có để vạc dầu sôi, có nhốt thú dữ, mà răn dân sự, cho chúng nó bỏ thói lung lảng theo đời 12 sứ quân. Vua lại tu chỉnh việc binh nhung, phân ra có đội ngũ, giao cho Lê-Hoàn quản thông. Qua năm 980, vua bị tên Bồ-Thích giết, đình thần tôn con thứ vua tên là Triệu lên kế vị.

2. — **Phế-dê**, 980-981 = 1 năm. — Triệu lên ngôi hiệu là Phê-dê, khi ấy mới có sáu tuổi. Quyền nhiếp chánh về tay Lê-Hoàn, oai thế lẫy lừng, vì có tư thông với bà Dương-thái-hậu là vợ vua Đinh-tiên-Hoàng.

Trong bốn dinh thần có người bất bình, bàn mưu hại Lê-Hoàn. Lê-Hoàn hay dạng bên bát mã giết đi.

Lúc này Trung-nguyên cư binh qua đánh nước Nam. Quân sĩ hồng ra trận, thì có người nói rằng: Vua còn thơ ấu, lấy ai mà thưởng phạt cho mình, chỉ bằng bọn ta tôn Thập đạo tướng quân lên, rồi sẽ đánh, không muộn chi. Nói vừa dứt lời, cả triều đều ứng hô vạn tuế, phò Lê-Hoàn lên ngôi, lập nên nhà Tiền Lê.

Từ Đinh-tiên-hoàng (968) cho đến năm 1278, bên Trung-nguyên nhằm đời Bắc-Tống (Triệu-khuông-Dân),

II. — Nhà Tiền-Lê

3 đời vua, trị 28 năm, (981-1010)

1. — **Lê-dại-Hành**, 981-1006=25 năm. — Lê-Hoàn tức vị, xưng là Lê-dại-Hành. Các quan triều bãi vũ: xong, vua ra trận, dạng trận thẳng; hai tướng Trung-Nguyên bị bắt điệu về kinh. Sau có sứ triều Tống qua giao hòa, vua dạy trả lại.

Khi ấy xứ Chiêm-thành vì phép, bắt cấm sứ Annam. vua Đại-Hành kéo binh đánh phá tan hoang, đốt kinh đô, chùa miếu, lấy của cải rất nhiều.

Lê-dại-Hành băng năm 1006, di chúc lập con thơ là Long-Việt.

2. — **Lê-trung-tông**, 1006. — Long-Việt lên ngôi, hiệu là Lê-trung-tông, làm vua mới được ba ngày, 60 em là Long-Đinh lui đi mà giải huy quyền.

3. — **Lê-ngọa-triều**, 1006-1010=4 năm. — Vua này tính độc ác, ưa xem những sự dữ tợn. Vua dạy bắt tội nhân, lấy rơm làm dấm rồi đốt cháy mà coi chơi. Có khi lại bắt thấy sãi quì xuống, để múa trên đầu mà róc, giả đồ sảy tay sả nhảm, chảy máu ra linh lảng. Sứ đặt tên vua này là *Ngọa-triều*, vì tính hay dâm dục, nên mang bệnh; hề mỗi khi lâm triều thì nằm. Lê-ngọa-triều băng, để lại một đứa con trai còn nhỏ, sau bị Lý-công-Uẩn là tôi quyền thân phế đi mà lập nên đời Hậu-Lý.

III. — Nhà Hậu-Lý

9 đời vua, trị 215 năm, (1010-1225)

1. — **Lý-thái-tổ**, 1010-1028=18 năm. — Lý-công-Uẩn lên ngôi, hiệu là Lý-thái-tổ, đóng đô tại Đại-là, sau lại cải là *Thăng-long* (Hà-nội), ấy là đô đô từ nhà Hậu-Lý tới nhà Hậu-Lê.

Đời này thật là đời thái bình, dân no, nhà đủ; vua tu tạo đến dài; sửa san đô đô lại rất nên xinh đẹp. Triều nhà Tống (Chưa ông, 998-1023) sai sứ qua phong cho Lý-công-Uẩn là *Giáo-chỉ quận vương*.

Vua trưng các sắc thuế, lập đồn thú để mà thu thuế xuất cảng nhập cảng.

Qua năm 1028, Lý-thái-tổ băng, truyền ngôi lại cho con trưởng nam là Phật-mã.

2. — **Lý-thái-tông**, 1028-1054=26 năm. — Lý-thái-tông (Phật-mã) chưa tức vị, thì ba em vua bên kéo

binh tới vây thành; nhờ có ông Lê-phụng-Điền ra cự, chém đặng một người, mới yên đám giặc ấy. Đời vua này, trong 15 năm đầu, mắc lo việc chinh chiến: dẹp tan giặc trong nước, giặc ngoài biên. thùy lại nổi loạn. Năm 1043, binh Chiêm-thành cướp phá dọc gầnh bãi nước Nam, Lý-thái-tông cử binh kéo tới thành đó, bắt đặng 3.000 đàn Chàm đem về nước, cho đất vỡ ruộng mà làm ăn.

Nước Chiêm-thành khi ấy kể từ tỉnh Quảng-trị cho tới tỉnh Bình-thuận bây giờ, còn nước Annam kể hết xứ Bắc-kỳ cho tới Quảng-trị.

Đời nhà Lý hay sùng đạo Phật. Vua Lý-thái-tông thừa lúc thái bình lập chùa miếu, cấp ruộng đất để lấy huê lợi mà phụng tự. Vua này tánh khoan nhơn đại độ, hằng lo cho dân dặng âm no. Năm một mùa bão lụt, giặc giã, thì giảm thuế, lại xuất của kho mà trợ kẻ nghèo. Vua ra chỉ cấm nhứt nghề buôn mọi, lập nhà trạm, dạy kiểm duyệt luật hình, luật hộ, định phân hưu trí cho các quan văn võ.

Đời vua này bày ra nghề dệt tơ lụa. Lý-thái-tông băng năm 1054, có di chúc lập thái tử Nhật-Tôn.

3. — **Lý-thánh-tông**, 1054 - 1072=18 năm. — Nhật-Tôn lên ngôi, hiệu là Lý-thánh-tông, cải nước Giao-chí lại *Dai-niệt*. Đời này có giặc Chiêm-thành dậy lên nữa. Vua cử binh đi đánh chín tháng trường mà không dẹp yên được. Lúc trở về, nghe người khen ngợi bà hoàng hậu có công trị nước của bên hồ thẹn kéo binh trở lại, ra sức đánh phá Chiêm-thành.

bắt đặng chúa tể là Chê-Củ đem về nước. Sáu Chê-Củ phải dựng châu Địa-rí (Quảng-binh) và châu Ma-linh (Quảng-trị) mà chuộc tội.

Vua này dạy chế đồ triều phục của các quan văn võ, bày đội mào, mang hia.

Lý-thánh-tông cũng là một vị nhơn quân, đời người trị thì nước nhà được cường thịnh.

4. — **Lý-nhơn-tông**, 1072-1128 = 56 năm. — Đời này có giặc Trung-nguyên, Chăm và Chơ-lạp. Vua sai Lý-thường-Kiệt cầm binh đánh thối binh Tàu, bắt đặng 40.000. Lý-nhơn-tông dạy thích tự mà tha về nước hết. Triều nhà Tông cảm ân đức vua, bèn rút binh về Trung-nguyên.

Đời này chuộng việc học hành, có mớ khoa thi chọn người thông minh để mà giúp nước; vua lập Hàn lâm viện, sai sứ qua Tàu kiếm mua sách vở, định quan chức văn võ, phân làm 9 phẩm, dạy đắp bờ đê mà ngừa lụt sông Nhĩ-hà.

Lý-nhơn-tông không con, truyền ngôi lại cho cháu.

Lúc này binh Kim xâm loạn Trung-nguyên, bắt vua Khâm-tông và Huy-tông, qua đời Nam-Tông (Cao-tông).

5. — **Lý-thần-tông**, 1128-1138 = 10 năm. — Lý-thần-tông lên ngôi, đại xá cho tù phạm và hạ chí cho binh lính nghỉ thay phiên mỗi năm là 6 tháng mà giúp việc canh nông. Vua lại cầm trong hàng các quan văn võ, không đặng gả con, trước khi triều đình tuyển cung nữ.

6. — **Lý-anh tông**, 1138-1175 = 37 năm. — Thiệu-Tộ là con vua Thần-tông, mới lên ba tuổi, lên ngôi hiệu là Anh-tông. Bà hoàng thái hậu cầm quyền nhiếp chính. Đời này thật là đời thanh trị; các xứ lân bang, như Chiêm-thành, Chơn-lạp cùng các mán Mọi, thấy đều kiêng oai vua, không dám cử động. Năm 1118, có tàu buôn nước Xiêm, nước Miên-điện (Birmanie) đến xứ Annam, vua hạ chiếu cho lập phố phường nơi Vạn-ninh (tỉnh Quảng-yên).

Năm 1169, triều Tông và triều Kim sai sứ qua nước Nam, vua trọng đãi cùng bang cho vàng bạc rất nhiều, nhưng mà không tỏ ý thuận bên nào, vì Tông với Kim còn đương chinh chiến với nhau.

Năm 1174, nhà Tông sai qua mua voi để mã tề lễ; Anh-tông bèn dựng 15 thớt, dạy sứ đem qua tới đề đồ. Vua nhà Tông cấm sứ ở lại xem phong cảnh Trung-nguyên, rồi phong cho chức tước mà đưa về.

Vua thường ngự giả tuần vắng khắp nước, đi đường bộ rồi lại đi đường thủy. Lúc trở về, vua dạy vẽ họa đồ nước Nam. Anh-tông băng năm 1175, con thứ là Long-Cán lên thế vị.

7. — **Lý-cai-tông**, 1175-1211 = 36 năm. — Vua này lên ngôi thuở ba tuổi. Bà hoàng thái hậu muốn lập Long-Xướng là trưởng tử, nhưng mà triều đình không dám cãi lời di chiếu của tiên đế.

Lúc này Trung-nguyên sai sứ qua đem sắc phong cho vua; sứ nước Cao-mên, nước Chiêm-thành cũng đến mà triều bái.

Vua Cao-tông lên cấm quyền, không hay lo việc quốc chính, chỉ tu tạo cung điện, đánh thuê cao, bắt xâu nặng. Trong triều thì bất chức tước, ngoài quận thì bá tánh bị quan tham ô hà hiếp. Loạn lạc nổi lên, vua và thái tử Sam phải lánh mình; sau nhờ có người Trần-Lý giúp sức và gả con cho, nên Cao-tông mới phục nghiệp lại được.

8. — **Lý-huệ-tông**, 1211-1225=14 năm. — Cao-tông phục nghiệp lại chưa đầy một năm thì băng, truyền ngôi lại cho thái tử Sam, là Huệ-tông.

Đời Lý hầu mất, nước nhà càng ngày càng tới bại; Huệ-tông lại mang chứng điên cuồng, không dự triều chánh đặng, mọi việc đều phú cho Trần-thủ-Độ hết.

Vua có hai người con gái: người thứ hai đã gả cho Trần-Liễu, còn người em là Phật-Kim mới nên 7 tuổi. Năm 1224 vua nhường ngôi cho Phật-Kim, rồi vô chùa mà ở.

9. — **Lý chiêu hoàng**, 1224-1225=1 năm. — Công chúa Phật-Kim lên ngôi, hiệu là Lý-chiều-hoàng. Trần-thủ-Độ ý muốn tóm thân giang san nhà Lý, bèn lập mưu đưa Trần-Cánh là cháu vào ăn ở với công chúa, sau đặng nhường ngôi, lập nên nhà Trần.

IV. — Nhà Trần

13 đời vua, trị 175 năm (1225-1400)

1. — **Trần-thái tông**, 1225-1258=33 năm. — Trần-Cánh lên ngôi, hiệu là Trần-thái-Tông. Khi ấy mới có

8 tuổi, còn Lý-chiến-hoàng được 7 tuổi. Trần-thủ-Độ oai thế lay lòng, toan dứt nhà Lý, nên làm khổ khắc Lý-huệ-Tông, cho đến nỗi vua phải tự vận trong chúa. Sau Trần-thủ-Độ lại tư thông với bà hoàng thái hậu. Thái-tông ơ với Lý-chiến-hoàng đã lâu mà không có con. Trần-thủ-Độ bắt ép vợ người Trần-Liệu là anh Thái-tông, đã có thai ba tháng, đem gả cho Thái-tông, rồi phè Lý-chiến-hoàng xuống làm công chúa. Vua thấy chú mình làm điều trái luân thường như thế, thì bất bình, bèn vô chùa mà ở. Đình thần can gián lắm, vua mới chịu về.

Thái-tông lên cầm quyền bình chánh, nhờ có tôi hiền, nên nước nhà thanh trị. Vua lo mở mang việc giáo huấn, khai khoa tuyển sĩ. Năm 1247 có hai người đậu đầu: Nguyễn-Hiến và Lê-văn-Hưu. Lê-văn-Hưu sau phụng chỉ dọn sứ nước Nam từ Triệu-vô-dê tới Lý-chiến-hoàng. Có sứ ký Annam là từ đời này.

Năm 1244, dân Chiêm-thành khởi loạn, lân bờ cõi nước Nam, vua thân chinh, bắt dựng hoàng hậu và bình Chăm đem về xứ.

Năm 1258, nhà Nguyên (Mông-cổ) hạ nhà Kim, diệt nhà Tống, lên làm vua Trung-quốc (1280-1333). Nguyên-thê-tổ là Hốt-lật-Liệt (Koubilaï) xâm phạm cương giới nước Nam; vua Thái-tông đem binh chống cự, dặng trọn thắng. Sau nghĩ vì nước mình nhỏ nhen, không lẽ kinh dịch nổi binh Mông-cổ, vua bèn sai sứ qua triều Nguyên xin ba năm sang cống một lần.

Năm 1528, Thái-tông nhường ngôi lại cho con tên là Khoai.

2. — **Trần-thánh-tông**, 1278-1279 = 21 năm. —

Khoai lên ngôi, hiệu là Thánh-tông. Đời này thiết là đời bình trị, trong triều ngoài quận đều yên như bàn thạch. Nghề văn nghiệp võ càng ngày càng thịnh; các đảng anh tài chen nhau dâng phò vua vục nước.

Ông Lê-văn-Hưu tu thành bộ *Đại việt sử ký*; vua hạ chỉ cho các nhà học biếu phải đọc lấy cho biết sự tích nước Annam.

Năm 1261, Trần-thủ-Độ mãn phần. Vua Thánh-tông trị 21 năm, rồi nhường ngôi lại cho con là Khâm.

3. — **Trần-nhơn-tông**, 1279-1289 = 14 năm. —

Khâm lên kế vị hiệu là Nhơn-tông. Nguyên-thê-tổ sai sứ đòi vua qua triều bái. Nhơn-tông không chịu đi, Nguyên-thê-tổ hạ chỉ cho đại tướng Ô-ma-Nhi cầm binh qua đánh Annam (1282). Ba năm trường, hai bên cầm cự, binh Nguyên chết cũng nhiều, mà không dó. Sau rốt, vua Nhơn-tông khuyên dụ quân sĩ cùng bá tánh, thấy đều nỗ lực đánh thôi binh Nguyên, bắt ẵng Ô-ma-Nhi và nhiều tướng khác. Nhơn-tông muốn cầu hòa, bèn dạy tha hết về Trung-quốc. Còn Ô-ma-Nhi thì cầm lại, rồi sai đưa về đàng biển. Thuyền ra khơi ẵng ít ngày, bị đông bão chìm mất. (Nguyên Ô-ma-Nhi là người hung bạo; lúc cầm binh thì chém giết người Nam rất nhiều, nên vua Nhơn-tông dụng kê hại cho nó chết, mà triều Nguyên không trách ẵng).

Mười năm sau (1292), Nguyên-thê-tổ sai sứ qua triệu Nhơn-tông một lần nữa. Nhơn-tông cũng không chịu đi, Nguyên-thê-tổ tính khởi binh, cách ít lâu thì băng.

4. — **Trần-anh-tông**, 1293-1314 = 21 năm. —
Nhơn-tông truyền ngôi lại cho con là Thuyên (Anh-tông). Các đời vua trước hay xâm bình rộng nơi bấp chơn, vua Anh-tông không chịu theo thói ấy, nên từ đây cho đến sau bỏ tục xâm mình.

Năm 1305, Anh-tông đưa công chúa Huyền-Trần cho vua Chiêm-thành là Chê-Mân. Chê-Mân dựng hai tỉnh Ô và Rí cho An-nam, sau cái lại là Thuận-châu và Hóa-châu. Đời chúa Nguyễn kêu là Thuận-Hóa.

Vua Chê-Mân băng, Chê-Chi lên kế vị, cử binh đánh lấy hai tỉnh Ô và Rí lại. Anh-tông bắt đặng Chê-Chi, phê đi mà lập người em lên, từ ấy giặc Chiêm thành mới yên.

Năm 1314, vua nhường ngôi lại cho con là Minh, sông được 6 năm nữa rồi băng.

5. — **Trần-minh-tông**, 1314-1329 = 15 năm. —
Đời này không có giặc giã. Vua dùng lúc thái bình mà sửa soạn việc quốc chánh cùng việc binh nhung. Một lính thì chọn những người mạnh mẽ, cao cho đúng thước lệ; vua dạy trong hàng quân sĩ phải bỏ tục xâm mình; vua lại cấm trong bá tánh, hễ bà con thì không dặng kiện cáo nhau. Vua giảm bớt số quan viên và canh cải hàng phẩm lại.

6. — **Trần-hiến-tông**, 1329-1341 = 12 năm. — Vua này tên là Vương, vốn là con đồng thứ, (bà hoàng-hậu không có con). Đời Hiên-tông có giặc Ai-lao và giặc Mọi (1337). Vua cứ bình đẹp yên, bắt mỗi năm phải triều cống.

Hiên-tông băng, truyền ngôi lại cho em tên là Cáo.

7. — **Trần-dũ-tông**, 1341-1369 = 28 năm. — Đời vua này, trong nước có nhiều tai họa ; hạn, bão lụt, cào cào, lại thêm trộm cướp nổi lên. Ngoài biên cương, mọi Ai-lao và Chăm khởi loạn, cướp phá dưới sông rạch và dọc theo gành bãi, bắt những ghe thương hồ mà đoạt của. Vua thân chinh trừ khử mấy năm dư, mới bình phục được.

Đời Dũ-tông, bên Trung-quốc nhà Nguyên dứt, nhà Minh dậy, vua Hồng-vũ (Minh-thái-tổ) lên ngôi (1368).

8. — **Trần nghị-tông**, 1370-1373 = 3 năm. — Dũ-tông băng, không con kế vị. Bà hoàng thái hậu muốn lập cháu vua Hiên-tông. Phũ là em vua Dũ-tông khởi loạn tranh ngôi, lên tức vị hiệu là Nghị-tông.

Đời vua này có giặc Chiêm-thành đi đường biển, thỉnh linh kéo lên vây đề đô, giết dân chúng, cướp của cải, rồi bắt con trai con gái Annam mà đem về xứ.

Nghệ-tông nhường ngôi lại cho em là Cảnh (1372), sông 27 năm nữa mới băng, hưởng thọ được 74 tuổi.

9. — **Trần-duệ-tông**, 1373-1378 = 5 năm. — Cảnh lên ngôi hiệu là Duệ-tông. Vua này lo tu chỉnh việc binh cơ, dạy đóng ghe để mà độ binh và chở lương thảo. Sắp đặt vừa xong, thì có giặc Chiêm-thành (1375) đánh tới Hóa-châu (Huê). Duệ-tông dẫn binh ra cự địch. Chê-bôn-Nga là vua Chăm sợ, xin hàng phục và dâng cho Đỗ-tứ-Bình là tướng soái nhiều vàng bạc mà chuộc tội. Đỗ-tứ-Bình trở lòng tham, đoạt hết không nạp cho vua. Vua không hay bèn truyền lệnh tấn binh. Chê-bôn-Nga dựng kê dụ Annam vào thành, rồi vừa giết; Duệ-tông bị thương mà thác, còn em tên là Úc bị bắt cầm ngục.

Đỗ-tứ-Bình và Lê-quí-Ly thâu tàn binh đem về xứ. Về tới nơi, Đỗ-tứ-Bình bị triều đình lột chức, đuổi về dân dã.

10. — **Trần-phế-Đế**, 1378-1390 = 12 năm. — Con Duệ-tông tên là Kiên lên nối ngôi cho cha, hiệu là Phê-đề. Đời vua này giặc Chăm dậy lên nữa. Úc là em Duệ-tông bị Chê-bôn-Nga bắt khi trước được làm phò mã, đem binh Chăm chiếm tỉnh Nghệ-an và lĩnh Thanh-hóa mà làm vua (1382).

Kiên tuổi hãy còn nhỏ, không lo kham việc nước. Nghệ-tông bèn phê đi mà lập con mình là Chiêu-Định lên. (Nguyên Nghệ-tông lúc nhường ngôi lại cho em là Duệ-tông, thì không có con. Sau mới sanhặng Chiêu-Định và Ngung.)

Lúc này Lê-quí-Ly dặng vua yêu, nên càng ngày càng lộng quyền; trong triều ngoài quận ai này cũng kiêng oai. Hễ tâu đều chỉ thì Nghệ-tông cũng nghe,

vì vậy nên Phê-dê bị gièm, bị giáng, sau phải thất cố mà chết.

Bình Chăm chiêm Nghệ-an và Thanh-hóa, rồi lần tới Hóa-châu (Huê). Lê-quí-Lý và Đỗ-tử-Bình ra ngăn chông, mà đánh không thôi dặng. Sau bình Chăm thiếu lương, nên phải rút lên về xứ (1384), khi ấy mới yên dặng một khoản.

Bên Trung-nguyên, triều Minh thấy nhà Trần càng ngày càng suy, lại càng câu thúc, bắt dưng lễ công nhiều hơn khi trước, ấy là cô ý tham, muốn gây sự cừ địch mà tóm thâu nước Nam.

11. — **Trần-thuận-tông**, 1388-1399 — 10 năm.

Lê-quí-Lý cậy thế vua, mặc sức tung hoành, phê lập cũng một tay. Trước đã vưng chỉ tôn thái tử Chiêu-Định, sau lại cải chiếu, lập Ngung là con thứ vua Nghệ-lông, hiệu là Thuận-tông, rồi lại đưa con cho. Con làm chánh cung, cha làm tể tướng, thì cái ngôi báu muốn bước lên chừng nào lại không dặng? Thuận-tông mới có 13 tuổi, việc quốc chánh đều về một tay Lê-quí-Lý.

Năm 1394, Nghệ-tông băng. Lê-quí-Lý, tuy chưa lên ngôi, chớ oai thế lớn hơn vua, Thuận-tông ngồi đó cho có vị mà thôi. Quí-Lý sửa việc chánh trị, lập đền thờ mới nơi tỉnh Thanh-hóa, kêu là *Tây-dô*, *Đông-dô* hay là *Đông-kinh* là *Thăng-long* (Hà-nội), bày giấy bạc, ép dân sự xài, lại cấm không ai được trữ đồng thau trong nhà.

Năm 1390, giặc Chiêm-thành dậy lên, Trần-khắc-Chơn đem binh đi đánh, giết dặng vua Chê-bôn-Nga. Hai người con Chê-bôn-Nga bị La-Khải là tôi của cha mình giành ngôi phải qui hàng Thuận-tông, xin ở ngụ nước Nam.

12. — **Trần-thiếu-Đế**, 1398-1400 = 2 năm.

Cung điện cất tại tỉnh Thanh-hóa xong rồi, Quý-Ly ép Thuận-tông phải di đô nơi ấy. Thuận-tông ở với con Quý-Ly sanh dặng một trai mới nên 3 tuổi. Quý-Ly phê Thuận-tông, bắt cầm ngục, bỏ đói mà chết, rồi lên cháu ngoại lên, hiệu là Thiệu-dê.

Nơi triều có người muốn hại dứa mình thân mà trừ mối loạn trong nước, nhưng mà lậu cơ mưu, bị Quý-Ly bắt cả họ mà giết đi hết.

Cách ít lâu Quý-Ly lại phê Thiệu-dê mà lập mình lên, xưng là họ Hồ, là chánh họ của tiên nọm va.

Hồ-quí-Lý, *tiêm*, 1400. — Quý-Ly lên ngôi dặng vài tháng, rồi nhường lại cho con là Hồ-hán-Thương mà làm Thái thượng hoàng. Tuy không làm vua, chớ cũng dự việc quốc chánh, một tay điều khiển binh dân. Ý cũng muốn cho cơ nghiệp lâu dài, nhưng mà trời không dung dứa gian nịnh; sau hai cha con bị nhà Minh bắt mà giết đi.

Hồ-hán-Thương, *tiêm*, 1400-1407. — Giặc Chiêm-thành dậy lên, hai cha con Hồ-quí-Lý cử binh ra ngăn chông. Vua Chiêm-thành sợ, bèn dưng hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-nghĩa mà cầu hòa.

Chiêm-thành tuy thua nhiều trận, mà hã còn lòng, hã, không chịu qui phục nước Nam. Lúc nầy bên Trung-nguyên, lã có Hồ tiếm cứ binh mã qua giúp Chiêm-thành, nói rằng : diệt nhà Hồ mà lập nhà Trần lại, chớ thiệt sự là có ý dùng dịp mà thâu đoạt nước Nam. Hai bên giao chiến, chưa phân thắng bại. Bính Annam nghe nói diệt nhà Hồ mà lập nhà Trần, ngờ là thiệt, bớ khí giới mà rút lãn đi hết; hai cha con Quý-Lý thê cùng, tìm đường đào tẩu. Sau bị tướng soái Trung-nguyên là Trương-Phụ bắt đặng, đem về Kim-lăng mà giết đi.

13 — **Giản-Định**, 1407-1410 = 3 năm. — Dòng nhà Trần còn sót lại Ngỗi là con thứ vua Nghệ-tông. Ngỗi bị Hồ tiếm, chạy vô tỉnh Nghệ-an, xưng vương hiệu là Giản-Định. Nhờ có Đặng-fất và Nguyễn-cánh-Chơn giúp sức, nên chẳng bao lâu thì đã chiêu tập đặng một đạo binh rông, bèn ra chống cự với Trương-Phụ. Đánh thắng đặng vài trận, mà đuôi không nổi binh Trung-nguyên.

Sau có kẻ gièm rằng Đặng-Tất và Nguyễn-cánh-Chơn có lòng phản phúc, vua bèn dấy bắt hai vị công thần cùng hết thảy gia thuộc mà giết đi. Con Đặng-Tất và con Nguyễn-cánh-Chơn bỏ vua hôn quân, qua đầu Trần-quí-Khoảng là cháu Nghệ-tông, tôn lên hiệu là Trưng-quang-đế, rồi cứ binh đánh Giản-Định mà báo cừu cho cha.

Trưng-quang-đế, 1410-1414 = 4 năm. — Hai đảng giúp binh, Khoảng thầy chú là Giản-Định bèn thi lễ, xêu là Thái-thượng-hoàng. Lúc nầy chú cháu hòa cùng nhau, hiệp lực cự với Trương-Phụ. Binh

Trương-Phụ kéo tới tỉnh Nghệ-an, binh Annam đổ lặn. Giản-Định bị giết, Trưng-quang-đề trốn qua Lào, bị dân Lào bắt đem nộp cho Trương-Phụ. Trương-Phụ dạy sắm thuyền điệu Trưng-quang-đề và hai tướng là Đặng-Dung và Nguyễn-Soái về Bắc-kinh. Đi được ít ngày, vua tôi bên nhảy xuống biển mà thác. Đền đây nhà Trần đã dứt, nước Nam bị Trung-nguyên chiếm đoạt mà cai trị 10 năm.

Thuộc Trung-nguyên

10 năm (1418-1428)

Nhà Minh thuần dặng nước Nam, rồi sai quan Tàu qua cai trị như mây đời trước. Trong 10 năm, người Annam khổ sở biết ngần nào! Đờn ông thì phải đi lặn hột trai, đi đào khoáng sản, đi săn voi mà lấy ngà. Đờn bà thì phải bỏ y phục xứ mình mà ăn mặc theo Tàu. Dân sự phải để tóc như người Trung-nguyên, không dặng xâm mình, phải sùng đạo Phật.

Đã ghe phen bá tánh muốn vẫy vùng cho khỏi chung tội mọi, nhưng mà chưa có kẻ trí dũng điều khiển, nên phải bó tay mà chịu.

Lê-Lợi khởi nghĩa. — Năm 1418, có một người tên là Lê-Lợi, ở tỉnh Thanh-hóa, vốn là cựu thân nhà Trần, thấy nhơn dân khôn đồn, bèn khởi nghĩa binh mà quét sạch kẻ ngoại bang. Trong bốn phang, nào anh hùng, nào phú hộ, đều chen nhau dên mà xin làm nha tráo. Lê-Lợi dầy binh, ban đầu đánh quận huyện, sau kéo ra khỏi Thanh-hóa. Đánh đầu thắng

đỏ, thâu đoạt lương thảo, khí giới, bắt dặng giặc rất nhiều. Trương-Phụ cầm binh, mỗi trận mỗi thua, bèn cạy sớ về Bắc-kinh, xin lập Trần-Cảo lên, thì mới yên giặc. (Đây nhắc lại khi trước triều nhà Minh dấy binh, có hứa rằng sẽ diệt dặng Hồ-quí-Lý, thì sẽ lập nhà Trần lại. Nhưng mà Trương-Phụ, khi lấy dặng nước Nam rồi, thì tâu đòi rằng: nhà Trần đã tuyệt, nên mới để nước Nam mà cai trị như xứ thuộc địa vậy).

Hoàng đế nhà Minh, (Thánh-tổ, 1403-1425) nghĩ vì dằng sớ xa xuôi, hiểm trở, có đánh nữa cũng không ích gì, bèn chịu lập Trần-Cảo lên ngôi, rồi hạ chỉ cho Trương-Phụ rút binh về Trung-nguyên. Từ ấy tới nay, nước Nam khỏi phiên phục Tàu nữa,



CHƯƠNG III

V. — Nhà Hậu-Lê

26 đời vua, trị 361 năm (1428-1789)

1. — **Lê-thái-tổ**, 1428-1431=6 năm. — Lê-Lợi dẹp yên giặc Trung-nguyên rồi, ân xá tù phạm: những tướng sĩ nhà Minh bị bắt, đều được tha về nước, đồ binh khí cũng trả lại hết. Việc xong, người mới xin Hoàng-đế nhà Minh (Tuyên-ông) lập Trần-Kiều (Cảo) lên ngôi y theo lời hứa khi trước. Triều nhà Minh chịu phong.

Cảo lên ngôi, hiệu là Trần-Tung. (Sử Annam không có kể vua này về dòng Trần). Triều đình nghĩ

công Lê-Lợi đánh nam dẹp bắc đã 10 năm, mới gây dựng nước nhà lại được, bên lở bên lở người lên mà trị vì thiên hạ. Cáo hay dựng sợ bỏ tròn đi. Có người ăm dặng đem vế, nhưng mà cách ít lâu Cáo ừng thuộc độc mà thác.

Lê-Lợi lên nối nhà Hậu-Lê, hiệu là Thái-tổ, cải dề đô lại là Đông-kinh¹. (Tiếng Tonkin là tên xứ Bắc-kỳ bây giờ bởi chữ Đông-Kinh mà ra).

Mắc 10 năm binh cách, bá tánh đảo huyền, phê việc nông thương, nên lúc Thái-tổ tức vị thì kho tàng trống trơn. Vua canh cái việc chánh trị, ban hành lệ luật vừa xong, thì kê lo việc lợi nước nhà, khuyên dân cày cấy, trồng dâu để tằm, nuôi súc vật. Vua dạy kiếm mỏ vàng bạc đào lấy để mà chi tiêu trong xứ, và bớt lại một tiền còn có 50 đồng. (Các đời trước một tiền là 60, 70 đồng). Vua Thái-tổ thiệt là một vị nhưn quân, gồm đủ tài cầm binh trị nước. Tiếc thay! Người ở ngôi có 6 năm mà băng, hưởng thọ được 51 tuổi.

2.— **Lê-thái-tông**, 1434-1443=9 năm.— Con thứ Thái-tổ tên là Nguyên-Long lên ngôi, hiệu là Thái-tông. Nhờ có bọn tôi hiền là Lê-Sát và Nguyễn-Trại giúp vua trong việc quốc chách, lo nối giữ cơ đồ của tiền dề đã gây dựng, nên chẳng bao lâu nước nhà dặng cường thịnh, bá tánh an cư lạc nghiệp. Các mán Mọi, xứ Ai-lao, nước Chiêm-thành, nước Xiêm

(1) Đời nhà Lý kêu là Thăng-long (Hà-nội), sau kêu là Đông-dô. Nhà Hồ tiến lập đô tại tỉnh Thanh-hóa gọi là Tây-dô.

đền dựng lễ công mà xin làm thần xi. Năm 1437, Triều-Minh, vua Hiến-tông (1436-1465) sai sứ đem ân vàng hình lạc đà, nặng 100 lượng mà ban cho Thái-tông.

Vua bày phép thông hành để mà phòng ngừa đạo tặc cùng sự buôn mại. Trong thôn lý, dân có kiện thưa thì trước hết phải do nơi xã trưởng. Kiểu mẫu đồ đo lường truyền ra trong nước buộc dân sự phải tuân theo mà dùng; lựa hàng một cây phải có 30 thước, còn vải thì 22 hay là 24 thước; một tiền thì xấp xỉ 60 đồng. Vua định ba năm thi hương một kỳ.

Lê-Sát là tôi có công giúp Thái-tổ khi trước, bị kẻ gian nịnh gièm siểm, Thái-tông bèn dạy tam ban triều điển¹. Bọn trung thần thấy lòng vua bạc bẽo như thế, thì muốn trả chức mà về; nhưng nghĩ vì tiền đề thác cô, nên không nỡ bỏ. Thái-tông ở ngôi đăng 9 năm. Ngày kia vua đi chơi đến nhà vườn của Nguyễn-Trại, băng tại đó. Nên sau Nguyễn-Trại bị tru di tam tộc².

3. — **Lê-nhơn-tông**, 1443-1460) = 17 năm. — Bang-Kỳ là con thứ ba của Thái-tông lên ngôi thuở còn ba tuổi, hiệu là Nhơn-tông. Mẹ người lãnh cầm quyền trị nước. Đời vua này có giặc Chiêm-thành. Binh triều đánh dẹp xong rồi, bắt vua Bí-Cử cầm ngục,

(1) Vua ban cho ba vật để mà xử lý mình: 1° một bầu thuốc độc, 2° một đượng lựa, 3° một cây gươm.

(2) Bị giết ba họ: 1° họ mình, 2° họ của mẹ mình, 3° họ của vợ mình.

tôn vua khác lên. Năm 1454, Phan-phù-Tiên phụng chỉ dọn sử từ nhà Trần cho đến đầu nhà Hậu-Lê. Năm 1448, mùa màng thất bát, vua dạy mở kho lấy lúa mà giúp cho dân sự.

Năm 1453, vua được 13 tuổi, bà hoàng thái hậu giao quyền bính chánh lại. Nhưn-tông ở ngôi tới năm 1459, thì bị anh mình là Nghi-Dân thí đi. Nghi-Dân độc ác, mê dâm vô độ, làm vua mới được 8 tháng, bị triều đình xử tam ban, rồi lập Tư-Thành là con thứ 4 vua Thái-tông.

4. — **Lê-thánh-tông**, 1460-1498 = 38 năm. — Tư-Thành lên ngôi hiệu là Thánh-tông. Vua này mới có 18 tuổi, mà thông minh lắm, nghề văn nghiệp võ đều gồm đủ. Người ban hành luật *Hồng-dức* cai những tội phải phạt, tùy theo khinh trọng, cho dân khẩn đất hoang vu mà trồng trúa, đào kinh, vét sông, đắp bờ đê. Vua dạy lấy họa đồ mỗi tỉnh, rồi lập thành địa đồ chung trong nước và phú cho Ngô-sĩ-Liên dọn sử. Những dân lậu được nhóm lại một chỗ, vua cho đất yõ lấy mà làm ruộng; lúc thái bình thì được miễn sưu thuế, mà lễ có giặc giã thì những người tráng kiện phải ra đầu quân. Những dân ấy kêu là dân *dôn điền*.

Nước Chiêm-thành không bỏ thói lung lảng, cứ xâm phạm bờ cõi nước Nam hoài. Vua quyết trừ cho tuyệt, bèn cử binh đánh lấy hết một phần đất mà làm tỉnh Quảng-nam bây giờ, còn lại bao nhiêu thì phân phát cho mây ông hoàng Chăm, mỗi người trị một xứ, có quan Annam kiểm sát.

Nước Annam khi ấy chia ra 12 tỉnh :

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| 1. Thanh-hóa, | 6. Hải-dương, |
| 2. Nghệ-an, | 7. Thái-nguyên, |
| 3. Sơn-nam, (Hà-nội, | 8. Tuyên-quang, |
| Nam-dịnh, Hưng-yên), | 9. Hưng-hóa, |
| 4. Sơn-tây, | 10. Lạng-son, |
| 5. Kinh-bắc (Bắc-ninh), | 11. An-bang (Quảng-yên), |
| | 12. Thuận-hóa, |
-

5. — **Lê-hiến-tông**, 1498-1505=7 năm. — Huy, tuổi đã 37, lên nối nghiệp cha, hiệu là Hiến-tông. Vua đặt chức Khâm sai để đi từng vãng khắp xứ mà kiểm sát các tổng đốc cùng quan viên mỗi tỉnh. Vua canh cái việc điền lính lại, miễn binh điều cho con nhà nghèo khó. Những người có ruộng đất thì phải cày cấy, nếu bỏ hoang thì nhà nước lấy mà cho dân khẩn.

Vua cũng lo mở mang việc giáo huấn, trước là cho phong tục đặng thuần mỹ, sau là chọn kẻ hiền tài giúp nước. Vua có lập 24 điều để dạy dân cho biết luân thường đạo lý. Mỗi tháng làng phải nhóm hội nam phụ lão ấu mà giảng dụ một lần.

6. — **Lê-túc-tông**, 1505=6 tháng. — Tuân là con thứ ba vua Hiến-tông lên ngôi, hiệu là Túc-tông, trị được 6 tháng thì băng, có di chiếu lập anh mình là Thuấn. Sứ không có chép đều chi khác.

7.— **Lê-oai-mục**, 1505-1510=5 năm.— Thuán vẫn là con người hầu của vua Hiến-tông. Lúc tôn người lên ngôi, thì bà hoàng thái hậu có ngăn trở, ngật vì có lời di chúc của Túc-lông, nên đành thần không dám cãi.

Vua nấy ưa sắc dục, hay chém giết; trước đã hại bà hoàng thái hậu và hai vị công thần, sau lại thuộc chú, cầm ngục bà con. Việc triều chánh thì giao cho mẹ, vua không biết tới một mảy.

Giặc Chiêm-thành dậy lên, triều đình sai Lê-Uinh là cháu vua Thánh-tông và Mạc-dăng-Dong đi dẹp. Lê-Uinh đã không dặng thưởng công, mà lại bị bắt giam ngục. Người vượt khỏi, tụ chúng khởi loạn, bắt dặng hôn quân. Oai-Mục biết mình không khỏi bị giết, bèn uông thuộc độc mà thác.

8.— **Lê-tương-dực-đế**, 1510-1517=7 năm.— Lê-Uinh trừ dặng Oai-Mục, rồi lên ngôi, hiệu là Tương-dực-đê. Vua nấy lúc làm tướng thì dặng lòng dân, nay bước lên ngai, lại trở nên kiêu căng, xa xỉ, hôn muội, làm cho những tôi hiền bỏ đi lần hết. Có tên Trần-Cảo khởi loạn xưng vương, kéo binh vây đô. Vua sai Trịnh-duy-Sản ra cự. Nguyên Trịnh-duy-Sản bị đồn oan, tính kẻ trả thù, bèn lên ngựa, dẫn quân sĩ ra khỏi thành, rồi trở lại bắt vua mà thí di.

Trịnh-duy-Sán lập Quang-trị mới nên 8 tuổi, rồi đem về Tây-dò (Thanh-hóa). Cách ít ngày Quang-trị bị Trịnh-duy-Đại là em Duy-Sán thất cố mà thác.

Đây nhắc lại chuyện Trần-Cáo đây loạn: Trần-Cáo vừa kéo binh tới Đông-dô (Hà-nội), thì có binh Nguyễn-hoảng-Dũ ngăn đánh thôi lại. Hoảng-Dũ vào đề đô, đột cung điện, bắt lũ nịnh là tôi của Trương-dực-dề mà giết hết, rồi hiệp với Duy-Sán tôn Ý là con Cẩm-giang-vương lên ngôi, hiệu là Lê-chiêu-tông, đem về Thanh-hóa mà ngụ ở. Lúc này Hà-nội bỏ trống, Trần-Cáo kéo binh trở lại, thì gặp Trịnh-duy-Sán và Nguyễn-hoảng-Dũ phò vua Chiêu-tông ở Thanh-hóa vừa đến. Hai đảng giáp chiến; Trần-Cáo thấy yếu cự không nổi, bèn rút binh về Lạng-sơn.

Lê-chiêu-tông vào đề đô Thăng-long, lên nối nghiệp nhà Lê; nhưng mà từ đây về sau vua ngồi ngai cho có vị, quyền hành thì về tay họ Mạc và họ Trịnh.

9. — **Lê-chiêu-tông**, 1517-1523=6 năm. — Giặc Trần-Cáo nổi lên nữa. Trịnh-duy-Sán phụng mạng đi dẹp, lắm gian kế, bị tên mà thác. Trần-Chơn là phò tướng cầm binh đứng trọn thẳng. Vua Chiêu-tông nghe lời sàm nịnh nói rằng Trần-Chơn có ý khôi phục nhà Trần, nên khi người về vừa đến, thì đòi vào cung, rồi phục binh mà giết đi. Phe thủ hạ của Trần-Chơn bèn khởi loạn, hiệp với binh Nguyễn-hoảng-Dũ vây chặt thành đô, tôn Lê-Du lên. Mạc-đăng-Dong ra cự, bắtặng Lê-Du cùng tướng soái; kẻ nào đầu thì cho làm quan, người nào nghịch thì bị giết.

Lập dựng công lớn như thế, thì Mạc-dăng-Dong càng lòng quyền, hiếp vua, trở mặt tham. Chiêu-tông sợ, trốn ra Thanh-hóa, là chỗ Trịnh-Tuy đón binh. Mạc-dăng-Dong phê Chiêu-tông, lập Xuân là em Chiêu-tông, hiệu là Lê-cung-hoàng, rồi cử binh đánh Trịnh-Tuy, bắt vua lại, đem về Hà-nội giết đi.

10.— **Lê-cung-hoàng**, 1523-1528 = 5 năm.— Lúc này ngôi nhà Lê ở trong tay họ Mạc. Mạc-dăng-Dong thí vua Chiêu-tông rồi lo kết phe đảng. Kẻ nào thuận thì dễ, kẻ nào nghịch thì chèm, gian ác không thua gì Tào, Mãng.

Muru kê đã lập thành, Mạc-dăng-Dong vào cung bắt vua phê mà nhường ngôi, rồi ép phải tự vận.

Mạc-dăng-Dong, *tiêm*, 1528-1531 = 3 năm. — Mạc-dăng-Dong soán nhà Lê, rồi sai sứ qua Bắc-kinh mà cầu phong, nói rằng họ Lê đã tuyệt. Minh-thê-tông (Gia-lĩnh, 1522-1567) không tin lời, hạ chiếu cho quan tổng đốc tỉnh Quảng-đông tra xét. Mạc-dăng-Dong hay đảng, hồi lộ cho vì quan ấy, luôn dịp lại sai dựng công vàng bạc châu báu rất nhiều. Vua nhà Minh nhậm lễ vật, bỏ qua, không nói tới việc tiêm soán ấy nữa.

Mạc-dăng-Dong ở ngôi dặng ít năm, rồi truyền lại cho con là Mạc-dăng-Dinh, mà làm chức Thái thượng hoàng; tuy không ở triều, chớ cũng lo việc nước như xưa.

NHÀ LÊ PHỤC QUỐC

11. — **Lê-trang-tông**, 1533-1549 = 16 năm.

Nguyễn-Kim phò Lê diệt Mạc

Mạc-dăng-Dinh, tiếm, 1531-1540 = 9 năm

Đây nhắc lại việc Lê-chiều-tông bị Mạc-dăng-Dong thí mà soán ngôi. Khi ấy có một vị đại thần tên là Nguyễn-Kim phò bà hoàng thái hậu và ông hoàng Lê-Ninh trốn qua nước Chiêm-thành, ở với mọi Ai-lao. Nguyễn-Kim lo chiêu binh mãi mã, chờ ngày khôi phục cho nhà Lê. Năm 1540 chiêm dặng tỉnh Nghệ-an, rồi lần ra tới Thanh-hóa, lấy Tây-dô, tôn Lê-Ninh lên ngôi hiệu là Lê-trang-tông. Đã ghe phen Nguyễn-Kim có sai người qua Trung-nguyên cầu cùng triều Minh về sự họ Mạc tiếm soán, mà bị binh Mạc đón đảng giết đi, nên biệt tin tức. Sau có Trịnh-duy-Liêu ngồi thuyền đi hai năm trường mới tới Bắc-kinh, vào triều yết kiến Minh-thê-tông (Gia-tĩnh, 1522-1567), mà tố bày những tội ác của họ Mạc và xin vua thăm xét.

Minh-thê-tông hạ chỉ cho quan Khâm sai qua tới Vân-nam mà tra vấn, mới rõ sự bội nghịch gian ác của Mạc-dăng-Dong. Khi ấy triều Minh dậy binh (1537) phạt họ Mạc. (Việc này sau sẽ tiếp theo.)

Nói về Mạc-dăng-Dinh mới lên ngôi (1531), thì có giặc Lê-Ý xưng là dòng dõi nhà Lê, cứ binh phục quốc. Mạc-dăng-Dong ra chống cự bị thua, con là

Mạc-dăng-Dinh tiếp chiến cũng thua luôn. Lê-Ý không thừa thắng mà vây thành Thăng-long, lại đồn binh ở trại. Bởi không phòng ngừa, nên bị quĩ kẻ mà hư việc cả. Lê-Ý bị bắt, còn bao nhiêu tàn quân trốn qua Ai-lao đầu Nguyễn-Kim.

12. **Lê-trung-tông**, 1549-1557 = 8 năm.

Nguyễn-Kim. — Trịnh Kiểm phò Lê

Mạc-phước-Hải, tiếm, 1541-1546 = 5 năm.

Sứ lúc này chỉ chép sự tranh phuông của hai đảng nhà Lê và họ Mạc.

Lê-trung-tông băng (1548), con tên là Huyền-lêu nối ngôi hiệu là Lê-trung-tông, khi ấy được 14 tuổi.

Năm 1537, triều Minh sai Mã-bá-Ôn đem binh qua phạt họ Mạc về tội thí vua mà soán ngôi. Mạc-dăng-Dong lên trời mình ra quĩ trước đầu ngựa Mã-bá-Ôn, lay lục, khóc lóc, xin dựng 6 châu cho nhà Minh mà làm thần xỉ, mỗi năm triều cống. Sứ cụ về Trung-nguyên, vua Minh-thê-tông phong cho họ Mạc làm quan nhị phẩm, trấn mây xứ Bắc (Tonkin), còn nhà Lê thì giữ mây xứ Nam (Thanh-hóa, Nghệ-an), rồi truyền lệnh cho Mã-bá-Ôn rút binh về Trung-quốc. Từ ấy không nói về việc họ Mạc tiếm soán nữa.

Năm 1541, Mạc-dăng-Dong qua đời. Mạc-phước-Hải là cháu nội lên kế nghiệp cho cha là Mạc-dăng-Dinh, mới mà, rồi sử sớ đến lễ vật mà dâng cho triều Minh.

Lúc này Nguyễn-Kim đã lấy động Tây-dô (Thanh-hóa), rồi đánh ra tới Sơn-nam (Nam-dịnh, Hưng-yên), tính thẳng đường sang vây Hà-nội. Thương ôi! Công nghiệp chưa thành, lâm gian kế, bị một tay thủ hạ của họ Mạc trá hàng mà thuốc đi. Nguyễn-Kim qua đời, để lại hai người con trai: Uông, Nguyễn-Hoàng và một người con gái gả cho Trịnh-Kiểm. Uông đã mất sớm, Nguyễn-Hoàng thì còn nhỏ, Trịnh-Kiểm lãnh nổi nghiệp cho cha vợ, quản thống binh nhưng.

13. — **Lê-anh-tông**, 1557-1572 = 15 năm.

Trịnh-Kiểm 1545-1569

Mạc-phước-Nguyên, tiếm, 1548-1561 = 13 năm.

Lê-trung-tông băng (1557), không có con kế nghiệp, triều đình tôn một người cháu vua Lê-Lợi, hiệu là Lê-anh-tông.

Mạc-phước-Hải qua đời (1546), con là Mạc-phước-Nguyên lên thế.

Lúc này, phe họ Mạc đã yếu, vì anh em tranh cạnh nhau. Nhà Lê lại càng ngày càng thịnh thế, binh tướng đông, lương thảo nhiều. Năm 1555, Trịnh-Kiểm thắng đảng họ Mạc một trận rất to, muốn đánh luôn tới Hà-nội, nhưng mà còn sợ Trung-nguyên tiếp chiến, nên rút binh về Sơn-nam mà chờ thủ. Trịnh-Kiểm cũng có ý làm cho yếu sức họ Mạc, rồi sau sẽ trừ một lần cho dễ.

Năm 1569, Trịnh-Kiểm qua đời, giao quyền cho con lớn là Trịnh-Cối. Trịnh-Cối đã không tài làm tướng, mà lại hay khắc bạc quân sĩ, triều đình bèn lột chức mà trao cho em là Trịnh-Tòng. Trịnh-Cối phản, qua đầu Mạc, sau theo Mạc-kính-Điện đánh vây thành An-trường (Thanh-hóa) ba tháng mà lấy không nổi. Trịnh-Tòng thừa thế xua binh đánh Mạc thật luôn ba trận. Từ ấy oai thế Trịnh-Tòng càng ngày càng thêm, hiệp vua, thị chúng. Lê-anh-tông sợ, đem bốn người con trốn ra Nghệ-an. Khi ấy, tại triều còn lại một người, Trịnh-Tòng bèn tôn lên, hiệu là Thê-tông, rồi lập tức cử binh theo bắt vua Anh-tông mà giết đi.

14.— **Lê-thế-tông**, 1572-1588 + 27 năm

Trịnh-Tòng, 1570-1619

Mạc-mậu-Hiệp, *tiền*, 1562-1592.

Trịnh-Tòng thừa thắng lấy Ninh-bình, Nam-định, rồi lần tới Hưng-hóa, Mạc cứ thua mãi thế. Năm 1591, Tòng cử đại binh đến vây Hà-nội. Hai bên hỗn chiến, binh Mạc cứ không nổi, bèn loạn. Trịnh-Tòng vào thành vỗ an bá tánh, rồi dạy dẫn Nguyễn-Quyện là tướng trấn thủ Hà-nội ra mà hỏi việc binh cơ của Mạc. Trịnh thấy người có tài, muốn dụ hàng đầu. Nguyễn-Quyện trả lời rằng: Tướng cũng còn nói chỉ việc giặc. Trịnh-Tòng khen người nghĩa khí bèn tha ngay.

Mạc-mậu-Hiệp thoát khỏi tròng vây, trốn theo dân chúng, cạo đầu vô chùa mà ở. Sau có kẻ nhìn được, bắt đem nộp cho Trịnh-Tòng. Trịnh-Tòng dạy xử lăng trì. Lúc này kiên họ Mạc còn sót lại một ít người chạy lên Lạng-Sơn, Cao-bắc mà định trú.

Năm 1594, Lê-thê-tông vào thành Thăng-long, lo tu bổ cung điện, rồi cũng sai sứ qua Trung-nguyên mà cầu phong. Từ đây nhà Lê thâu phục cơ nghiệp của tiên nơn, lên làm vua, nhưng mà quyền hành về tay họ Trịnh. Thê-tông băng năm 1599, con thứ lên nối ngôi, hiệu là Lê-kính-tông.



CHƯƠNG IV

15. — **Lê-kính-tông**, 1599-1619 = 20 năm

CHÚA TRỊNH CHÚA NGUYỄN TRANH PHÙNG.

Trịnh-Tòng, 1570-1619 || Nguyễn-Hoàng, 1600-1643

Đây nhắc lại chuyện Nguyễn-Kim phò vua Lê-trung-tông, lập dặng cộng lớn, việc cá gần thành, rủi bị thuộc độc mà thác. Con trai là Nguyễn-Hoàng còn nhỏ nương theo anh rể là Trịnh-Kiểm mà tập nghề văn nghiệp võ. Lúc khôn lớn, Trịnh-Kiểm cho ra trấn tỉnh Quảng-nam và Thuận-hóa. (Nguyên tỉnh này là châu Ô, châu Rí của Chiêm-thành khi trước, vua Thánh-tông (Coi lại bài thứ 1) lấy mà làm tỉnh Thuận-hóa (Quảng-bình bây giờ).

Nguyễn-Hoàng ở đó, làm chúa một cõi, bá tánh đều tùng phục. Trong 10 năm, lo xây đồn đắp lũy, thảo luyện binh nhung. Năm 1572, Mạc cử binh mã tới đánh, bị thua, từ ấy không dám léo đên nữa. Lần lần Nguyễn-Hoàng lấy mây tỉnh phía nam, cho tới Bình-thuận.

Những xứ thuộc về chúa Nguyễn cai trị, kể từ bắc chí nam là: Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Quảng-đức (Thừa-thiên), Quảng-trị, Bình-định, Phú-yên, Khánh-hoà, Bình-thuận. Từ Bình-thuận ra tới Quảng-bình kêu là *Đàng-trong* (Cochinchine), kinh đô: Huê. Từ Quảng-bình sập ra phía bắc thuộc về chúa Trịnh, kêu là *Đàng-ngoài* (Tonkin), kinh đô: Hà-nội.

Đàng-ngoài thì có vua Lê, chúa Trịnh; Đàng-trong thì chúa Nguyễn, kêu là chúa Bắc, chúa Nam.

Trịnh, Nguyễn tuy nghịch cùng nhau, chớ cũng thờ một chúa là vua nhà Lê.

Đời Lê-kinh-tông trị vì, chúa Nguyễn-Hoàng kiếm điểm binh mã tại kinh bá mạng, xin vua nạp dụng. Vua sai đi trừ họ Mạc, thắng đặng nhiều trận, danh vang xứ Bắc. Ở tại triều đã lâu, mà không thấy Lê-kinh-tông phán cho về xứ. Còn Trịnh-Tông tuy bề ngoài thì niêm nở tình cậu cháu, (Trịnh-Tông kêu Nguyễn-Hoàng bằng cậu), chớ trong lòng ganh ghét, muôn kiếm cớ mà sát hại. Nguyễn-Hoàng thấy Trịnh-Tông càng ngày càng lộng quyền, tính không thê ở lâu đặng, bèn dụng mưu trôn mã về cõi Nam. Từ ấy tới sau, hai họ thù khích nhau, tranh phuơng với nhau gần 200 năm.

Vua Lê-kính-tông muốn hai Trịnh-Tông cho khởi bể câu thúc, bèn nghị kê với Thung là con thứ Trịnh-Tông. Rủi lậu mưu, cả hai bị bắt, Kính-tông bị giết, Thung bị cầm ngục.

Trịnh-tông tôn Lê-duy-Kỳ, con Lê-kính-tông lên ngôi, hiệu là Lê-thần-tông.

16. — **Lê-thần-tông**, 1619-1643 = 24 năm (lần đầu)

Trịnh-Tông, (Bình-an-vương), 1570-1619	Nguyễn-phước-Nguyên, (Sãi-vương), 1614-1634
Trịnh-Trang, (Thanh-đô-vương), 1620-1651	Nguyễn-phước-Lan, (Thượng-vương), 1635-1646

Năm 1613, chúa Nguyễn-Hoàng qua đời, con là Nguyễn-phước-Nguyên lên kế nghiệp, hiệu là Sãi-vương.

Ngoài Bắc, Trịnh-Trang thề quyền cho cha là Trịnh-Tông, cũng giữ trước vương như xưa.

Năm 1622, hai chúa khởi việc chiến tranh cùng nhau. Vua Lê-thần-tông nghe lời Trịnh-Trang sai đòi thuê chúa Nguyễn; chúa Nguyễn biết kê chúa Trịnh muốn gây việc cừu địch, nên không chịu nạp, cứ lo kiên thủ thành trì mà chờ giặc. Bình bắc vừa kéo đến, bị Sãi-vương chặn đánh thời lui, đoạt được lương thảo, khí giới rất nhiều. Kê có giặc Mạc nhiều hai tỉnh Lạng-Sơn, Cao-băng, Trịnh-trang phải đi dẹp, bắt dặng tướng sĩ và thân tộc họ Mạc điếu về kinh mà giết hết. Từ ấy họ Mạc, tuy chưa trừ tận sạch, nhưng mà đã bớt thói lung lằng.

Qua năm 1629, 1642. Trịnh cử binh xâm phạm cõi Nam, mà cũng bị thua nữa.

Năm 1643, Lê-thần-tông nhường ngôi lại cho con là Lê-duy-Hựu.

17. — **Lê-chơn-tông**, 1643-1648 = 5 năm

Trịnh-Trang, (Thanh-đô- || Nguyễn-phước-Tân
vương), 1620-1654 || (Hiên-vương), 1649-1685

Lê-duy-Hựu lên ngôi, hiệu là Lê-chơn-tông. Bên Trung-nguyên, nhà Minh dứt, vua Thuận-trị lập nên đời nhà Thanh (1644-1662).

Đời Lê-chơn-tông, hai cõi Bắc Nam yên được ít năm. Chúa Trịnh, chúa Nguyễn lo dưỡng binh gia chứa lương thảo. Năm 1647, hai đảng giáp chiến tại Bô-Chánh. Trịnh quyết lấy choặng tỉnh Quảng-bình, mà mắc tướng trần thú là Trương-phước-Phân cầm binh rất hay, giữ thành bên vững, nên Trịnh-Trang không làm chiặng. Kê Hiên-vương đem binh tiếp, đánh đuổi Trịnh-Trang qua khỏi sông Linh-giang.

Năm 1648, Lê-chơn-tông băng không con kê nghiệp. Trịnh-Trang ép vua Lê-thần-tông lên ngôi lại.

Chúa Hiên-vương lo mở mang cõi Nam, khai cửa Hải-phồ (Fai-fo), cho người phương Tây vào mà thương mãi.

18. **Lê-thần-tông**, 1618-1663 = 15 năm (lần thứ nhì)

Trịnh-Trang, 1620-1654	Nguyễn-phước-Tân
Trịnh-Thạc, 1654-1682	(Hiên-vương), 1549-1685

Từ khi chúa Trịnh khởi binh tranh cõi Nam, chúa Nguyễn cứ kiên thủ thành trì, chờ giặc tới mới đánh, chờ chưa ra khỏi cương giới nước mình, cũng chưa lấy được thành nào mà mở mang nước ra rộng lớn. Nay sẵn binh rồng tướng mạnh, tính thâu Nghệ-an, Thanh-hóa, rồi luôn đường thẳng ra Hà-nội.

Năm 1653, Hiên-vương qua sông Linh-giang, gặp binh Bắc, đánh nhau một trận tại Hoành-sơn, chiếm được 7 huyện tỉnh Nghệ-an. Chúa Nguyễn vô an bá tánh, căm nhứt quân chúng không cho cướp phá dân sự, rồi thừa thắng đi lấy Thanh-hóa, bỗng nghe tin Trịnh-Trang qua đời, bèn truyền lệnh dừng binh. Qua năm 1660, hai tướng tranh thủ Nghệ-an không hòa nhau, ăn ở khắc bạc, nên lòng dân dờn dỗi. Trịnh-Thạc lên thề quyên cho cha, dền vây thành, chẳng bao lâu Nghệ-an về tay giặc. Từ ấy chúa Nguyễn đắp thành từ Trăn-ninh ra tới biển để mà giữ gìn bờ cõi.

Lê-thần-tông băng năm 1663, con là Lê-duy-Cũ mới nên 9 tuổi lên kế vị, hiệu là Lê-huyền-tông.

19. — Lê-huyền-tông, 1663-1673 = 10 năm

Trịnh-Thạc, (Tây-dịnh- || Nguyễn-phước-Tân,
vương), 1654-1682 || (Hiên-vương), 1649-1685

Chúa Trịnh dấy oai nơi đất Bắc. — Trịnh-Thạc lúc nầy ngưng việc đánh Nam, mắc lo trừ họ Mạc đương khởi loạn tại tỉnh Cao-Bằng và dẹp những côn đồ cướp phá Tuyên-quang. Năm 1671, Lê-huyền-tông sai đòi thuê Hiên-vương nữa. Hiên-vương không nạp và cũng không tiếp sứ. Trịnh-Thạc muốn cứ binh, triều đình can gián lắm mới thôi.

Trịnh-Thạc đưa con cho Lê-huyền-tông, ép vua phê cho mình hai đều: là khi vào triều thì khởi lạy, ngồi thì ngang vua, bên phía tả. Chúa Trịnh gồm hết quyền hành của vua, mây bộ viện cũng một tay và quản thông.

Nhà Nguyễn khai khẩn xứ Nam-kỳ (La Basse-Cochinchine). — Mấy đời chúa trước đuổi lần dân Chăm từ Bắc chí Nam cho đến tỉnh Bình-thuận bây giờ. Nước Chiêm-thành tuy suy nhược, nhỏ nhen, chớ không chừa thói lung lảng. Thừa lúc chúa Nguyễn mắc lo cự địch cùng chúa Trịnh, vua Chăm xâm phạm cõi Nam. Hiên-vương cử binh gia phạt, bắt dặng vua Chăm điệu về kinh, còn vợ thì trị cho một quận nhỏ nơi tỉnh Bình-thuận mà ở cho đến khi mãn phần. Từ ấy dân Chăm tản lạc, lớp thì rút vô rừng rú, lớp thì lên đồn trú trên núi non. Những mọi Kha, mọi Mường bây giờ đây là dòng giống dân Chăm khi trước.

Từ ranh tỉnh Bình-thuận sập vô Nam-Kỳ là nước Cao-man. Người Annam tràn qua khỏi giới địa, ở lộn lạo với dân xứ ấy, kẻ thì làm ruộng rẫy, kẻ thì buôn bán. Mô-xoài (Bà-ri-a), Đông-nai (Biên-hòa), hai chỗ ấy thì có người Annam ngụ nhiều hơn hết. Thường hễ người ngoại bang trà trộn cùng dân bốn thổ, thì sao cho khỏi sanh ra đều thù khích, giết bỏ nhau. Quan địa phương tỉnh Bình-thuận cụ sớ tâu rằng vua Cao-man là Néắc-ông-Chấn để cho dân mình hiệp đáp người Annam. Chúa Hiến-vương ý muốn mở mang bờ cõi, bèn thừa dịp cứ binh lấy Mô-xoài, Đông-nai, bắt vua Néắc-ông-Chấn phải hàng phục và tâu công thường năm.

20 — Lê-gia-tông, 1673-1675 = 2 năm

Trịnh-Thạc, (Tây-định- vương), 1654-1682		Nguyễn-phước-Tân, 1649-1685
---	--	--------------------------------

Huyền-tông băng (1673), Trịnh-Thạc lập em vua là Lê-duy-Hội, hiệu là Lê-gia-tông.

Năm 1672, Trịnh-Thạc độ binh qua Linh-giang, quyết thâu choặng cõi Nam. Hai bên giao chiến nơi thành Trân-ninh. Trịnh có người Hoa-lang (Hollandais) giúp, phóng hỏa công đồn đồn lũy. Tướng giữ thành Trân-ninh là Nguyễn-hữu-Dật truyền lệnh lẫn súc gỗ xuống giết binh Bắc hằng hà sa số. Trịnh-Thạc đánh bảy tháng trời mà hãm thành không được, bỗng dặng mật thơ nói rỏ mình muốn phản, bèn rút binh bót về Hà-nội. Hiến-vương thừa dịp khai thành, vừa giết quân nghịch, đuổi qua khỏi sông Linh-giang.

Trịnh-Thạc về tới kinh đô Hà-nội, bắt rế xứ lạng tri, rồi lại sai người bỏ thuốc độc mà hại luôn em là Trịnh-Triển, vì nghi cho Triển đã đồng lõa cùng rế mình.

Năm 1675, có một ông hoàng Cao-man khởi loạn đuổi vua Néắc-ông-Non mà giành ngôi. Néắc-ông-Non trốn ra Huế xin chúa Hiền-vương báo hộ. Hiền-vương sắm sửa chiến thuyền, độ binh tới Nam-vang, thâu đoạt thành lũy, rồi tôn Néắc-ông-Non lên làm vua nhì, còn Néắc-ông-Thu là cháu làm vua nhất. Từ ấy oai danh chúa Nguyễn rúng khắp nước Cao-man; nội phía nam xứ này sau bị sáp nhập về Annam mà làm xứ Nam-Kỳ (Basse-Cochinchine).

21. — **Lê-hi-tông**, 1675-1705 = 5 năm.

Trịnh-Thạc; (Tây-dịnh- vương), 1654-1682	Nguyễn-phước-Tân (Hiền-vương), 1649-1685
Trịnh-Căn, (Định-nam- vương), 1682-1707	Nguyễn-phước-Thời (Ngãi-vương), 1686-1690

Lê-gia-tông băng (1675), em là Lê-duy-Hiệp lên ngôi, hiệu là Lê-hi-tông.

Năm 1677, Mạc-kính-Vô dấy loạn chiếm tỉnh Cao-bằng, Trịnh-Thạc đánh đuổi qua Trung-nguyên; sau bị nhà Thanh bắt mà nạp cho chúa Trịnh. Bên này, chúa Trịnh cũng bắt những kẻ nghịch nhà Thanh mà giải về Bắc-kinh.

Năm 1682, Trịnh-Thạc qua đời, con là Trịnh-Căn lên thế quyền, cũng được phép ngôi một bên vua, khỏi lạy như các quan khác.

Năm 1681, có nhiều người Trung-nguyên không chịu phục nhà Thanh qua đầu chúa Hiền-vương. Chúa Hiền-vương trí cho ở Biên-hòa và Mỹ-tho mà lập nghiệp; sau lâu đời, bỏ phong tục Tàu mà theo phong tục Annam, làm bạn cùng dờn bà Annam, nổi sanh ra người *Minh-huong*.

Hiền-vương qua đời năm 1685, con là Nguyễn-phước-Thời lên nối nghiệp, hiệu là Ngải-vương.

Lê-bi-lông nhường ngôi lại cho con là Lê-dũ-lông.

22. — Lê-dũ-tông, 1705-1729 = 24 năm

Trịnh-Căn, (Định-nam-vương). 1682-1707	Nguyễn-phước-Điều (Minh-vương), 1691-1723
Trịnh-Cang, (An-dô-vương). 1707-1729	Nguyễn-phước-Chú (Ninh-vương), 1724-1736

Trịnh-Căn qua đời năm 1707, cháu nội là Trịnh-Cang (Cương) lên kế nghiệp, oai thế hoành hành hơn ông nội, phê lập, thưởng phạt, làm chi thì làm, vua không dám cãi. Trịnh-Cang có tài trị nước, bày ra địa bộ, cầm các quan không dựng lập làng riêng mà chứa những dân trôn xâu lậu thuế, ban hành luật *Hông-dức*, bỏ hình chặt ngón tay mà thế hình khổ sai, đào kinh, vét sông, đánh thuế những vật thổ sản và khoáng sản.

Chúa Minh-vương mở thêm cõi Nam ra rộng lớn, lấy quận đã cho bà hoàng hậu Chăm ở khi trước mà làm phủ Bình-thuận. Năm 1715, có một người Khách

tên là Mạc-Cửu dựng cho Minh-vương 7 xứ mình đã khai khẩn. Chúa Minh-vương phong tước hầu cho Mạc-Cửu và giao cho người trấn 7 xứ ấy : Hà-tiên, Phú-quốc, Long-cơ, Cấn-vột (Kam-pot), Vũng-thơm (Kam-pong-thom), Rạch-giá, Cà-mau.

Năm 1729, Trịnh-Cang ép vua nhường ngôi lại cho con thứ là Lê-duy-Phường, cách ít tháng Trịnh-Cang qua đời cũng một năm ấy (1729).

23. — Vinh-khánh-đế, 1729-1732 = 3 năm

Trịnh-Giang, (Oai-nam-vương), 1730-1739		Nguyễn-phước-Chú (Minh-vương), 1724-1736
---	--	--

Lê-duy-Phường lên ngôi, hiệu là Vĩnh-khánh-đê. Vua phong cho con Trịnh-Cang làm hoàng hậu, vợ Trịnh-Cang làm hoàng thái hậu. Trịnh-Cang qua đời, con là Trịnh-Giang lên nối nghiệp. Trịnh-Giang cũng giỏi việc trị nước như cha vậy. Nhưng mà mắc tu tạo đền đài, xa xỉ của nước quá đỗi, nên kho tàng trống trơn, sanh ra sự tình tệ: mua quan, bán tước. Năm 1729, mùa màng thất bát, bão lụt nhiều nơi, Trịnh-Giang hạ chỉ giảm thuế cho dân, mà tăng thuế người Khách, lại cấm không cho đào khoáng sản nơi tỉnh Thanh-hóa nữa, sợ động mồ mả tiên nơn.

Năm 1731, Trịnh-Giang phê Khánh-đô mà lập anh
vua lên, hiệu là Lê-thuần-tông.

Nơi cõi Nam, chúa Minh-vương dời phủ Định-viên ở Cũ-bè xuống Long-hồ (Vĩnh-long) và lo mở mang giới địa xứ Nam-kỳ.

Mạc-Cửu qua đời, Minh-vương phong cho con là Mạc-tông lên nối nghiệp.

24. — **Lê-thần-tông**, 1732-1735 = 3 năm

Trịnh-Giang, (Oai-nam-vương), 1730-1739		Nguyễn-phước-Chú (Minh-vương), 1724-1736
---	--	--

Đời này sử không chép đều chi lạ. Trịnh-Giang bày khắc bản in Tứ thư, Ngũ kinh để mà dùng trong xứ, cầm mua sách Tàu.

25. — **Lê-ý-tông**, 1735-1740 = 5 năm.

Trịnh-Giang, (Oai-nam-vương), 1730-1739		Nguyễn-phước-Chú (Minh-vương), 1724-1736
Trịnh-Dinh, (Minh-đô-vương), 1740-1767		Nguyễn-phước-Huật (Võ-vương), 1737-1763

Trịnh-Giang càng ngày càng kiêu căng cho đến đời đời sử Trung-nguyên phong cho mình là Annam Thượng vương. Trong triều ngoài quận ai nấy đều nghiên răng chắt lưỡi. Có ba ông hoàng: Lê-duy-Chúc, Lê-duy-Quý và Lê-duy-Mật để cớ: « *Phò Lê, diệt Trịnh* », khiến dân dấy loạn. Lê-duy-Chúc và Lê-duy-Quý bị bắt; còn Lê-duy-Mật trốn khỏi, chiêu tụ anh hùng mà cự với họ Trịnh, sau thế cùng phải tự vận tại tỉnh Trấn-ninh (Coi bài sau).

Lúc này Trịnh-Giang bối hay dâm dục, nên mang bệnh hoạn. Ngầy nọ, trời sét làm cho va mất vía. Từ ấy, bề nghe trời gấm thì run sợ, bèn dạy xây một cái hăm, rồi xuống đó mà ở. Bao nhiêu quyền thế đều giao cho tên nội hoạn Huỳnh-công-Phụ. Tên này lại gian ác hơn Trịnh-Giang nữa. Đình thần bèn nghị lập Trịnh-Dinh, Huỳnh-công-Phụ sợ Đình giết, kiềm đường đào tẩu.

Trịnh-Dinh ép Lê-ý-tông nhường ngôi lại cho cháu là Lê-duy-Đào. (Nguyên Lê-duy-Đào là cháu Lê-duy-Mật đã khởi loạn, nên Trịnh-Giang nghi mà cầm ngục; nay lập Đào lên là có ý vỗ an bá tánh).

Nơi cõi Nam, Ninh-vương qua đời, (1736) con là Võ-vương lên kế nghiệp.



CHƯƠNG V

Giặc Tây-sơn. — Nhạc, Huệ, Lữ.

26. — Lê hiên-tông, 1740-1786 = 46 năm,

Trịnh-Dinh, (Minh-đô-vương), 1740-1767
Trịnh-Sum, (Tĩnh-đô-vương), 1767-1782

|| Nguyễn-phước-Huật
(Võ-vương), 1737-1763
|| Nguyễn-phước-Thuần
(Định-vương), 1766-1777

Ngoài Bắc Lê-duy-Đào lên ngôi, hiệu là Lê-hiến-tông. Trịnh-Dinh qua đời, con là Trịnh-Sum thế quyền.

Trịnh-Dinh đã tôn Lê-duy-Đào rồi, mà phe Lê-duy-Mật cũng còn dây loạn. Lúc này Lê-duy-Mật đương đồn binh tại Trần-ninh, bị vây chặt, liệu thế không khỏi bị bắt, bèn lên giàng hóa mà thác. Từ ấy xir Bắc mới yên.

Trong cõi Nam, cơ nghiệp chúa Nguyễn hầu suy: Võ-vương qua đời (1765), Thuần lên nối nghiệp, hiệu là Định-vương. Chúa Định-vương tuổi còn nhỏ, không lo kham việc quốc chính, giao quyền hành cho Trương-phước-Mạn. Tên này cũng là tay gian hùng; chẳng khối bao lâu đã ló mòi tham, muốn tiếm soát, bắt Hiều-khương-vương là con thứ của Võ-vương mà cầm ngục, rồi giết đi. Loạn trong trào lảng lẩn ra ngoài quận, khiến cho một tên biền lại Nguyễn-văn-Nhạc thừa dịp dấy lên, thâu nước Nam mà xưng vương xưng bá mấy năm. Giặc này kêu là giặc *Tây-sơn*, ban đầu cướp phá quận huyện, san lấp tới Qui-nhơn, Bắc-kỳ, Nam-kỳ.

*Tây-sơn lầy Qui-nhơn,
Trịnh-Sum tiếp Định-vương.*

Nguyễn-văn-Nhạc cùng hai em là Huệ và Lữ kéo binh vây Qui-nhơn; chẳng mấy ngày thành bị phá. Nhạc thừa thắng lấy luôn Huệ (1774). Chúa Định-vương cô thế tìm vô Nam-kỳ mộ binh dặng lo cự địch, đề cháu là Mục-vương ở lại Quảng-nam mà ngăn giặc. Nhạc muốn dặng lòng bá tánh, sai tướng Khách tên

Lý-Tài dẫn vài trăm binh đến phò Mục-vương trở về kinh đô Huế. Mục-vương sợ lắm quí kẻ, bèn dụ Lý-Tài theo mình về Nam-kỳ mà hiệp với Định-vương (1775).

Ngoài Bắc, Trịnh-Sum nghe Tây-sơn dậy loạn cõi Nam, cử binh mã, nói rằng: đi cứu Định-vương, chớ thiệt sự là đi lấy kinh đô Huế. Khi ấy Nhạc ra hàng đầu, được phong làm tiên quân, sau lãnh trấn tỉnh Quảng-nam (1776). Gian thần Trương-phước-Man bị bắt điệu về Hà-nội, sau bị xử lăng trì.

Trịnh-Sum dẹp loạn yên, rồi thu binh về Bắc.

*Huệ cử binh lấy Hà-nội,
Trịnh-Giai bị khôn liệu mình.*

Binh Trịnh-Sum rút đi rồi, Nhạc rộng đường, tung hoành một cõi; cơ nghiệp nhà Nguyễn dựng nên từ đời Nguyễn-Hoàng hậu về tay gã. Nhạc xưng vương, lập đô tại Qui-nhon, rồi sai em là Huệ và Nguyễn-hữu-Chính là tướng phản Trịnh, cầm binh đi lấy Huế (1780). Tổng trấn Huế không ra ngăn chông; chẳng khối bao lâu thành đô bị phá. Nguyễn-hữu-Chính khuyên Huệ đi cớ « Phò Lê, diệt Trịnh », rồi thừa thắng kéo về Hà-nội. Huệ nghe lời truyền lệnh tấn binh.

Trịnh-Sum dẹp yên loạn Tây-sơn, rồi trở về Hà-nội. (Coi lại bài trước), cách ít lâu thọ bệnh mà thác (1782).

Don là Trịnh-Giai lên thế. Lúc này quân Tây-sơn bắt từ Nghệ-an đánh ra Thanh-hóa, thâu Nam-dịnh. Trịnh-Giai dẫn binh ra cự, bị vây chặt, thế cùng bèn rút gươm đâm họng mà thác (1786).

Huệ vào đề đô, vua Lê-hiến-tông xuống ngai nghinh tiếp, mời ngồi một bên, phong tước Quốc-công lại đưa công chúa cho nữa. Lê-hiến-tông bằng năm 1786, tuổi đã 70.

27. — **Lê-chiêu-thống**, 1786-1788 (*Rốt nhà Lê*)

Nhạc nghị em kéo binh ra đất Bắc,

Nguyễn-hữu-Chỉnh bị kê tròn về Nghệ-an.

Lê-hiến-tông bằng (1786), triều đình tôn Lê-duy-Khiêm là cháu nội, hiệu Lê-chiêu-thống. Lúc này Nhạc & Qui-nhơn nghe tin em mình (Huệ) đã lấy Hà-nội, lại dặng vua yêu dùng, thì hêm nghị, bèn kéo binh ra đất Bắc. Đi vừa đến thành Thăng-long, thì thấy vua Chiêu-thống cùng triều đình đón rước rất nên trọng thể. Vua xin chia đất, Nhạc chời từ nói rằng diệt Trịnh, phò vua, chớ không có ý lấy nước vua. Từ ấy Lê-chiêu-thống mới yên tâm, không còn nghi sợ nữa.

Vô-vẫu-Nhâm là tướng của Nhạc tâu rằng Nguyễn-hữu-Chỉnh bày mưu lấy Hà-nội, là có ý muốn lập cho mình, nên sớm không lo trừ khử, thì sau sẽ có họa to. Nhạc thương nghị với Huệ, rồi nội đêm truyền lệnh thâu binh về Qui-nhơn, không cho Nguyễn-hữu-Chỉnh hay. (Nguyễn Chính ngày trước phẫn Trịnh

dầu Tây-sơn, nay ở lại một mình, chỉ cho khỏi bị dân Bắc giết).

Rạng ngày Chính biết trúng gian kê, bèn với vài tên thủ hạ mượn thuyền thắng ra Nghệ-an. Nhạc và Huệ đón binh nơi đó, giao cho Chính ở lại trấn tỉnh ấy, rồi hai anh em trở về Bình-dịnh.

Trịnh-Phùng làm phản cướp ngôi,

Nguyễn-hữu-Chính giúp vua Lê.

Phe họ Trịnh thấy binh Tây-sơn rút đi hết, thì trở về trao tranh quyền tước với nhau, không kể chi đến vua. Khi ấy có hai anh em là: Trịnh-Đệ và Trịnh-Phùng. Đệ về trước, ép vua phê cho mình thê chức của Trịnh-Giai, Phùng tới sau giành; hai đảng giao chiến cùng nhau; Đệ thua phải trốn đi, Phùng được vua phong quờn tước của ông cha xưa, lại càng hoành hành, khi quân, thị chúng. Ý soán đoạt đã lộ ra, vua Lê-chiêu-thông bèn sai người đem mật thư ra Nghệ-an cho Nguyễn-hữu-Chính.

Chính cử binh giúp vua, đánh Trịnh-Phùng đại bại rút về Kinh-bắc (Bắc-ninh).

Cách ít lâu lại ra chông cự nữa, mà cũng bị thua mỗi thê. Trịnh-Phùng thôi chỉ bèn bỏ mà đi, còn quân sĩ thì tán lạc hết. Từ đây họ Trịnh dứt, mà nhà Lê cũng gần vong.

*Nhạc, Huệ, Lữ chia nước xưng vương,
Vua Lê thề cùng cầu Trung-quốc.*

Cũng vì nghi kỵ nhau, nên Nhạc và Huệ khởi việc chiến tranh. Huệ vây Qui-nhơn, Nhạc phải rút binh Nam-kỳ mà cự địch. Hai đảng đánh nhau chưa biết hơn thua, sau nghĩ tình cội nhục, lại hòa cùng nhau, chia đất mà làm vua.

Nhạc xưng *Trung-vương-hoàng-đê*, lãnh tỉnh Quảng nam, Quảng-ngãi và Bình-định, đóng đô tại Qui-nhơn.

Huệ xưng *Bắc-bình-vương*, lãnh tỉnh Quảng-đức, Quảng-trị, Quảng-bình, Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa và gồm cả xứ Bắc-kỳ, đóng đô tại Huệ.

Lữ xưng *Đông-bình-vương*, lãnh Khánh-hòa, Bình-thuận và xứ Nam-kỳ.

Chia chác xong xuôi rồi, Huệ cử binh ra lấy Hà-nội một lần nữa. Nguyễn-hữu-Chính ngăn chông không nổi, bèn tháo lui, bị Võ-văn-Nhâm và Ngô-văn-Sở là tướng của Huệ chặn lại, bắt đặng đem nạp cho Huệ. Huệ dạy chém bêu đầu làm linh.

Vua Lê-chiêu-thông trốn qua Trung-nguyên mà cầu cứu. Hoàng-đê Trung-nguyên sai binh giúp, bị Tây-sơn thề mạnh giết rất nhiều. Từ đây vua nhà Lê mất nước, ở ngụ tại Quảng-đông, sau được chỉ triệu về Bắc-kinh mà làm quan, đến năm 1791 thì băng.

Huệ lấy đặng xứ Bắc-kỳ, lên làm vua. Đến năm 1801, Nguyễn-Anh nhờ sức người Lang-sa và các đứng anh tài như: Võ-Tánh và Lê-văn-Duyệt, dẹp yên Tây-sơn, lập nên nhà Nguyễn, xưng hiệu là Gia-Long.

CHƯƠNG VI

Gia-Long phục quốc

I. — *Định-vương lâm tay giặc, Nguyễn-Anh lánh Tây-sơn.*

Nói về chúa Định-vương bỏ đề đồ Huế, vô Nam-kỳ mộ binh mà cự với Tây-sơn (1774). Cách ít lâu con là Mục-vương cũng tìm theo. (*Coi lại bài 26 và bài kê đó*). Định-vương ở tại Saigon, chiêu tập binh mã, có cháu là Nguyễn-Anh trợ lực.

Nguyễn-Anh là con Hiêu-khương-vương bị gian thần Trương-phước-Man cầm ngục mà thác. Hiêu-khương-vương là anh Định-vương, cả hai là con Võ-vương; Nguyễn-Anh kêu Định-vương bằng chú.

Năm 1777, Nguyễn-văn-Nhạc thừa lúc Trịnh-Sum thân binh về Hà-nội, bèn xưng vương hiệu là Thái-đức, rồi sai em là Huệ đuổi theo Định-vương và đánh lấy xứ Nam-kỳ (Basse-Cochinchine). Định-vương thê yếu, ngăn chông không nổi, phải thôi lẩn tới Long-xuyên. Huệ chặn đường, bắt đặng cả hai cha con đem về Saigon giết đi (1777).

Định-vương và con là Mục-vương thác rồi, chỉ diệp nhà Nguyễn bấy giờ chỉ còn một mình Nguyễn-Anh. Lúc này Nguyễn-Anh bị giặc Tây-sơn đuổi theo rất gấp, chạy tới Cà-mau, rồi xuống thuyền ra cù lao Thổ-châu nơi vịnh Xiêm-la mà tị nạn

II. — *Nguyễn-Anh thê cùng cầu Xiêm quốc,
Đức cha vì nghĩa chịu viện binh.*

Tây-sơn chiếm đóng xứ Nam-kỳ, nhưng mà mắc dương lo cự địch cùng chúa Trịnh ngoài Bắc, nên phải rút bớt binh về. Lúc nấy Nguyễn-Anh đã được 17 tuổi; những tướng sĩ theo phò người lấy hiệu *Đông-sơn*, tôn người làm Đại nguyên soái, rồi đây động quân chúng đuổi Tây-sơn, thôn Bình-thuận. Từ năm 1777 tới 1786, đánh đã ba trận, giành xứ Nam-kỳ lại ba lần, mà ba lần phải thất, vì Tây-sơn thê còn đương mạnh.

Năm 1783, Nguyễn-Anh bỏ Gia-định, chạy ra Phú-quốc, tính lẩn qua nước Xiêm mà cầu cứu. Thời may lại gặp Đức cha *d'Adran*, bị bắt đạo, cũng ở tại đó mà bị nạn. Nguyễn-Anh bèn thuật hết các nỗi gian nguy, xin người chiêu cò. Đức cha khuyên phải viện binh Lang-sa thì trừ mới yên giặc Tây-sơn. Nguyễn-Anh chịu, gởi gắm đồng cung *Cánh* khi ấy mới nên 5 tuổi. Năm 1784, Đức cha lìa cõi Nam, qua thành Pondichéry, rồi trẩy sang nước Lang-sa, đến năm 1787 mới tới Lorient.

Đức cha đi rồi, thì Nguyễn-Anh qua nước Xiêm. Vua Xiêm tên là *Chattri*, lúc trước có mang ơn Nguyễn-Anh, bèn giúp binh và chiến thuyền. Năm 1786, Nguyễn-Anh đánh lấy đóng ít chỗ, rồi cũng bị thua mà trở về Bangkok, mất hết một tên danh tướng là Châu-văn-Tiếp. Từ ấy chúa tôi ở nước Xiêm, lo mộ binh, đóng tàu chờ ngày khôi phục.

III. — *Nguyễn-Anh thâu Gia-dinh, Bình Pháp tới Nam-kỳ.*

Nguyễn-Anh từ ngày thất Nam-kỳ, trở lại ở Bangkok, cũng có ý trông vua Xiêm giúp binh mộ lán nữa. Nhưng mà dợi càng ngày càng vắng, người bên thông tin cho chư tướng hay, rồi lên đề điều gia quyền đem đề ngụ tại hòn Phú-quốc. Cách ít lâu, những trang hảo kiết như: Võ-Tánh, Ngô-tùng-Châu, Nguyễn-văn-Thiên, Lê-văn-Duyệt hiệp quân sĩ lại được đông đủ, khí giới sẵn sàng. Nguyễn-Anh truyền lệnh kéo đi lấy Gia-dinh (1787). Vua Tây-sơn Nguyễn văn-Lữ hayặng, lui về Bình-thuận, để một mình Lê-văn-Ngạn ở lại thủ thành. Binh Tây-sơn bị Võ-Tánh đi tiên đạo đánh thối lui; Lê-văn-Ngạn phải bỏ Gia-dinh chạy ra Bình-thuận.

Nguyễn-Anh thâuặng Gia-dinh, vỗ an bá tánh, lo đắp đôn lũy mà kiên thủ. Việc yên rồi, người cho đi rước gia quyền về (1788).

Năm 1789, Đờ cha d'Adran viện dặng binh Lang-sa, trở qua Saigon, có đem súng đồng, khí giới cùng thuốc đạn. Các quân Lang-sa theo Đờ cha qua giúp vận nhà Nguyễn: ông *Chaigneau, Vannier, de Forçant, Dayot, Olivier, Le Brun, Despland*, đều là người trí dũng, mưu lược. Kẻ thì lo tập luyện binh lính, kẻ thì đóng tàu, kẻ thì lập đôn lũy thành trì. Không đầy một năm binh bộ thủy đã thành thuộc, chiến thuyền đã sẵn sàng. Nguyễn-Anh sai ông Dayot và ông Vannier đi dăng biển phá cửa Thị-nại (tỉnh Qui-nhơn); còn binh bộ thì đánh Bình-thuận, Phú-yến (1791). Mới trận đầu, Tây-sơn hao binh tổn tướng

rất nhiều, một đạo chiến thuyền đến tiên hỷ. Từ ấy về sau, mỗi năm, he tới mùa gió thuận, thì Nguyễn-Anh đi đánh Tây-sơn, qua mùa gió nghịch thì nghỉ binh, làm như vậy đã hơn 10 năm, mới thâu phục được Qui-nhơn.

Năm 1792, ông hoàng Đầm sanh ra nơi chùa Khải-tường ở làng Tân-lộc, sau lên ngôi hiệu là Minh-Mạng.

IV. — *Võ-Tánh bị khôn liêu mình,*
Nguyễn-Anh cử binh lấy Huế.

Chúa Tây-sơn Nguyễn-văn-Huệ (Bắc-bình-vương) qua đời, con là Nguyễn-quang-Toán lên thế vị. Lúc bấy giờ Tây-sơn không phù hiệp nhau. Nhạc bại binh cầu cháu là Toán cứu; Toán mạnh thế, đánh giành nước, phê Nhạc, phong cho con Nhạc làm Điều-công. Cách ít lâu Nhạc mất, con Lữ (Đông-bình-vương), Toán lại bắt mà giết đi. Cả xứ Nam và xứ Bắc nay về một tay Nguyễn-quang-Toán.

Nguyễn-Anh đánh Qui-nhơn đã năm trận mới thâu được (1799). Người giao cho Võ-Tánh và Ngô-lùng-Châu trấn thủ, rồi trở về Gia-định. Qua năm sau (1800), quân Tây-sơn trở lại vây Qui-nhơn; Võ-Tánh liền thông tin cho Nguyễn-Anh hay; rúi nả năm lúc gió nghịch, nên không thế mà cứu cấp được. Đến tháng tư (1801), Nguyễn-Anh độ binh đi giải vây; Nguyễn-văn-Thiết và Lê-văn-Duyệt đánh bộ phá

đón lấy, còn dưới sông thì các quan Lang-sa (đ) chiến thuyền Tây-sơn. Thành Qui-nhơn gần về tay chúa Nguyễn, bỗng có tin trong Nam-kỳ cho hay rằng đông cung Cảnh đã mất lộc (1801). Nguyễn-Anh ngã lòng, bèn khiến Võ-Tánh bỏ thành mà tìm ra Cù-mông là chỗ người đón binh. Võ-Tánh liệu thế Tây-sơn vây chặt Qui-nhơn, ắt là đề đồ Huê phái móng binh, bèn khuyên Nguyễn-Anh thừa dịp đi đánh Tourane mà lấy Huê, còn mình thì tự quyết liều thác ở lại mà cầm cự với giặc.

Nguyễn-Anh y kè, truyền lệnh cho mây đạo chiến thuyền thẳng ra cửa Hàn (Tourane); cách ít ngày thâm dặng đề đồ Huê; Nguyễn-quang-Toán đã tròn mặt. Nguyễn-Anh vào thành vỗ an bá tánh, niêm phong cung điện kho tàng, rồi lập tức kéo binh đi giải vây Qui-nhơn.

Võ-Tánh bị khốn gần một năm, lương phạn đã hết, quân sĩ đều thôi chí. Nghĩ mạng sanh linh là trọng, người bèn bàn thơ cho tướng giặc xin chớ tàn hại binh dân, rồi mặc đồ triều phục lên giảng thiêu mà tự tử; Ngô-tùng-Châu uống thuốc độc cũng thác. Tướng Tây-sơn kéo vô thành, dạy chôn cất Võ-Tánh và Ngô-tùng-Châu, rồi y như lời không đá động tới dân chúng.

Khi Nguyễn-Anh lấy đề đồ Huê, dẫn binh tới Qui-nhơn, thì Tây-sơn đã đoạt thành rồi. Binh Nam-kỳ vây Tây-sơn lại và chặn các nẻo vận lương. Cách ít lâu quân sĩ bị đói khát, lớp thì tròn qua Lào, lớp thì

hàng đầu; từ đây mới thâu phục dựng thành Qui-nhơn.
Nguyễn-Anh đặt tỉnh này lại là Bình-định.

V. — *Đức cha niên chương tại thờ.*

Nguyễn-Anh từ vị xưng vương.

Năm 1799, thành Qui-nhơn thâu dựng rồi, nghiệp cả của nhà Nguyễn gần thành, Đức cha d'Adran đã qui thiêa. Người mả' tại Bình-định, nhằm ngày 9 Octobre 1799. Nguyễn-Anh dạy tấn liệm, rồi đề linh cửu về Gia-định mà an táng tại làng Tân-sơn, lập lăng mà thờ, lại chạm bia đá mà biêu danh trung nghĩa. Năm 1794, Nguyễn-Anh có dạy cất *Miếu Công Thôn*, (ục kêu là Miếu Hội đồng, tại *Aux Mares*), để mà thờ các quan Lang-sa và Annam có công khai quốc.

Năm 1802, Nguyễn-Anh xưng vương tại đê đô Huế, đặt niên hiệu là Gia-Long. Khi ấy xứ Bắc-kỳ chưa quét sạch đảng Tây-sơn; Gia-Long truyền lệnh độ binh qua sông Linh-giang, nhằm Thăng-long tấn phát. Đi tới đâu bá tánh ra đón rước; quan quân khai thành nghinh tiếp; chưa đầy một tháng binh đã tới Hà-nội. Gia-Long vào đê đô, thắng điện; con cháu nhà Lê, chúa Trịnh cùng các quan tới triều bái. Gia-Long phong tước lộc, lại cấp cho ruộng đất để mà phụng tự. Còn quân giặc Tây-sơn, hạn năm ngày phải bỏ khí giới tới mà đầu thì tha giết. Khi ấy Nguyễn-quang-Toản và gia thuộc bị bắt, Gia-Long dạy xử lăng trì.

CHƯƠNG VII.

VI. — Nhà Nguyễn (*lời vua Khải-định*)

12 đời (1802.....)

1. — **Gia-Long**, 1802-1820=18 năm. — Gia-Long lên làm chúa một cõi choán cả gành Đông-dương từ nam chí bắc :

1^o Xứ Nam-kỳ (Basse-Cochinchine), 6 tỉnh : Gia-định (Phan-yên), Trần-biên (Biên-hòa), Định-tường (Mỹ-tho), Long-hồ (Vinh-long), An-giang (Châu-dộc), Hà-tiên.

2^o Xứ Nam-trung (Cochinchine), 8 tỉnh : Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-đức, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Nha-trang, Bình-thuận.

3^o Xứ Bắc-kỳ (Tonkin), 12 tỉnh : Thanh-hóa, Nghệ-an, Sơn-nam (Nam-định, Hưng-yên), Kinh-bắc (Bắc-ninh), Hải-dương, Sơn-tây, Hà-giang, Thái-nguyên, Hưng-hóa, Tuyên-quang, Lạng-sơn, Cao-bằng.

Đề đô lập tại Huế (tỉnh Quảng-đức), có lục bộ : bộ lại, bộ hộ, bộ lễ, bộ binh, bộ hình, bộ công, gồm các việc chánh trị cùng việc binh nhung trong ba xứ.

Mỗi tỉnh có 1 tổng đốc, 1 bề chánh, 1 án sát, 1 đốc học, 1 chánh phó lãnh binh, có tri huyện, tri phủ.

Xứ Nam-kỳ có đặt một quan Khâm sai quân thông, trấn tại Saigon.

Xứ Bắc-kỳ cũng do theo việc chánh trị đời nhà Lê, có một quan Tổng trấn gồm hay các việc lục bộ.

I. — *Vua Gia-Long ở cùng người Lang-sa.* — Các quan Lang-sa theo giúp vận nhà Nguyễn, có công khai quốc, đều được phong quờn tước rất cao sang. Vua cấp cho mỗi người là 50 tên lính để mà hầu hạ, lại miễn lễ triều bái, khỏi lạy 5 lạy như quan Annam. Ông *Emmanuel* và ông *Dayot* đã tử trận có sắc tặng để thờ nơi Miếu Công Thần.

Rời lại sau, chỉ còn ông *Chaigneau* và ông *Vannier* ở tại triều; vua Gia-Long cũng hậu đãi như xưa, lại thường dạy con phải nhớ công ơn các quan Lang-sa đã giúp mình dựng nên nghiệp cả.

Lúc này có tàu ở Pháp-quốc qua lại thương mãi, vua dạy miễn thuế nhập cảng, lại chỉ cho mã biên những hàng hóa người bốn quốc hay dùng, dặn sau chở qua mã bán. Từ khi ấy có tàu tới lui thường, dân Nam thấy tàu Lang-sa mua những vật thô sản mà đem về, thì lại nong ná việc canh nông kỹ nghệ hơn buổi trước.

Năm 1819, sẵn dịp có tàu buôn, ông *Chaigneau* từ tạ vua Gia-Long mà về quê ít năm rồi sẽ qua.

II. — *Vua Gia-Long trị nước.* Phàm trị dân thì phải có người tài đức, vậy nên vua truyền khai khoa tuyển

sĩ, lại dạy lập nhà trường khắp nơi, giao cho đốc học kiểm sát.

Hàng phẩm các quan văn võ phân định dành rảnh; việc thăng cấp, giáng cấp thì cứ phép công, dẫu cho hoàng thân quốc thích thì cũng do nơi sự cần cấn, mẫn trực mà phong thưởng.

Vua dạy tu bổ đồn lũy thành trì và lập thêm trong nhiều chỗ. Mỗi tỉnh thì phải có đường sá thông thương; cuộc bờ đê nơi xứ Bắc-kỳ thì sửa lại bền chắc; kinh rạch vét lại sâu cho ghe thuyền đi thông thả.

Mỗi tỉnh đều có lập kho tàng để mà tích trữ lúa gạo phòng khi thất mùa; còn dài theo đường sứ thì có cất nhà trạm để đem tờ công văn và để cho kẻ lữ chơn trái bước đỡ nhờ.

Vua cũng chăm chề các sắc thuế, cấm làng không dặng bán công điền, công thổ, phải để mà cho dân mướn lấy tiền bỏ vô công nho công ích.

Vua truyền chỉ điểm duyệt những luật lệ dùng thuở nay mà ban hành trong nước, gọi là *Luật Gia-Long*.

III.— *Vua Gia-Long ở cùng ngoại bang.*— Vua Gia-Long lấy dặng Hà-nội rồi, có sai Trịnh-hoài-Đức qua Trung-nguyên dâng lễ vật cho triều Thanh mà cầu phong. Hoàng đế Gia-Khánh hạ chỉ cho một vị đại thần đem ân sắc mà ban cho vua.

Khi vua Gia-Long mới tức vị, có nước Xiêm và nước Cao-man sai sứ dâng triều cống. Từ năm 1813,

nước Cao-man chịu quyền vua bảo hộ. Vua này nước nhỏ ở ngoài biên cảnh cũng dèn mà cầu phong.

Lúc vua Gia-Long còn làm chúa cho đến khi lên ngôi trị nước 18 năm, thì người thường để cho các cha Lang-sa, Espagnols và Portugais giảng đạo, lập nhà thờ thông thả. Còn các đời vua trước hay bắt buộc cùng hành khổ những kẻ có đạo. Ông cha Lang-sa *Alexandre de Rhodes* tới xứ Bắc-kỳ đầu hết, nhằm năm 1624, đời Lê-thần-lông (1619-1643). *Chữ Quốc-ngữ* là của này thấy giảng đạo bày ra kể từ đời này.

IV. — *Vua Gia-Long lập đông cung.* — Vua Gia-Long thấy ông hoàng Đầm thông minh muốn lập làm đông cung để phòng sau kế nghiệp. Hai vị công thần khai quốc, ông Lê-văn-Duyệt và ông Nguyễn-văn-Thiêng gián vua, xin chọn con đông cung Cảnh là dòng chánh, thì mới thuận theo phép nước. Vua Gia-long phản rằng: « Phàm cha mắc nợ thì người ta đòi con, chứ không ai đòi cháu; trăm đã tự quyết, các khanh chớ nghịch ý trăm. » Ông hoàng Đầm sau lên ngôi, hiệu là Minh-Mạng.

Vua Gia-Long băng năm 1820, trị nước 18 năm.

2. — **Minh-Mạng, 1820-1841=21 năm.** — Ban đầu, vua Minh-Mạng noi theo gương cha, cần cán việc quốc chánh, hậu đãi người Lang-sa và không bỏ buộc việc giảng đạo. Ông Chaigneau ở bên Tây trở qua (1821), vua cũng tiếp rước tử tế và cho phục chức cũ. Lúc này, tại triều chỉ còn lại ông Chaigneau và

ông Vannier; mây thấy Tây giảng đạo thì ở rải rác trong ba xứ: Bắc-kỳ, Annam và Nam-kỳ.

Sau lần lần, vua đổi tính, hay nghĩ kị, không ưa gần người Tây, không muốn cho kẻ ngoại bang đến nước mình. Ông Chaigneau và ông Vannier thấy vậy, tính ở lại không yên, bèn cáo thôi mà về xứ (1824).

Năm sau, ông *de Bougainville* quán thông chiến thuyền *la Thétis* tới đậu tại cửa I-lan, xin dùng phuông thư vua *Charles X* cầu mở mang việc thương mại. Vua Minh-Mạng sai đem lễ vật cho ông *de Bougainville*, mà không chịu lãnh thư, nói rằng trong nước Nam không có ai đọc đặng. Từ ấy về sau hai nước dứt việc thông đồng cùng nhau.

Xứ Cao-Man chịu quyền bảo hộ của nước Nam. Vua Minh-Mạng canh cái việc cai trị lại như xứ thuộc địa của mình, chia ra làm hai tỉnh: Nam-vang (Phnôm-Penh) và Gò-sắt (Pursat), đặt quan tổng trấn để mà kiểm sát và lập trường mà dạy chữ nho, muốn cho người Cao-man bỏ phong tục mà theo người Nam.

V. — *Giặc Khôi* (1833). — Ông Trung quân Nguyễn-văn-Thiêng vì gián vua Gia-Long trong vụ lập ông hoàng Đảm (Minh-Mạng) làm đông cung, nên đã bị hại, thì nội trào chỉ còn có một mình quan Tá quân Lê-văn-Duyệt là cựu thần mà thôi. Quan Tá quân tính thế ở lại thì hiểm nghèo, có ngày cũng mang họa như ông Thiêng vậy, bèn xin vua Minh-Mạng đi trấn xứ Nam-kỳ. Vua Minh-Mạng hạ chỉ cho đi.

Quan Tá quân đến Nam-kỳ năm 1822, nhằm lúc Cao-Man tỉnh Trà-vinh khởi loạn. Ngài lo dẹp vừa

yên, thì kẻ có lệnh truyền cấm đạo, phá nhà thờ. Ngài mền nghĩa Đức cha d'Adran cùng các quan Lang-sa giúp vua Gia-Long khi trước, nên không thi hành chiều chỉ ấy, để cho các cha giảng đạo thông thả cùng để cho tàu buôn nước Đại-pháp qua lại mà thương mãi như xưa.

Ngài trần xừ Nam-kỳ đến năm 1832 thì mất lộc. Vua Minh-Mạng bỏ chức Tổng trấn, đặt mỗi tỉnh một Tổng đốc. Khi ấy có kẻ gian thần cáo rằng: Quan Tá quân lúc sanh tiền có ý phản, bộ hạ của người là vệ hùý Lê-văn-Khôi cũng đồng lỏa. Vua Minh-Mạng dạy quan Tổng đốc Gia-định và quan Bô chánh Bạch-xuân-Nguyên tra xét vụ ấy. Khôi bị cách chức phải về kinh mà thọ tội. Khôi thấy bọn gian thần mượn sức quan thấy mình, thì bất bình, thừa lúc canh khuya đến giết quan Tổng đốc và quan Bô chánh, mở ngục cho tù phạm ra, rồi luôn dịp khởi loạn (1833). Không đầy một tháng cả Lục-châu về tay giặc.

Qua năm 1835, triều đình sai tướng quân Trương-minh-Giang dẫn binh bộ thủy vô dẹp loạn. Thành bị vây, Khôi buồn rầu mà thối. Tổng Trâm lên thề quyết lo chống cự. Binh triều hăm dặng thành, bắt giết quân giặc, chôn lại một gò má gần Trường đua, kêu là *mả biển tru* (mả Ngự), bây giờ hãy còn.

VI.— **Phạt mả quan Tá quân.** — Ông Chaigneau lãnh chức Khâm phái trở qua Annam (1832). — Giặc Bắc-kỳ (1834). — Giặc Niêm (1834). — Bắt đạo (1833-1838). — Vua Minh-Mạng sai sứ qua Pháp-quốc. — Vua Minh-Mạng băng (1841). —

Giặc Khởi dẹp yên rồi, vua Minh-Mạng truyền lệnh phá thành của ông *Ollivier* đã xây hồi đời Gia-Long, mà làm lại một cái nhỏ hơn chỗ trại lính Tây bây giờ.

Lúc quan Tả quân còn sanh tiền, vua Minh-Mạng kiềng oai, không dám làm chi. Nay người đã qua đời, vua nhớ cừu xưa, bèn dạy phá má người mà phạt 100 trượng. Đời Thiệu-trị sửa san lại từ tề; từ nhà nước Lang-sa chiếm trị xứ Nam-kỳ tới bây giờ, có cất lạng tám nguy nga, mỗi năm lạng thường quý tề.

Năm 1832, cháu ông Chaigneau phụng chỉ vua *Louis-Philippe 1er* đến tại Huế đứng cho vua một chương thương ước, xin mở cuộc giao thiệp của hai nước lại như xưa. Minh-Mạng không khứng chịu, ông Chaigneau phải trở về Đại-pháp.

Lê-duy-Lương xưng là tôn thất nhà Lê khởi loạn nơi xứ Bắc (1834), đánh phá tỉnh Thanh-hóa, Ninh-bình, Hưng-hóa, Hà-nội, Sơn-tây. Nùng-văn-Vân, chúa tể xứ Bảo-lạc chiếm tỉnh Tuyên-quang, Thái-nguyên, Cao-bằng, Lạng-sơn. Vua Minh-Mạng sai binh đi dẹp, bắt đặng Lê-duy-Lương đem về kinh, còn Nùng-văn-Vân trốn vô rừng, sau bị đốt rừng mà chết thiêu.

Khởi bị vây tại Saigon có viện binh Xiêm giúp. Binh Xiêm thừa dịp cướp phá nước Cao-man (1834). Vua Neắc-ăng-Chăn trốn xuống Vĩnh-long mà cầu binh Annam cứu viện. Quan tướng Trương-minh-Giang phải đình việc dẹp giặc Khởi mà đi binh nước Cao-man, đánh đuổi quân Xiêm, rồi lập thành tại Nam-

vang mà ngựa giặc, gọi là *Trên-tây-thành*.

Lúc bình giặc Khôi, binh triều có bắt dặng ông cha *Marchand*. Từ ấy vua Minh-Mạng nghi rằng người có đạo Thiên Chúa a ý cùng quân nghịch, nên truyền chỉ bắt giết người đạo và phá nhà thờ các nơi. Từ năm 1833 tới 1838, giết hết 7 thầy Lang-sa giảng đạo.

Năm 1838, vua Minh-Mạng làm *Thập điều* truyền cho mỗi làng phải đọc giảng cho dân chúng nghe.

Ít năm trước khi băng, vua bớt sự bắt đạo, sai sứ qua Đại-pháp xin giao hảo lại như xưa. Vua Louis-Philippe 1^{er} không chịu tiếp rước, sứ phải trở về, thì vua Minh-Mạng đã băng năm 1841.

3. — **Thiệu-Trị**, 1841-1847 = 7 năm. — Nguyễn-phước-Thì, con vua Minh-Mạng lên nối ngôi, xưng hiệu là Thiệu-Trị, cũng câu phong cùng hoàng đế Trung-nguyên là Đạo-Quang (1821-1851), triều Thanh.

Đời vua này có giặc Xiêm đánh phá nước Cao-man, bảy năm mới yên. Néắc-ông-Duông nhờ có nước Xiêm giúp sức được tôn lên ngôi.

Vua Thiệu-Trị cũng noi theo ý chỉ của cha, cấm đạo và bắt giam cấm mây thầy giảng đạo. Năm 1847, hai quan thủy binh, ông *Lapierre* và ông *Rigault de Genouilly* đến tại cửa Hàn (Tourane), đứng cho vua một phuông thơ mà phân trần lợi hại, xin vua bãi sự bắt đạo. Vua Thiệu-Trị lập kê muôn sát hại hai quan thủy binh, bèn cho mời lên thành mà dự tiệc.

May có người thông tin cho ông Lapierre và ông Rigault de Genouilly. Hai quan thủy binh liền bắn phá chiền thuyền Annam tan hoang, rồi bỏ cửa Hàn mà đi.

Vua Thiệu-Trị nổi giận, truyền chỉ bắt mây thấy giảng đạo và những người Tây mà giết hết.

Vua Thiệu-Trị băng nhằm ngày 4 Novembre năm 1847.



CHƯƠNG VIII

Nước Lang-sa chiếm xứ Nam-kỳ

4. — **Tự-Đức**, 1817-1883=36 năm. — Vua Thiệu-Trị băng, có di chiếu lập ông hoàng Nhậm là con thứ. Ông hoàng Nhậm lên ngôi, hiệu là Tự-Đức, cũng cầu phong bên Trung-quốc như các đời vua trước vậy. Mà lần này hoàng đế Đạo-Quang lại sai sứ qua tới đề dò Huê mà ban ân sắc.

Ông hoàng Bảo cũng là con Thiệu-Trị, mà đồng chánh, bất bình bên khởi loạn, bị vua Tự-Đức bắt cầm ngục mà thác.

Đời này việc cầm đạo lại càng ngặt hơn khi trước: mây ông cha Lang-sa và Espagnols bị hành khổ chém giết, làm cho hoàng đế *Napoléon III* và nước Espagne phải hiệp binh mà trừ sự tàn bạo ấy.

I. — **Phá cửa Hàn (Tourane).** — Năm 1856, ông *de Montigny* phụng chỉ hoàng đế Napoléon III trải sang qua Annam mà lập tờ hòa ước. Ông *de Montigny* sai quan thủy binh *Lelieur de Ville-sur-Arce* ngồi tàu *le Catinat* đến cửa Hàn đem đứng trước cho vua Tự-Đức một phông thư kẻ đại ý của nước Pháp-quốc Tàu tới nơi, quan giữ đồn đã không chịu lãnh thư, mà lại nói nhiều lời xúc báng. Ông *Lelieur de Ville-sur-Arce* bèn xỏ súng lên đồn, rồi độ binh lên phá hư 60 khẩu súng, đổ hết thuốc đạn xuống biển. Khi ấy quan giữ đồn mới chịu lãnh thư mà đứng cho vua.

Năm sau, ông *de Montigny* đến tại Huế, vua Tự-Đức tự quyết không chịu nghị về việc giao hòa. Ông *de Montigny* phải trở về. Cũng một năm ấy có hai ông giám mục *Espagnols*, ông *Diaz* và ông *San-Pedro* bị xử trảm. Trong chỉ truyền bắt đạo vua Tự-Đức có nói nhiều lời nhục mạ nước Lang-sa.

II. — **Lấy đồn Tiên-chà (Tourane).** — Một đạo chiến thuyền 13 chiếc, có chiếc *la Némésis*, *le Primauguet*, *l'Avalanche* về quan Thủy sư *Rigault de Genouilly* quân thông, đến đậu tại cửa Hàn ngày 31 Aoû 1858. Quan Thủy sư kỳ cho quan Annam trên đồn trong hai giờ phải giao thành lũy thì khỏi bị hại. Quia hai giờ, mà trên thành im lìm, ông *Rigault de Genouilly* truyền lệnh bắn một hồi, rồi độ binh lên hãm thành, chiếm hết đồn lũy nơi doi Tiên-chà.

III. — **Lấy Saigon** (17 Février 1859). — Quan Thủy sư Rigault de Genouilly nghĩ đường sông từ cửa Hàn cho tới đê đô Huế hiểm trở, bèn tiến bên dưới quyền đi lấy Nam-kỳ. Ngày 2 Février 1859, người để lại Tiên-chà một toán binh và 4 chiếc tàu, còn bao nhiêu thì trở xuống Vũng-tàu, thẳng chỉ vào Saigon.

Qua ngày 17 Février 1859, binh Lang-sa hãm thành Saigon, lấy được nhiều đồ binh khí cùng lương thảo. Quan Thủy sư Rigault de Genouilly trí quân giữ Saigon, rồi trở ra Tourane giải vây cho cơ binh ở tại Tiên-chà. Khi ấy quan phó Thủy sư *Page* ở bên Tây mới qua thê cho ông Rigault de Genouilly.

IV. — **Đánh trận Chí-hòa** (24 Février 1861). — Binh Annam bị thất thành Saigon rồi, dồn lên phía trên Thuận-kieu, nơi làng *Chí-hòa*, lập đồn lũy, lo cự địch, có Tôn thất Hiệp quân đốc. Binh Lang-sa, một phần kiên thủ thành mới lấy được, còn bao nhiêu thì chiếm chùa Khải-tường (pagode Barbet), miếu Hội-dông, chùa Kiêng-phước (pagode des Clochetons, chỗ đình Tham biện Chợ-lớn bây giờ) và chùa Cây mai.

Năm 1860, có giặc bên Tàu, quan Thủy sư *Page* phải bỏ cửa Hàn mà rút bớt binh ở Saigon, đem đi đánh Bắc-kinh mà trợ lực với nước Hồng-mào. Quan Thủy sư *Charner* quản thống đạo binh đi đánh Tàu. Ông quan hãm *d'Ariès* lãnh giữ thành Saigon.

Giặc Tàu dẹp yên rồi, quan Thủy sư *Charner* trở

lại Saigon nhằm ngày 7 Février 1861, qua ngày 24 khởi đánh trận Chí-hòa. Quan Kinh-lược *Nguyễn-tri-Phượng* cầm binh Annam bị đạn, quân lính đổ lún lên Tây-ninh, Biên-hòa. Bên đạo binh Lang-sa, ông quan năm *Testard* và ông quan hai *Lareynière* bị thương mà thác.

Dưới sông thì quan Thủy sư Page đi lấy các đồn lũy, lên tới Thủ-dầu-một. Qua đêm ngày 25, 26 Février 1861, cả tỉnh Gia-định đều qui phục nhà nước Lang-sa.

V. — **Lấy Mỹ-tho** (12 Avril 1861). — Ông quan năm thủy binh *Bourdais* phụng lệnh quan thủy sư Charner độ binh đi theo rạch Vũng-gù (*Arroyo de la Poste*). Đường đi hiểm trở, có nhiều khúc cạn, có nhiều chỗ hên, lại thêm đồn lũy Annam đóng dài theo hai bên mé. Tiên đạo nỗ lực phá hên; sông dặng thông thương, binh hậu đạo mới tiếp theo. Ngày 10 Avril, còn lấy một cái đồn nữa thì đêm Mỹ-tho, rủi cho ông *Bourdais* bị một viên đạn mà bỏ mình. Qua ngày 12, binh Lang-sa đồn tại Trung-lương, rạng ngày 13 kéo đi lấy thành. Té ra thành trống trơn, binh Annam đã rút đi trước rồi, mà không có làm hại cho những người có đạo.

Quan phó thủy sư Page tri binh giữ Mỹ-tho, rồi truyền lệnh đi lấy luôn Cái-bè, Chợ-gạo, Gò-công.

VI. — **Lấy Biên-hòa** (14-16 Décembre 1861). — Lúc nấy quan phó Thủy sư *Bonard* lãnh cầm binh theo ông Charner về Tây.

Thành Biên-hoà gốc là của ông quan năm Ollivier xây năm 1789, đời Gia-Long. Tướng soái là Nguyễn-bá-Nghi liệu bề cơ không noi, bên truyền lệnh rút binh về Bình-thuận. Những kẻ có dao bị cầm trong ngực bị đột chết hết nhiều, binh Lang-sa nhập thành cứu dặng một phần.

Quan Thủy sư Bonard thừa thắng độ binh đi lấy Bà-rịa chò luôn cuộc; khi ấy mới hay rằng có thuyền vận lương đậu tại Phan-rí, người bên sai ông quan năm *Lespès* đi dò thám. Vừa tới nơi quả gặp một đoàn ghe, ông *Lespès* bắn phá một hồi, thấy đều tiêu hủy.

VII.—**Khởi loạn** (1861-1864).—Lúc thất đồn Chí-hòa rồi, binh Annam rút qua Biên-hòa, thì quan tướng soái là Nguyễn-bá-Nghi có sai người đem thư cho quan Thủy sư *Charner* mà xin nghị hòa. Việc ấy chưa xong thì nhiều nơi đã khởi loạn, khiến cho dân chúng phải khôn khó. Những tướng sĩ thất trận trở về làng, kẻ thì xưng chánh cơ, phó vệ, kẻ thì xưng soái, phụng chỉ vua Tự-Đức đi mộ binh mà chống cự với Lang-sa. Khi thì bắt người, khi thì đoạt của, làm cho bá tánh nao động.

Mỹ-tho thì phủ Cầu, thiên hộ Dương Tự dâng phò đồn Lang-sa. Phủ Cầu bị bắt, bị chết treo. Gò-công thì huyện Toại và quân Định chiêu tụ tàn binh nơi đầm *Tháp-mười*, rồi kéo xuống lấy tỉnh thành. Huyện Toại bị một mũi súng mà vong mạng; còn quân Định thoát khỏi, sau bị quan Lãnh binh *Trochu* bắt dặng (20 Aoút 1864).

VIII — **Lấy Vĩnh-long** (lần đầu, 20 Mars 1862). —

Quan Thủy sư Bonard tính phải lấy luôn Vĩnh-long thì mới trừ yên mối loạn. Ngày 20 Mars 1862, tàu đổ binh và chở súng xuống đậu xa thành ít dặm. Quan Tổng đốc Vĩnh-long là Trương-văn-Huyền truyền bắt chiến thuyền Lang-sa. Khi ấy dưới tàu cũng bắt trả lên, còn ông quan năm *l'eboul* dẫn binh lên bờ. Hai đảng giáp chiến, cách ít giờ thì thành bị hãm.

Binh Lang-sa nhập thành, phá ngục cho những người có đạo ra. Quan Thủy sư Bonard lo kiên trì đồn lũy mà giao cho ông d'Ariès trấn thủ, rồi trở về Saigon.

IX. — **Tờ nghị hòa** (5 Juin 1862). — Lúc này triều nhà Nguyễn đương bồi rối: ngoài Bắc Lê-Phụng xưng là dòng dõi nhà Lê, khởi loạn (1862), chiếm nhiều tỉnh phía đông; trong Nam thì cửa Hàn bị tàu Lang-sa giữ chặt, đứt đường vận lương vào đề đô. Vua Tự-Đức sai ông Nguyễn-tri-Phương đi dẹp giặc Bắc, đánh đã 3 năm mà chưa bình phục được.

Lôi tháng năm 1862, chiếc tàu *Forbin* tuần tại cửa Hàn được tin triều Huế muốn nghị hòa. Quan Thủy sư Nguyên soái Bonard sai đem thư hạn trong tám ngày sứ phải đến Saigon. Sứ thần là ông *Phan-thanh-Giảng* và ông *Lâm-duy-Hiệp* thay mặt cho vua Tự-Đức, quan Thủy sư nguyên soái Bonard thay mặt cho hoàng đế Napoléon III, ông quan năm *Pa-lanca* thay mặt cho bà hoàng hậu nước Espagne, ngày 5 Juin 1862, tại Trường-thị (Camp des Lettres).

đồng đứng lập tờ giao hòa ba nước. Ý theo lời này thì vua Tự-Đức phải cho phép giảng đạo thông thả, phải nhượng 3 tỉnh phía đông: Gia-dịnh (Saigon), Biên-hòa, Mỹ-tho và hòn Côn-nôn cho hoàng đế Napoléon III làm chủ, phải khai cửa Hàn, cửa Ba-lạc, cửa Quảng-an cho tàu Lang-sa và Espagnols tới lui thương mại và phải bồi thường số tổn là 4 triệu bạc cho nước Lang-sa và nước Espagne. Còn tỉnh Vĩnh-long mới chiếm, nêu sau mà không còn loạn lạc thì nhà nước Lang-sa sẽ giao lại cho Annam. Tờ giao hòa ký xong rồi, sứ thần mỗi nước lãnh một bốn đem về dựng cho vua châu phê.

X. — Pháp-quốc bảo hộ nước Cao-man. — Từ đời Gia-Long, năm 1813, xứ Cao-man chịu quyền bảo hộ của nước Annam. Qua đến đời Thiệu-Trị gây việc chiến tranh với nước Lang-sa, thì vua Cao-man dứt đường giao thiệp cùng nước Nam, ý muốn qui phục nước Xiêm-la.

Lúc quan Thủy sư Charner đi đánh Mỹ-tho (1861), thì có sai ông quan ba Lespès đem thư cho vua *Norodom*, tỏ ý nước Lang-sa muốn kết lân hảo cùng xứ Cao-man. Vua *Norodom* tiếp rước ông Lespès rất trọng hậu và gởi nhiều vật quý mà dâng cho quan Thủy sư Charner.

Bên sâu tỉnh Vĩnh-long bị chiếm rồi (1862), quan Thủy sư Bonard, nhơn dịp đi tuần vãng đồn thú, thẳng đường lên viếng vua *Norodom*. Từ ấy hai đảng càng quyền thích nhau.

Lúc này quan Thủy sư de la Grandière phụng chỉ qua thể cho ông Bonard về Tây (Mai 1863). Ông de la Grandière sai ông quan ba Doudart de Lagrée lên ở lại Ô-dông mà thăm dò tình hình. Cách ít lâu được tin vua Norodom muốn qui thuận nước Lang-sa, quan Thủy sư de la Grandière bèn thân hành đến mà gặp mặt vua. Hai đảng trở chuyện thì có ông Giám mục Mi-lê làm thông ngôn. Qua ngày 11 Août 1863, vua Norodom lập tờ chịu quyền bảo hộ của nước Lang-sa. Từ ấy đến nay nước Cao-mau hằng giữ lòng thành tín với nước Đại-pháp.

XI. — Lây Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên (26-24 Juin 1867). — **Quan Phan tạ thể.** — Tờ giao hòa ngày 5 Juin 1862 đã có vua ba nước châu phê rồi, quan Nguyên soái de la Grandière trả tỉnh Vĩnh-long lại cho vua Tự-Đức. Ông Phan-thanh-Giảng thay mặt cho triều đình, lãnh thành quách ngày 25 Mai 1863, để cho quan Tổng đốc Trương-văn-Huyền cầm thủ mà trở về Huế. Qua đến năm 1866, người phụng chỉ vô ngôi Kinh lược ba tỉnh phía tây.

Từ đây quan Nguyên soái de la Grandière tướng đã được yên; nhưng kẻ làm nghịch với Tân trào sẽ bỏ khí giới mà an cư lạc nghiệp. Ai dè tỉnh Vĩnh-long vừa mới giao lại cho vua Tự-Đức, thì loạn lạc nổi lên khắp trong ba châu đã chịu quyền Pháp-quốc. Còn đồ tị đảng, mượn có một binh mà bắt người cướp của. Hễ nghe có binh Tân trào đi dẹp, thì rút vô rừng núi tỉnh Bình-thuận, phần nhiều lại đón trú nơi tỉnh Vĩnh-long.

Quân Địch vậy dồn dập lũy nơi gần Pháp-miền, bị quan Lãnh binh Tân bắt thối năm 1864. Còn dư đảng qua năm 1866, binh Tân trào mới trờ tuyết.

Khi ấy mới vừa yên được ít tháng, kẻ giặc Cao-man dậy lên, lừng xuống tới Tây-minh, thì cũng có người Annam theo đốc sức. Ông quan ba *Larclauze* và ông quan nam *Marchaisse* đi đánh trận này, bị thương mà thối (1866).

Lúc này ông Phan-thanh-Giảng vô ngôi Kinh lược ba tỉnh phía tây. Người cũng hết sức khuyên dụ nhơn dân, sợ đổ máu vô ích, rồi rút cuộc cũng phải mất nước. Sau quả y như lời.

Qua năm 1867, binh Tân trào xuống lấy Vĩnh-long. Quan Phan nghĩ có ra chống cự thì uổng mạng sanh linh, bèn viết thư cho quan Nguyên-soái de la Grandière mà giao thành, quách, và từ từ cho hai vị Tổng đốc An-giang và Hà-tiên hay rằng tỉnh Vĩnh-long đã qui phục Pháp-quốc.

Việc xong rồi người uổng á phiến mà thối (1867), hướng thọ được 74 tuổi.

Quan Nguyên soái de la Grandière thấy người nghĩa khí, bèn cho tàu đệ quan cứu về làng Báo-thành (tỉnh Bèn-tre) mà an táng, có quan quân theo đưa đón rất nên trọng thể.

Từ đây cả Lục-châu thuộc về Pháp-quốc; dân ba tỉnh phía tây thấy nhà nước Tân trào khoan nhơn, thì lần lần quen bé ăn ở, lo việc nông thương, không còn nghĩ sợ như buổi Cựu trào nữa.

XII. — Phép chánh trị của Cựu trào. — Từ đời Minh-Mạng, xứ Nam-kỳ chia ra làm sáu tỉnh, kêu là *Nam-kỳ lục tỉnh*. Sáu tỉnh xứ Nam-kỳ là :

1. - Gia-dịnh, tỉnh thành Sài-gòn,
2. - Đông-nai, " Biên-hòa,
3. - Định-tường, " Mỹ-tho,
4. - Long-hồ, " Vĩnh-long,
5. - An-giang, " Châu-độc,
6. - Cần-cao, " Hà-tiên.

Tỉnh lớn, dân số đông thì có một quan *tổng đốc* cai trị, tỉnh nhỏ có một quan *tuần phủ*, tưng quyền quan tổng đốc, Túc binh Lang-sa mới vào lầy Saigon, thì xứ Nam-kỳ phân ra 3 quận có tổng đốc :

1. — Tổng đốc quận *Định-biên* gồm tỉnh Gia-dịnh, Biên-hòa,
2. - " *Long-tường* " Long-hồ, Định-tường,
3. — " *An-hà* " An-giang, Hà-tiên.

Mỗi tỉnh có một quan *bồ chánh* hay việc chánh trị và thuế khóa; một quan *án sát* hay việc xử đoán, một quan *đốc học* để kiểm sát việc học hành; một quan *lãnh binh* để coi việc binh lính.

Mỗi tỉnh chia ra nhiều phủ, có *tri phủ*, hay về việc trị dân việc và xử đoán, có *giáo thọ* đốc việc học hành. Mỗi phủ chia ra nhiều huyện, có *tri huyện*, có *huân đạo*.

Phân tổng thì có *cai tổng*, *phó tổng*, còn trong thôn lý thì có *hương chức* phân ra hai hạng :

1. — *Hương chức lớn* : Hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, tham trưởng, hương lão, hương nhứt, hương nhì, hương chánh, hương lễ, hương văn, hương quan, hương ẩm, hương thân,

hương hào, thu bộ, thu chỉ, thu bổn, thu khoán, thu đương, cai đình, thôn trưởng.

2. — *Hương chức nhỏ* : Lý trưởng (phó thôn, phó xã), ấp trưởng, trùm dịch, cai thị, cai binh ca thôn, trưởng.

Bật trên hết trong việc chánh trị xứ Nam-kỳ thì có quan *Kinh-lược*, (đời Gia-Long kêu là *Tổng trấn*), gồm hay các việc binh dân, kiểm sát các tổng đốc, tuần phủ cùng cả thầy quan viên trong xứ.

Nơi đề đô thì có Hoàng đề đứng cầm quyền binh chánh, có *Cơ mật viện*, *Đô sát viện*, có *Lục bộ* :

1. Lại bộ hay việc cấp bằng, thiên bổ quan viên;
2. Hộ bộ hay việc thuê khóa, thâu xuất;
3. Lễ bộ hay việc tế tự, thi cử;
4. Hình bộ hay việc hình chánh;
5. Binh bộ hay việc binh cơ;
6. Công bộ hay việc tạo tác, kiêu lộ.

Mỗi bộ viện có một *Thượng thư* làm đầu, hai *Tham tri*, hai *Thị lang* và một *Biện lý*, hiệp cùng nhau mà lo các việc về ty thuộc của mình.

Cơ mật viện hay các việc kín nhiệm trong nước, như việc binh cơ, việc tư của vua.

Đô sát viện hay việc kiểm sát phạm sự các quan văn võ.

XIII. — **Tân trào lập phép chánh trị.** — Mấy năm đầu, nhà nước Lang-sa mới lấy ba tỉnh phía đông: Saigon, Biên-hòa, Mỹ-tho, các quan đảng cựu đã bỏ mà đi hết; làng xã thì không hương chức, số bộ đều lạc mất. Có ít trở nhà dòng biết tiếng *La-tinh* theo làm thông ngôn cho quan binh, còn những người văn

vật, hào phú, kẻ thì lánh đi xa, trong mấy xứ chưa bị chiếm; kẻ còn ở lại thì không chịu ra mà giúp việc làng, việc nước. Lần lần thấy người Lang-sa có lòng đại độ, thì bá tánh mới an tâm, không còn nghi sợ. Khi ấy dân sự mới qui lại, hương thôn mới lập lại như xưa.

Đời quan Nguyên soái *Charner*, trong mỗi châu có đặt một quan Trấn, quyền hành như chức Tổng đốc, gồm việc binh dân, có hai quan tòng chánh hay là bộ và ty án. Nơi quận huyện cũng là quan Lang-sa thế cho tri phủ tri huyện. Việc chánh trị cũng dễ ỷ như buổi Cựu trào.

Năm 1861, quan Nguyên soái *Bonard* dụng người Annam cho lãnh chức tri huyện tri phủ, tòng quyền các quan Lang-sa. Nhưng mà phần nhiều không lo kham phận sự, làm đều vi phép, nên qua đến năm 1864, nhậm đời quan Nguyên soái *de la Grandière*. việc trị dân cùng việc xử đoán đều giao lại cho các quan Lang-sa. Cũng năm ấy lập tòa *Thượng thư* (*Direction de l'Intérieur*), gồm hay các việc chánh trị trong 6 tỉnh, cho đến ngày 13 Mai 1879, có chỉ dụ cử ông *Le Myre de Vilers* là quan văn lên làm Khâm mạng Thông đốc Nam-kỳ. Từ khi ấy, quyền hành các quan văn võ mới phân biệt: quan án hay việc tử tụng, quan tham biện lo việc trị dân cùng việc thu thuế, còn quan võ thì quản suất binh nhung.

Chỉ dụ ngày 17-20 Octobre 1887 lập *Đông-dương nhứt thông* (*Union Indochinoise*). Đầu hết, ông *Constans* là Thân sĩ Hạ-nghị viện được cử làm chức *Đông-dương Tổng thông toàn quyền đại thần*.

CHƯƠNG IX

Binh Lang-sa chiếm xứ Bắc-kỳ

I.- **Giặc Cờ đen loạn Bắc-kỳ (1873-1885).** -- Thái-trần Chí-hòa rồi, ông Nguyễn-tri-Phương trở về kinh, thì vua Tự-Đức sai đi trấn xứ Bắc-kỳ. Phe nhà Lê kiêu oai người, không dám cử động, đạo lạc cũng tịnh vô.

Qua đến năm 1860, có một tên thầy chùa âm mưu giết vua, mà lậu sự, nên cả bọn phản nghịch đều bị gia hình. Từ khi ấy, vua Tự-Đức có lòng nghi sợ, bèn đòi ông Nguyễn-tri-Phương về triều mà hộ giá.

Ông Nguyễn-tri-Phương mới lìa khỏi xứ Bắc, thì loạn lạc nổi lên. Quân *Cờ đen* nguyên là bọn giặc Hồng-tú-Toàn dư đảng (*Taiping*), bên Trung-quốc loán qua, chiếm tỉnh Lạng-sơn, Cao-bằng, Thái-Nguyên, Tuyên-quang, cướp giết bá tánh, làm khó khăn dân tỉnh (1873). Dọc theo gành bãi, từ bắc chí nam, kẻ thương khách bị đoạt thuyền, bị giết cũng nhiều. Tướng soái bọn giặc *Cờ đen* là *Lưu-cĩnh-Phúc* tung hoành nơi đất Bắc, quan quân Annam không làm chi nổi. Lại thêm phe nhà Lê dậy lên, vừa dậy dựng vài xứ, kẻ triều đình sai ông Hoàng-kê-Viêm ra dẹp mới yên, nhưng mà giặc *Cờ đen* cũng còn nhiều hại lương dân.

Khi ấy vua Tự-Đức bèn sai sứ qua Trung-nguyên cầu hoàng đế Đồng-trị (1862-1885) trợ binh. Binh Trung-nguyên qua xứ Bắc lại hiệp với bọn *Cờ đen*, phá tán dân chúng quá hơn buổi trước nữa.

Năm 1872, quan Thông chế *d'Arboud* quyền chức Nguyên soái Nam-kỳ hay sự loạn lạc nơi xứ Bắc-bên sai ông quan thủy binh *Senez* ngồi thuyền thuyền đi dò thám, quả có tàu ô ra đón đường. Ông *Senez* bắn chìm hết bốn năm chiếc, rồi thẳng chỉ vào sông Nhĩ-hà, đến Hà-nội, thì gặp tàu của ông *Jean Dupuis* đang đậu đó.

II. — Ông Francis Garnier vì nước bỏ mình. —
Ông Jean Dupuis vốn là người thương khách, khi trước có từng sự quan Tổng đốc Vân-nam. Năm 1872, ông ấy chở đồ binh khí và thuốc đạn đi theo sông Nhĩ-hà, lên tỉnh Vân-nam mà bán. Lúc trở về, tàu thuyền bị quan Annam bắt cầm lại Hà-nội mà đòi lĩnh vua. Khi ấy ông Dupuis mới đầu cáo cùng quan Nguyên soái Nam-kỳ. Còn vua Tự-Đức cũng sai sự vào Saigon mà tố bày cho quan Nguyên soái *Dupré* hay về sự ông Jean Dupuis vì phép.

Năm 1873, quan Nguyên soái Dupré sai ông *Francis Garnier* là quan tư thủy binh ra Bắc-kỳ mà tra sát vụ ấy. Lúc nấy nhằm ông Nguyễn-tri-Phương trấn thành Hà-nội. Nhớ cừu xưa nơi trận Chí-hòa, người bên truyền lệnh kiên bê đón lũy, trí binh đầu đó sẵn sàng. Ông Francis Garnier thấy sự chẳng lành, tính phải ra oai. Ngờ rời sắp đặt binh lính, rồi ra hiệu lệnh bắn phá thành Hà-nội. Quan quân Annam rồi loạn, ông Nguyễn-tri-Phương bị đạn mà thác; binh lính phải khai đồn lũy mà hàng phục. Ông Francis Garnier thừa thắng đi lấy Hưng-văn, Phù-ly, Ninh-bình, Hải-dương, Nam-định.

Quân Cờ đen thấy Hà-nội mỏng bính, bèn kéo tới mà vây. Ông Francis Garnier nỗ lực đánh phá, mà mắc quân Cờ đen thắng sở, cự không nổi, phải lâm tay giặc (1873). Khi ấy bính tiếp ở Saigon mới đến; quân Cờ đen sợ bị bắt, bèn bỏ Hà-nội rút lên đồn trú trên mây tình phía bắc.

III.—**Tờ nghị hòa** (15 Mars 1874).— Vua Tự-Đức hay bính Lang-sa lấy Hà-nội, thì sai hai vị sứ thần: ông *Lé-Tuân* và ông *Nguyễn-văn-Tường* vô Saigon mà cầu hòa. Ông *Philastre* là tham biện, kiêm chức chương lý Nam-kỳ, phụng lệnh quan Nguyên soái Dupré đi với ông Nguyễn-văn-Tường ra Hà-nội mà phân giải vụ bất bình đã gây nên cuộc chiến tranh với xứ Bắc. Muốn cho thuận hai đảng, hai vị sứ thần đều nghị bồi bính. Những thành quách ông Garnier đã lấy được thì giao lại cho Annam, tàu của ông Dupuis phải lui ra Hải-phòng mà đậu. Tại Hà-nội thì trí phần cho nhà nước Đại-pháp một chỗ để mà lập tòa Thông sứ và để cho người Lang-sa ở mà thương mãi. Quan Nguyên soái Dupré cử ông quan ba *Rheinart* làm chức Thông sứ ra ngồi tại Hà-nội.

Việc yên rồi, ông *Philastre* và ông Nguyễn-văn-Tường trở về Saigon. Qua ngày 15 Mars 1874, quan Nguyên-soái Dupré và hai vị sứ thần Annam đồng ký tờ hòa ước: Pháp-quốc lãnh bảo hộ nước Nam, giúp sức cho dựng trừ an mũi giặc Cờ đen và ăn cướp biển; sẽ tiền thưởng bồi 4 triệu còn chi tốn lại bao nhiêu thì cũng hủy hết và cấp cho vua 5 chiếc chiến thuyền, 100 khẩu súng đại bác, 1000 cây súng

cùng thuộc lui để mà giữ gìn biên cảnh. Vua Tự-Đức phải nhận cho nhà nước Đại-pháp làm chủ sơn tình xứ Nam-Kỳ, phải khai cửa Hải-phòng và cửa Qui-nhơn cho tàu Langsa tới lui mà buôn bán. Còn đường sông Nhi-hà lên Vân-nam, thì phải mở cho ghe thuyền thương khách xuống lên thông thả. Ngày 31 Aoút 1874, hai nước lại lập tờ thương ước; vua Tự-Đức đã ưng chịu mỗi điều, thì từ đây Pháp-Việt sẽ đồng hòa nhả với nhau lâu dài.

IV.—**Vua thất ước.**— Vua Tự-Đức đã giao hòa cùng Pháp-quốc, mà chẳng bao lâu lại thất ước, hành khổ những người cô đạo và gây rối cho các quan lãnh sự Langsa nơi xứ Bắc. Năm 1875, Lưu-vĩnh-Phúc dẫn quân Cờ đen vào gần đền Hà-nội, còn vua thì sai đi dâng công cho hoàng đế nhà Thanh dâng viên binh, mới rằng để mà dẹp giặc Cờ đen, chớ tức nhiên muốn địch cùng Pháp-quốc. Giặc Cờ đen càng ngày càng tăng lấy, ngăn sông Nhi-hà không cho ghe thuyền xuống lại mà thương mãi, hiệp với binh Trung-nguyên mà cướp phá dân chúng lại quá hơn khi trước.

Quan Thông đốc Nam-Kỳ, ông *Le Myre de Vilers* lĩnh phải quét sạch quân Cờ đen thì mới yên xứ Bắc. Năm 1882, ông quan năm thủy binh *Henri Rivière* phụng lệnh độ binh ra Hà-nội, thì thấy quan quân Annam đương lo kiên bệ thành trì, tỏ ý chẳng lành. Người bên lũy Hà-nội (Avril 1882), rồi liền dịp dấy binh đi đánh Nam-dinh. Lúc trở về thì ông Rivière thấy quân Cờ đen đã vây chặt Hà-nội. Người nỗ lực khởi phá, nhưng mà quá dao dặc chúng, phải bỏ trong chôn sa trường (19 Mai 1883).

Từ truyền qua Pháp-quốc, Bộ viên lập tức sai binh hiệp chiến mà báo cứu cho ông Henri Rivière và tướng sĩ tử trận. Quan Đê đốc *Bouët* quản thông một đạo binh ròng, có ông *Larong y Harmand* làm Khâm sai, sang đến Bắc-Kỳ ngày 7 Juin 1883. Từ khi ấy, quan Thông sứ *Rheinart* ở tại Huế đã dứt việc thông đồng với triều đình; tính bề ở không tiện, người bên từ dè dỏ mà trở về Saigon.

Qua đến ngày 17 juillet 1883, vua Tự-Đức thăng hà, trị nước được 36 năm, có di chiếu lập cháu là ông hoàng Ưng-Ai, con ông Kiên-Thoại.

5. — **Dục-Đức**, 17-21 Juillet 1883.

6. — **Hiệp-Hòa**, 21 Juillet-30 Novembre 1883.

7. — **Kiên-Phước**, 2 Décembre 1883-31 Juillet 1884.

V. — **Phá cửa Thuận-an. — Đánh Bắc-kỳ.** — Vua Dục-Đức đăng tôn lên mới có ba ngày, thì bị hai vị quyền thần là ông Nguyễn-văn-Tường và ông Lê-văn-Thuyết phê di mà lập vua Hiệp-Hòa, em út vua Tự-Đức.

Lúc này quan Đê đốc *Bouët* đem binh vừa tới Bắc-kỳ, thì quân Cờ đen đã bỏ Hà-nội đồn xuống Nam-dịnh, cứ đêm ngày bắn phá mà không làm chi nổi. Quan Khâm sai *Harmand* bèn bàn nghị cùng quan đê đốc *Bouët* và quan Thủy sứ *Courbet* phải dây oai với triều Huế trước, thì sau binh phục xứ Bắc mới dặng. Quan Thông đốc Nam-kỳ, ông *Thomson* cũng hiệp ý, sai độ thêm binh ra cửa Hàn. Ngày 16 Août 1883, chiến

thuyền Lang-sa bắn phá cửa Thuận-an. Triều đình tỉnh không bề chống cự, phải cầu hòa, lập tờ ngày 25 Août, chịu Pháp-quốc bảo hộ xứ Trung-kỳ và xứ Bắc-kỳ. Quan Khâm sai Harmand thâu lãnh tờ hòa ước, rồi trở ra Hà-nội. Khi ấy có chỉ đặt ông *de Champeaux* làm Thông-sứ tại Huế.

Ông Harmand mới lìa khỏi đô thị vua Hiệp-hòa bị phê. Ông Nguyễn-văn-Tường và ông Lê-văn-Thuyết tôn ông hoàng Mên lên, hiệu là Kiên-phước (2-Décembre 1883).

Lúc nấy quan Đê đốc Bouët về Tây, giao quyền lại cho quan Thủy sư Courbet. Binh Cờ đen và binh Bắc-kỳ rút về Sơn-tây, lo kiên bệ thành trì. Quan Thủy sư Courbet lầy dạng Sơn-tây ngày 17 Décembre, kê bên Pháp-quốc sai quan Thông chế *Millot* đem binh tiếp qua, hiệp lực cùng quan Thủy sư Courbet, đánh đuổi quân Cờ đen và binh Trung-nguyên. Đến tháng sáu (1884) thì cả xứ Bắc đã bình định.

Ngày 6 Juin 1884, vua Kiên-phước lập tờ chịu qui phục Pháp-quốc và bỏ ân hình lạc đà của Trung-nguyên đã ban cho khi trước. Nhà nước Pháp-quốc giao tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh và Bình-thuận lại cho Annam.

Vua Kiên-phước băng ngày 31 Juillet 1884.

8. — **Hàm-Nghi**, 2 Août 1884-5 Juillet 1885.

VI. — **Quan Thủy sư Courbet phá thành Phước-châu** (1884). — Triều đình hiệp nghị cùng quan Khâm sứ Rheinart, tôn ông hoàng Ung-Ich,

em vua Kiên-Phước, đại niên hiệu là Hàm-Nghị. Vua này mới có 14 tuổi, việc quốc chánh về tay hai vị quyền thần : ông Nguyễn-văn-Tường và ông Lê-văn-Thuyết.

Lúc này Pháp-quốc đẩy binh phạt Trung-nguyên vì đã a ý cùng triều Huế mà gây loạn nơi xứ Bắc, làm cho đổ máu quân sĩ, hao tổn của nước. Trên bộ thì quan Đê đốc *Brière de l'Isle* đánh đuổi binh Tàu và Cờ đen lên tới Lạng-sơn; dưới biển thì quan Thủy sư Courbet bắn phá thành Phước-châu, vây cù lao Formose và ngăn đường vận lương của Trung-quốc. Triều Bắc-kinh sợ, bèn xin nghị hòa. Qua đêm ngày 29 Avril 1885, binh Tàu rút về hết; bọn Lưu-vĩnh-Phúc cũng tán lạc. Từ khi ấy xứ Bắc-kỳ mới dặng yên.

Quan Thủy sư Courbet mắc lo việc chinh chiến mấy năm dư, nên hao mòn, lâm bệnh mà thác ngày 9 Juin 1885. Bên Pháp-quốc cũng khắp cõi Nam bang, ai nghe tin cũng đều rơi lụy, tiếc một đấng danh thần, đây công cùng Nhà nước.

Xứ Bắc bình định rồi, quan Thông chế *de Courcy* lãnh quyền chấp chương binh dân. Ngày 2 Juillet 1885, người sang đề đô Huế mà nghị việc quốc chánh với quan Khâm phái *de Champeaux*. Thành linh trong đêm mộng 5 rạng mặt mộng 6 Juillet sủng trên thành bắn vãi qua tòa sứ. Mưu phán ấy là tại nơi Tôn thất Thuyết.

Binh Lang-sa bèn nỗ lực hãm đóng đề đô. Tôn thất Thuyết phò vua Hàm-Nghi chạy ra tỉnh Quảng-trị.

9. — **Đồng-Khánh**, 20 Sept. 1885-28 Janv. 1889

10. — **Thành-Thái**, 1889—1907.

VII. — **Ông Paul Bert bình phục xứ Bắc-kỳ và xứ Trung-kỳ.** — Ngày 20 septembre 1885, quan Thông chế de Courcy và quan Khâm phái de Champeaux tôn vua Đồng-Khánh lên kế vị. Qua năm sau (1886), ông *Paul Bert* lãnh chức Khâm mạng đại thần qua vỗ trị xứ Bắc-kỳ. Người hiệp nghị cùng triều Huế phong ông Nguyễn-hữu-Độ làm chức Kinh-lược tại Hà-nội, thay mặt cho vua. Lúc nấy xứ Bắc mới vừa yên, còn xứ Trung-kỳ đương rối loạn. Bọn *Văn thân* theo phe vua Hàm-Nghi dậy lên, chém giết những người có đạo ở tỉnh Bình-thuận, Khánh-hòa, Bình-định, Quảng-ngãi, Quảng-trị. Quan Khâm mạng Paul Bert sai đi bình phục: quan Thông đốc Nam-kỳ, ông *Filippini* cho binh đi dẹp tỉnh Bình-thuận, có quan Tổng đốc Trần-bá-Lộc dẫn một cơ lính tập theo trợ chiến (1886). Quan binh Lang-sa đi đến đâu cũng lấy nhưn chánh mà vỗ về dân chúng. Bọn *Văn thân* bỏ khí giới mà qui hàng. Qua năm 1888, vua Hàm-Nghi bị bắt đem qua ở xứ Algérie. Từ đây xứ Trung-kỳ mới yên, bá tánh đặng nhờ ơn bảo hộ của Pháp-quốc mà an cư lạc nghiệp, ngôi nhà Nguyễn nối truyền muôn đời mà không dứt.

Xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ bình phục rồi, quan Khâm mạng Paul Bert lo canh cái việc chánh trị; tại đề đô Huế và tại Hà-nội thì có một quan Khâm sứ từng quyền ngai mà thay mặt cho nhà nước Đại-pháp. Mỗi tỉnh thì có một quan Thông sứ hiệp cùng các quan Annam mà hay việc trị dân và lo việc thuế khóa. Tại xứ Bắc-kỳ thì quan Kinh lược được vua ban quyền vương ngoại, chung lo cùng quan Khâm mạng mà quản thông binh dân, ban hành theo lệ về việc chánh trị, khỏi đợi lệnh của triều đình.

Quan Khâm mạng Paul Bert sắp đặt việc nước vừa yên, thì lo mở mang cuộc thương mại, kỹ nghệ, canh nông. Người dạy tu bổ bờ đê, lập nhà trường; người miễn thuế cho chúng dân bị bão lụt cùng giặc giã và châu cấp cho quân sĩ bị thương nơi chiến trường. Người cả lo việc quốc chánh, nên hao tổn tinh thần, thọ bệnh mà thác nhắm ngày 11 Novembre 1886.

Từ tháng Octobre 1887, có chỉ dụ lập Đông-dương nhứt thông (Union Indochinoise), quyền binh chánh giao cho quan Tổng thông đại thần. Ông *Constans* được cử làm chức ấy đầu hết.



TỔNG LUẬN

I. — **Nhắc tích xưa.** — Muốn rõ công cuộc đồ sộ người Lang-sa sáng tạo trong cõi Đông-dương này đã bao lâu, thì phải nhớ những sự tích sau đây.

1 ^o 1789.	Pháp-quốc giúp Nguyễn-Anh diệt Tây-sơn,	
	kể đến năm 1919 là.....	130 năm,
2 ^o 1802.	Gia-Long lên ngôi.....	117 " ,
3 ^o 1859.	Lây thành Saigon.....	60 " ,
4 ^o 1862.	Lây ba tỉnh phía đông.....	57 " ,
5 ^o 1867.	Lây ba tỉnh phía tây.....	52 " ,
6 ^o 1885.	Bình phục Bắc-kỳ.....	34 " ,
7 ^o 1887.	Lập Đông-dương nhưt thông..	32 " .

II. — **Ngôi nhà Nguyễn.** — Ngôi nhà Nguyễn dựng bền vững cho đến nay cũng nhờ có Đại-pháp. Khởi đầu khai quốc, diệt Tây-sơn, thì cậy có sức các quan Lang-sa họ Đốc cha d'Adran qua cõi Nam. Sau đời vua Tự-Đức, giặc Cờ đen nhiễu loạn Bắc-kỳ mười mấy năm, cũng là Đại-pháp bình phục. Nêu khi ấy không có binh Lang-sa giúp, thì ngày nay xứ Bắc-kỳ cũng thuộc về Trung-nguyên, mà ngôi nhà Nguyễn cũng khó mà giữ cho dặng.

III. — **Khởi phục Trung-nguyên.** — Từ xưa, bên cõi Nam, đời vua nào cũng có chiến tranh với Trung-nguyên. Bại thì làm tôi, công nạp nặng nề cho mấy cũng phải ránh, thắng cũng làm tôi, hạ mình chịu lỗi mà cầu phong, nghĩa là xin phép mà làm vua. Từ đời Tự-Đức, Pháp-quốc bảo hộ nước Nam, thì sự giao thiệp với Trung-nguyên đã dứt. Vua nước

Nam khởi phiên phục Tàu, khởi dựng công, khởi cầu phong như xưa, mà cũng xưng là *Đại Nam hoàng đế*. Nào có ai dám tranh luận? Nào có ai dám vi phạm đến biên cương?

Xưa Đức Cao-hoàng thường khuyên con là vua Minh-Mạng phải trọng đãi người Đại-pháp, phải gần người Đại-pháp. Ấy là lời dạy con phải nhớ ơn các quan Lang-sa đã giúp mình dựng nên nghiệp cả, mà cũng là kẻ hay để bảo toàn xã tắc. Gần cùng Đại-pháp thì tất nhiên khỏi sợ ngoại bang xâm loạn nước mình. Cho đến nay, vua nước Nam, vua nước Lào, vua nước Cao-man đang tọa hưởng thái bình, ấy cũng nhờ có Đại-pháp bảo hộ.

IV.— **Bình định biên cương.**— Phàm trị nước phải lấy sự yên dân làm trước. Có yên tịnh thì việc nông, thương, kỹ nghệ mới •thành vượng, dân sự mới đáng âm no. Dân giàu thì nước mạnh, dân đáng âm no thì nước nhà mới bình trị.

Nhà nước Đại-pháp làm cho cõi Đông-dương đang thái bình đã hơn ba mươi năm nay, thì tôn của cũng nhiều, mà hao mạng tướng sĩ cũng nhiều. Loạn trong nước dẹp yên, thì lại phòng giặc ngoài biên cảnh, lo phân cương giới với nước Tàu mà giữ xứ Bắc-kỳ cho nước Nam, phân cương giới với nước Xiêm-la mà giữ nước Lào và nước Cao-man mình bảo hộ. Cho đến nay, toàn cõi Đông-dương, dầu cho Mường, Mối, chỗ cùng cực cũng hưởng được sự thái bình, không lo ngoại bang hiệp đắp. Xưa nơi xứ Bắc-kỳ, bước ra một tấc đường thì sợ giặc, sợ ăn cướp, nay

đi cùng khắp cõi Đông-dương mà vô sự. Nước Đại-pháp ra oai vô một khi, mà trăm họ đang yêu muốn thuộc, ấy cũng là ơn trọng người người hằng nhớ.

V. — **Cuộc làm phước.** — Lo bình định biên cương, rồi lại lo lợi nước, lợi dân. Đều cần nhứt hết là phép vệ sanh để dưỡng dân cho đứng tráng kiện, phòng ngừa những bệnh truyền nhiễm. Những nhà thương, nhà thí, nhà báo-sản, phép chường đậu, thuốc trừ nọc côn trùng, trừ bệnh thiên thời, dịch khí, đã cứu biết là bao nhiêu mạng con người. Nay trong cõi Đông-dương, những kẻ tàn tật, những người bệnh hoạn mà nghèo nàn cô độc, đều có chỗ dưỡng thân, có cơm ăn, có thuốc uống, có người săn sóc tử tế.

Cứu một người dương gian hơn muôn ngàn người âm ty, là vậy đó.

VI. — **Việc giáo huấn.** — Xưa Trung-quốc muốn truyền văn minh trong xứ ta, thì khai trường dạy chữ nhu. Người nước ta nhiễm lấy văn chương Tàu từ đời vua Sĩ-vương (186-226); mà văn chương Tàu thì mắc mó, nghĩa lý mầu nhiệm; học cho thông được thì phải lâu năm, phải dày công. Học cho hay được thì bất quá biết năm kinh bốn truyện, đủ mà đi thi đậu làm quan mà thôi. Văn chương cũng là báu nước; nhưng mà chuyên ròng văn học, thì không đủ mà làm cho nước giàu, dân mạnh. Người Pháp chuộng *văn học*, mà cũng chuộng *khối học*, nghĩa là các môn học để làm cho lợi nước, lợi dân.

Nay khắp cõi Đông-dương, số học đường càng ngày càng thêm, tiền tốn phí về việc giáo huấn càng ngày càng thặng, mà nhà nước lại càng huot, muốn cho con dân mở mang trí hóa, lánh chỗ tối mà tìm chỗ sáng.

Hạ đẳng thì trường làng, trường tổng, trường sơ, nơi nào cũng có; trung đẳng thì trường tốt nghiệp trong mấy tỉnh thành lớn: Saigon, Hà-nội, Huế, Nam-vang, Mỹ-tho; thượng đẳng thì có trường y học, đại học viện tại Hà-nội.

Nhà nước chẳng những lo giáo dục bọn con trai mà thôi, mà cũng dốc chí phe con gái trau giồi trí hóa, tập việc nữ công. Đâu hể có trường nam thì có trường nữ, dạy bút toán, thêu tấu, dạy tứ đức cùng việc nội trợ tế gia.

Những trường công nghệ lập ra trong nhiều chỗ, để dạy đủ nghề cơ xảo, dạy vẽ vời, chạm trổ, dạy máy móc. Nào máy bay, nào dây thép gió, nay cũng có dạy người Annam học.

VII.— **Nông, thương, kỹ nghệ.**— Nhờ có khai mương xẻ rãnh, đào kinh, vét sông, nên nghề nông trong cõi Đông-dương càng ngày càng thịnh vượng. Đất hoang vu đã khai phá hết nhiều; đầm vũng đã trở nên ruộng tốt; lúa gạo mỗi năm mỗi thặng số.

Trên miền cao, chôn rừng núi nay đã vơ ra thành khoảnh; chỗ trồng cây cao-su, chỗ trồng dừa, trồng bông vải, café. Hể người Lang-sa đi đến đâu mà lập nghiệp, hoặc khai khoáng sản, hoặc bày trại xướng,

hoặc nuôi súc vật, thì chôn cùng cư cũng trở nên thị tứ, dân chúng qui lại mà lập hương thôn, có công việc làm ăn, khỏi lo đói lạnh.

Đường thủy lục thông thương cùng khắp trong xứ, tiện việc chở chuyên, cuộc thương mại càng thêm tân phát. Vận tải theo đường sông, đường biển thì có ghe, có tàu, trên đất liền thì có đường xe lửa. Cửa hải trình Saigon, Hải-phòng, tàu ngoại bang vãng lai không ngớt, lớp thì cất hàng hóa lên để bán trong xứ, lớp thì chở sản vật xuống: gạo, lúa, dừa, bắp v. v. mà đem đi nước khác.

Những người hào hộ bên Pháp-quốc qua cõi Đông-dương đã rải của trong cuộc nông, thương, kỹ nghệ biết là muôn vạn nào! Nước taặng phú túc, dân ta được âm no, cũng nhờ của ấy: kẻ nghèo thì đi làm thấy thợ, đã có chỗ nương cậy mà bảo dưỡng thể nhĩ, lại học đặng nghề trí xảo để truyền lẫn trong xứ; người giàu lại làm giàu thêm, cũng nhờ có người Lang-sa chỉ những mối lợi cho. Xưa đời Cựu trào, có bạc để mà chôn, nay bạc có nhiều mà không đủ dùng. Xưa có vài ngàn quan tiền gọi là giàu, nay có vài ngàn đồng bạc gọi là khá.

VIII. — **Phải kính, phải phục.** — Phải kính nước Đại-pháp như kẻ mẫu của ta, phải phục người Đại-pháp là thấy ta vậy. Có thấy ta mới làm nên, có thấy ta mới hưởng đặng thái bình như vậy. Mới hơn vài mươi năm mà sáng tạo nên cuộc đô sộ này cũng nhờ có tay thấy.

*Nhà nghèo hay con thảo, có giặc Âu-châu thấy
mới rõ lòng trời : kẻ giúp công người giúp của, ít
nhiều cũng tỏ dạ trung thành. ơn giáo dục đến bồi
xong một thuở.*

Nay đã trừ an Đức-quốc, chẳng còn khuấy rối
Đông-minh; bốn phương ca chữ thái bình, chúc
Pháp Việt muôn năm thịnh trị.

14 Juillet 1919.



CÔNG THẦN ANNAM

Châu-văn-AN : Quốc tử giám tư nghiệp, đời Trần-minh-tông.

Ngô-tùng-CHAU : Lễ bộ thượng thư, đời Gia-long.

Mạc-đinh-CHI : Tể-tướng, đời Trần-anh-tông.

Trần-hưng-ĐẠO : Thái-Sư, đời Trần-thái-tông.

La-phước-ĐIÊN : Tây-sơn vây hòn Phú-quốc, dương cơ nguy cấp, La-phước-Điễn mặc y phục của Nguyễn-Anh mà thề tử, đời Gia-Long.

Lê-quí-ĐÔN : Khanh tướng, đời Lê-hiền-tông.

Vũ-công-DUỆ : Đô ngự sử, đời Lê-thánh-tông.

Lê-văn-DUYỆT : Tả quân, đời Gia-Long,

Phan-thanh-GIẢNG : Kinh lược xứ Nam-Kỳ, đời Tự-Đức.

Nguyễn-HIẾN : Công bộ thượng thư, đời Trần-thái-tông.

Lê-phụng-HIẾU : Võ vệ tướng quân, đời Lý-thái-tông.

Lê-văn-HUU : Dọn bộ sử Đại Nam, đời Trần-thái-tông.

Lương-hữu-KHÁNH : Binh bộ thượng thư, đời Lê-thái-Tổ.

Phùng-khắc-KHOAN : Thái phó, quốc công. Tàu phong : Lương quốc trạng nguyên, đời Lê-trang-tông.

Lý-thường-KIỆT : Thái-úy, đời Lý-nhơn-tông.

Đặng-mã-LA : Trạng-nguyên, đời Trần-thái-tông,
Phạm-ngũ-LÃO : Điện tiền thượng tướng quân,
đời Trần-thánh-tông.

Đinh-văn-TẢ : Quận-công, đời Lê-hữ-tông.

Võ-Tánh : Hậu-quân, đời Gia-Long.

Nguyễn-văn-THÀNH : Quận công, đời Gia-Long.

Tô-hiền-THÀNH : Phụ chánh, đời Lý-anh-Tông.

Nguyễn-hữu-THOẠI : Đại tướng quân, đời Gia-Long.

Nguyễn-văn-THIỆNG : Trung quân, đời Gia-Long.

Châu-văn-TIỆP : Bình tây đại đô đốc, quận công,
đời Gia-Long.

Nguyễn-TRẠI : Vinh lộc đại phu, tể văn hẩu, đời
Lê-thái-Tổ.

Phạm-đình-TRỌNG : Thiệu-bảo, đời Lê-hiền-tông.

Đặng-đình-TUỜNG : Lại bộ thị lang, thái phó, đời
Lê-huyền-tông.

Lương-thê-VINH : Trạng nguyên, đời Lê-thánh-tông.

Lê-XI : Thái bảo, đời Lê-thái-Tổ, Lê-thái-tông.

CÔNG THẦN LANG-SA (1)

Allizé de Matignicourt : Quan tư binh bộ, đánh trận Chí-hòa (1861).

Arfeuille (d') : Quan năm thủy binh làm chức quan bờ (1861), làm lãnh sự Hải-phòng (1879).

Ariès (d') : Quan năm thủy binh, trấn thủ Saigon (1859).

Aubaret : Quan năm thủy binh, làm chức quan bờ, biết chữ Annam, có dịch bộ *Gia-dịnh thông chí* (1863).

Avalanche (l) : Tên chiếc tàu trận phá cửa Hàn năm 1858, lấy Saigon (1859).

Barbet : Quan ba binh bộ lấy thành Saigon; lúc li độ thám, bị người Annam rình mà sát hại lỗi miếu Hội-dông (1861). Người Lang-sa lấy tên vì quan này mà đặt cho chùa Khái-tường, kêu là *Pagode Barbet*.

Barisy (Laurent) : Giúp Nguyễn-Anh, lãnh vận lương và tập rèn binh lính.

Bellinger : Quan hai binh bộ, làm quan bờ tại Cần-giוע (1864).

Berger : Quan hai thủy binh, đánh trận Chí-hòa (1861)

(1) Nhà nước lấy tên các quan kể trong bản này mà đặt cho những đường sá châu thành Saigon và Chợ-lớn, trước là để cho kẻ hậu lai nhớ tích, nhớ công khai sáng, sau để mà biêu danh muôn thưở.

Những tên in chữ xiên (*italique*) là tên mấy chiếc thuyền thuyển bởi mới chiếm xứ Nam-kỳ, cũng đem vào đây, bởi vì có tích trong sử.

Boresse : Quan tư thủy binh, làm chức quan bộ tại Gia-định (1861).

Boubée : Quan ba binh bộ, đánh trận Tháp-mười (1866).

Bourdais : Quan năm thủy binh, đánh trận Chí-hòa, sau lấy thành Mỹ-tho, bị đạn mà thác (1861).

Catinat (le) : Tên chiếc tàu bắn phá đồn cửa Hàn năm 1856.

Chaigneau (Jean Baptiste) : Người Annam kêu là Nguyễn-văn-Thắng, giúp vua Gia-Long có công lớn.

Chasseloup-Laubat (de) : Thượng thư thủy binh và thuộc địa, có công mở mang các thuộc địa, nhất là xứ Nam-kỳ lúc đầu mới chiếm.

Comte : Quan tư binh bộ, lấy Biên-hòa (1861).

Coquet : Quan tư binh bộ trận Bà-ri-a (1862).

Courbet (Vice-Amiral) : Thủy sư đô thông, đánh Bắc-kỳ, lấy thành Phước-châu (Chịne) 1884.

Crouzat : Quan năm binh bộ, đánh trận Chí-hòa.

Dayot (Jean-Marie) : Quan tư thủy binh, quản chiếc tàu "Đông-nai", giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn, lập được nhiều công lớn.

Desperles (Dominique) : Quan lương y giúp Nguyễn-Anh.

Despiaux (Jean-Marie) : Lương y của Nguyễn-Anh.

Desvaux : Quan năm thủy binh, lấy Mỹ-tho.

Domenech-Diégo : Quan năm binh bộ, trấn thủ Biên-hòa (1861).

Doudart de Lagrée : Quan năm thủy binh, làm chức Khâm phái tại xứ Cao-man (1863-1866), có công trong việc lập ước hòa ước và bảo hộ xứ Cao-man.

Dupré-Déroulède : Quan tư binh bộ, lấy thành Saigon (1859).

Emmanuel : Giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn, có bài vị thờ nơi *miếu Công thần*.

Eyriaud des Vergnes : Quan bác vật, mở đường và xây công thành phố Saigon (1873).

Forçant (de) : Quán chiếc tàu *Ung-phi*, giúp Nguyễn-Anh đánh Tây-sơn.

Foucault (de) : Quan ba thủy binh, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Frostin : Quan một thủy binh, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Gallimard : Quan ba pháo thủ, đánh trận Chí-hòa, lấy thành Saigon.

Gally : Quan ba binh bộ, đánh Tháp-mười (1866).

Garnier (Francis) : Quan tư thủy binh, quan bỏ Chơ-lớn (1866), lấy Hà-nội (1873), bị quân Cờ đen sát hại (1873).

Gaudot : Quan tư thủy binh, làm quan bỏ Chơ-lớn (1862).

Girard de l'Isle-Sellé : Quan ba thủy binh, giúp Nguyễn-Anh.

Guillon (Jean-Baptiste) : Quan ba thủy binh, giúp Nguyễn-Anh.

Guilloux (Guillaume) : Quan ba thủy binh, giúp Nguyễn-Anh.

Guys : Quan tư thủy binh, trận thủ Tây-ninh (1861).

Hamelin : Thủy binh thượng thư lúc lấy Nam-kỳ, có công mở mang các thuộc địa.

Jauréguiberry : Quan năm thủy binh, lấy thành Saigon năm 1859, sau làm tới chức Thủy sư.

Lacour : Quan ba pháo thủ lấy thành Saigon (1859).

Ladébat : Quan năm thủy binh, đánh trận Chí-hòa.

Lanzarotte : Quan năm Espagnol, cầm binh lấy thành Saigon (1859).

Lapelin : Quan năm thủy binh, đánh trận Chí-hòa.

Leclerc (Savin de) : Quan ba binh bộ, trận thủ Tây-ninh, bị Cao-mên vây loạn sát hại, năm 1866.

Lareynière : Quan ba thủy binh, tử trận tại Chí-hòa (1861).

Le Brun (Théodore) : Quan bác vật, vẽ họa đồ thành Saigon, giúp Nguyễn-Anh.

Lefebvre (Monseigneur) : Đức cha cai địa phận Nam-kỳ đầu hết.

Legrand de la Liraye : Thập giảng đạo họ Bô-ly, làm thông ngôn cho Nguyễn toàn Rigault de Genouilly, sau làm chức tham biện, có soạn một bản lý vị từng Annam.

Lesèble : Quan hai thủy thủy, đánh trận Chí-hòa.

Lespès : Quan ba thủy binh, đánh trận Chí-hòa, lãnh đem thơ cho vua Cao-man (1864), sau làm tới chức thủy sự.

Loubère : Quan năm binh bộ, trận thư Biên-hòa.

Luro : Quan tư thủy binh, làm cai trưởng tham biện hậu bộ (1873), chức quan bộ.

Malespine (Etienne) : Giúp Nguyễn-Anh, coi việc lương thảo.

Marchaisse : Quan năm binh bộ, bình phục Tây-ninh, bị Cao-mên sát hại (1866).

Martin des Pallières : Quan tư, lấy thành Saigon (1859).

Martin des Pallières (Henri) : Đội, đem quân bao vây thành Saigon (1859).

Miche (Monsieur) : Đức cha ở Cao-man, có công trong vụ lập hòa ước với xứ Cao-man, sau thế cho Đức cha Lefebvre.

Némésis (la) : Tên chiếc tàu phá cửa Hàn và lấy Saigon năm 1858-1859.

Noël : Quan một thủy binh, tử trận tại Chí-hòa.

Olivier de Puymanel : Giúp Nguyễn-Anh, người Annam kêu là ông Tín, xây thành Saigon.

Ormay (Dr d') : Quan lương y, ở xứ Nam-kỳ đã 42 năm, quản đốc nhà thương tây đầu hệt (1863-1874).

Palanca : Quan năm Espagnol, quản toán binh *Espagnols* và *Tagals*, lấy thành Saigon (1859).

Pâris de la Bollardière : Quan ba binh bộ, đánh Tháp-murôi (1866).

Pellerin (Monseigneur) : Đức cha địa phận Nam-kỳ (1850).

Philastre : Quan hô Mỹ-tho, sau làm đền chức Chương lý Nam-kỳ (1863), thông ci từ nho, dịch bộ luật Annam (*Code annamite*).

Pierre : Lương y, lập vườn thảo mộc (Sở thú) 1861.

Pigneau de Béhaine (Evêque d'Adran) : Đức cha d'Adran đi với Đông cung Cảnh qua triều Pháp mà viện binh giúp Nguyễn-Anh.

Primauguet (le) : Tên chiếc tàu phá cửa Hàn năm 1858 và lấy Saigon.

Reybaud : Quan năm binh bộ, lấy thành Saigon (1859).

Rieunier : Quan hai thủy binh, lãnh đi dò sông rạch trước khi đánh trận Chí-hòa (1861), sau làm đền chức Thủy sư.

Sohier (Monseigneur) : Đức cha cai địa phận Nam-kỳ, sau thế cho Đức cha Pellerin (1862).

Taberd (Monseigneur) : Giám mục, thông tiếng Annam, có soạn bộ tự điển Annam.

Tardivet (Emmanuel) : Giúp Nguyễn-Anh, đánh Tây-sơn.

Testard : Quan năm binh bộ, tác trận tại Chí-hòa (1861).

Thénard : Quan một pháo thủ, đánh trận Chí-hòa.

Thouroude : Quan ba binh bộ, trận thủ Rach-tri (1862).

Ture : Quan lương y binh bộ, làm quan bộ, làm đốc lý thành phố Saigon đầu bết (1867-1871).

Vannier (Phillipe) : Giúp Gia-long đánh Tây-sơn, người Annam kêu là “ *Chúa tể Phụng*”. Gia-long phong nhưt phẩm.

Vassoigne (de) : Bộ binh đề đốc, đánh trận Chí-hòa (1861).

Vial : Quan bộ, làm chức Thượng thư (1865), làm Khâm sứ Bắc-kỳ (1887).



LỊCH CÁC ĐỜI NGUYỄN SOÀI NAM-KY

- 1 Ông **Rigault de Genouilly**, Thủy sư, lấy
Saigon, 17 Février 1859.
- 2 » **Jauréguiberry**, Quan năm thủy binh,
Mars 1859—1er Avril 1860.
- 2 » **Page**, phó Thủy sư, 1er Novembre 1859—
Mars 1860.
- 4 » **d'Ariès**, quan năm thủy binh, 1er Avril
1860—7 Février 1861.
- 5 » **Charner**, Thủy sư, 7 Février 1861—28
Novembre 1861.
- 6 » **Bonard**, phó Thủy sư, 27 Novembre 1861—
1er Mai 1863.
- 7 » **de la Grandière**, phó Thủy sư, 23 Avril
1863—31 Mars 1865.
- 8 » **Roze**, phó Thủy sư, *quyển*, 29 Mars—
26 Novembre 1865.
- 9 » **de la Grandière**, phó Thủy sư, 28 Nov.
1865—4 Avril 1868.
- 10 » **Ohier**, phó Thủy sư, 5 Avril 1868—11
Décembre 1869.
- 11 » **Faron**, bộ binh Đê đốc, *quyển*, 11
Décembre 1869—8 Janvier 1870.

- 12 Ông Cornulier-Lucinière, phó Thủy sư, *quyển*,
8 Janvier 1870 1^{er} Avril 1871.
- 13 » Dupré, phó Thủy sư, 15 Janvier 1871—7
Mars 1872.
- 14 » d'Arbaud, bộ binh Đê đốc, *quyển*, 7 Mars
1872—16 Décembre 1872.
- 15 » Dupré, phó Thủy sư, 16 Décembre 1872—16
Mars 1874.
- 16 » Krantz, phó Thủy sư, *quyển*, 16 Mars
1874—1^{er} Décembre 1874.
- 17 » Duperré, phó Thủy sư, 1^{er} Décembre
1874--31 Janvier 1876.
- 18 » Bossant, bộ binh Đê đốc, *quyển*, 31 Janvier
1876--7 Juillet 1876.
- 19 » Duperré, phó Thủy sư, 7 Juillet 1876--16
Octobre 1877.
- 20 » Lafont, phó Thủy sư, 16 Octobre 1877--7
Juillet 1879.

LỊCH CÁC ĐỜI THÔNG ĐỐC NAM-KY

- 1 Ông Le Myre de Vilers, 7 Juillet 1879.
- 2 " de Trentinian, bộ binh Đê đốc, *quyên*,
4 Mars 1881--31 Octobre 1881.
- 3 " Le Myre de Vilers, 1er Novembre 1881.
- 4 " Thomson, Khâm mạng Thông đốc, 12
Janvier 1883.
- 5 " Bégin, bộ binh Đê đốc, *quyên*, 27 Juillet
1885.
- 6 " Filippini, 20 Juin 1886--22 Octobre 1887.
- 7 " Noël Pardon, *quyên*, 22 Octobre 1887--3
Novembre 1887.
- 8 " Piquet, 16 Novembre 1887--14 Janvier 1888.
- 9 " Navelle, *quyên*, 15 Janv. 1888--12 Avril 1888.
- 10 " Fourès, *quyên*, 21 Mai 1889--8 Août 1889.
- 11 " Danel, 9 Août 1889--11. Septembre 1892.
- 12 " Fourès, 22 Octobre 1892--25 Mars 1894.
- 13 " Navelle, 25 Mars 1894--15 Septembre 1894.
- 14 " Fourès, 15 Septembre 1894--5 Août 1895.
- 15 " Ducos, 5 Août 1895--22 Mars 1896.
- 16 " Sandret, *quyên*, 22 Mars 1896--19 Nov. 1896.
- 17 " Ducos, 20 Novembre 1896--13 Mai 1897.

- 18 Ông **Nicolaï**, *quyên*, 11 Mai 1897--21 Janvier 1898.
19 " **Picanon**, 22 Janvier 1898--12 Avril 1899.
20 " **Bocquet**, *quyên*, 13 Avril 1899--30 Oct. 1900.
21 " **Picanon**, 31 Octobre 1900--1^{er} Août 1901.
22 " **Luce**, *quyên*, 2 Août 1901--4 Septembre 1901.
23 " **H. de Lamothe**, 5 Sept. 1901--21 Oct. 1902.
24 " **Rodier**, 22 Octobre 1902--9 Mars 1906.
25 " **De Lalande Calan**, *quyên*, 10 Mars 1906.
26 " **Rodier**, 2 Janvier 1907.
27 " **Bonhoure**, 12 Juillet 1907--27 Février 1908.
28 " **Outrey**, *quyên*, 28 Fév. 1908--23 Sept. 1908.
29 " **Bonhoure**, 24 Sept. 1908--30 Janv. 1909.
30 " **Outrey**, *quyên*, 30 Janv. 1909--15 Juin 1909.
31 " **Gourbeil**, 16 Juin 1909--21 Mars 1912.
32 " **Destenay**, *quyên*, 22 Mars 1912--12
Décembre 1912.
33 " **Gourbeil**, 13 Décembre 1912--24 Avril 1916.
34 " **Rivet**, *quyên*, 25 Avril 1916.

LỊCH CÁC ĐỢT TỔNG THÔNG ĐỒNG-DƯƠNG

-
- 1 Ông Constans, 16 Nov. 1887-21 Avril 1888.
 - 2 » Richaud, 8 Avril 1888--27 Mai 1889.
 - 3 » Piquet, 31 Mai 1889--12 Avril 1891.
 - 4 » Bideau, *quyên*, 13 Avril 1891-25 Juin 1891.
 - 5 » De Lanessan, 26 Juin 1891--11 Mars 1894.
 - 6 » Chavassieux, *quyên*, 13 Mars 1894--26
Octobre 1894.
 - 7 » De Lanessan, 27 Oct. 1894--30 Déc. 1894.
 - 8 » Rodier, *quyên*, 30 Déc. 1894--15 Mars 1895.
 - 9 » Rousseau, 15 Mars 1895--20 Oct. 1895.
 - 10 » Fourès, *quyên*, 21 Oct. 1895--14 Mars 1896.
 - 11 » Rousseau, 14 Mars 1896--10 Déc. 1896.
 - 12 » Fourès, *quyên*, 10 Déc. 1896--12 Fév. 1897.
 - 13 » Doumer, 13 Février 1897--28 Sept. 1898.
 - 14 » Fourès, *quyên*, 29 Sept. 1898--24 Janv. 1899.
 - 15 » Doumer, 25 Janv. 1899--15 Février 1901.
 - 16 » Broni, *quyên*, 16 Fév. 1901--20 Août 1901.
 - 17 » Doumer, 21 Août 1901--13 Mars 1902.
 - 18 » Broni, *quyên*, 14 Mars--14 Octobre 1902.
 - 19 » Beau, 15 Octobre 1902--30 Juin 1905.

- 20 **Ông Broni**, *quyên*, 1^{er} Juillet 1905--6 Déc. 1905.
21 » **Beau**, 7 Décembre 1905--27 Juillet 1906.
22 » **Broni**, *quyên*, 28 Juillet 1906--2 Janv. 1907.
23 » **Beau**, 2 Janvier 1907--27 Février 1908.
24 » **Bonhoure**, *quyên*, 28 Février 1908--23
Septembre 1908.
25 » **Klobukowski**, 24 Sept. 1908--12 Janv. 1910.
26 » **Picquié**, 13 Janvier 1910--14 Juin 1910.
27 » **Klobukowski**, 12 Juin 1910--16 Fév. 1911.
28 » **Luce**, *quyên*, 17 Fév. 1911--14 Nov. 1911.
29 » **Sarraut**, 15 Novembre 1911--3 Janvier 1914.
30 » **Van Vollenhoven**, *quyên*, 5 Août 1914--1
Mars 1915.
31 » **Roume**, 5 Mars 1915--21 Mai 1916.
32 » **Charles**, *quyên*, 22 Mai 1916.
33 » **Sarraut**, 7 Novembre 1916.
-

TABLEAU SYNCHRONIQUE DES SOUVERAINS

D'ANNAM, DE CHINE ET DE FRANCE

ANNAM	CHINE	FRANCE
<p>1^{re} Dynastie des <i>Hông-Bàng</i></p> <p>20 Souverains</p> <p>2874-257 av. J. C.</p>	<p><i>Période des Cinq Rois</i> (Ngũ-Đê)</p> <p>9 Souverains</p> <p>2852-2205 av. J. C.</p>	<p>5004 à 3061 av. J. C.</p> <p>Première dynastie des rois égyptiens.</p>
<p>Kinh-Dương-Vương</p> <p>Lạc-Long-Quân</p> <p>Hùng-Vương 1^{er} jusqu'à Hùng-Vương 18.</p>	<p>1 Thái-Hạo ou Phục-Hi thị, 2852-2737</p> <p>2 Viêm-Đê ou Thán-Nông thị, 2737-2697</p> <p>3 Huỳnh-Đê ou Hữu-Hùng thị, 2697-2597</p> <p>4 Thiệu-Hạo ou Kim-Thiên thị, 2597-2513</p> <p>5 Xuyên-Húc ou Cao-Dương thị, 2513-2435</p> <p>6 Đê-Côc ou Cao-Tân thị, 2435-2365</p> <p>7 Đê-Chí,..... 2365-2357</p> <p>8 Đê-Nghiêu ou Đào-Dương, thị, 2357-2255</p> <p>9 Đê-Thuân ou Hữu-Ngũ thị, 2255-2205</p>	<p>De 2800-2700. Construction des Pyramides en Égypte. (4^e dynastie).</p> <p>De 2600-1250. Royaume de Chaldée.</p>

47 Souverains
2205-1783 av. J. C.

1 Đại-Võ,	2205-2197
2 Đê Khái,	2197-2188
3 Thái-Khương,	2188-2159
4 Trọng-Khương,	2159-2146
5 Đê-Tướng,	2146-2119
6 Hán-Sát (usurpateur)...	2119-2079
7 Thiệu-Khương,	2079-2057
8 Đê-Trử,	2057-2040
9 Đê-Hồ,	2040-2014
10 Đê-Mang,	2014-1996
11 Đê-Tiết,	1996-1980
12 } Bạt-Gián,	1980-1921
} Đê Huýnh,	1921-1900
13 Đê Cán,	1900-1879
14 Khổng-Giáp,	1879-1848
15 Đê Cao,	1848-1837
16 Đê Phát,	1837-1818
17 Lý-Quý ou Kiệt,	1818-1783

De 2100-1580. Les rois-
pasteurs (Hyksos) en Egypte.

ANNAM	CHINE	FRANCE
	<p><i>2^e Dynastie des Thang</i> 28 Souverains 4783-4422 av. J. C.</p> <hr/> <p>1 Thành-Thang, 4783-4753 2 Thái-Giáp, 4753-4720 3 Ôc-Đinh, 4720-4694 4 Thái-Canh, 4694-4666 5 Tiểu-Giáp, 4666-4649 6 Ung-Ki, 4649-4637 7 Thái-Mô, 4637-4562 8 Trọng-Đinh, 4562-4549 9 Ngoại-Nhâm, 4549-4534 10 Hà-Đán-Giáp, 4534-4525 11 Tô-Ât, 4525-4506 12 Tô-Tân, 4506-4490 13 Ôc-Giáp, 4490-4465 14 Tô-Bình, 4465-4433 15 Nam-Canh, 4433-4408</p>	
<i>Dynastie des Hông-Bàng</i> (suite)		En 1500. Amenophis (fem ple de Luxor).

17	Bàng-Canh,	1401-1373	De 1392-1326. Rhamsès II
18	Tiểu-Tân,	1373-1352	<i>le Grand.</i>
19	Tiểu-Ất,	1352-1324	
20	Võ-Đinh,	1324-1265	De 1300-1100. Les juges (Gé- dôn, Jephthé, Samson, Samuel).
21	Tô-Canh,	1265-1258	En 1300. Moïse (Les Israël- lites quittent l'Égypte).
22	Tô-Giáp,	1258-1225	De 1250-600. Royaume
23	Lâm-Tân,	1225-1219	d'Assyrie.
24	Canh-Đinh,	1219-1198	
25	Võ-Ất,	1198-1191	
26	Thái-Đinh,	1194-1191	
27	Đề-Ất,	1191-1154	
28	Thọ-Tân ou Trụ,	1154-1122	
<hr/>			
<i>3^e Dynastie des Cháu</i>			
38 Souverains			
1122-249 av. J. C.			
<hr/>			
1	Võ-Vương,	1122-1115	
2	Thành-Vương,	1115-1078	

Jullien

ANNAM	CHINE	FRANCE
3 Khương-Vương,	1078-1052	De 1088-1056. Saül.
4 Chiêu-Vương,	1052-1001	De 1056-1016. David (Fondation de Jérusalem).
5 Mạc-Vương,	1001- 946	De 1016-976. Salomon.
6 Cung-Vương,	946- 934	(Construction du Temple de Jérusalem).
7 Ý-Vương,	934- 909	
8 Hiêu-Vương,	909- 891	
9 Di-Vương,	891- 878	
10 Lệ-Vương,	878- 827	
14 Tuyên-Vương,	827- 781	En 810. L'yeux que à S. Jean.
12 U-Vương,	781- 770	
13 Bình-Vương,	770- 719	En 754 Fondation de Bordeaux.
<i>Niên-thu chiến quốc ou Dòng-chiến liệt quốc</i>		
11 Huân-Vương,	719- 696	De 710-698. Royaume des Médés.
15 Trang-Vương,	696- 681	
16 La-Vương,	681- 676	
17 Huệ-Vương,	676- 651	

Dynastie des Hong-Bàng
(suite)

19	Khinh-Vương,	618- 612	Pythagore : 608.
20	Khuông-Vương,	612- 603	
	<i>Lão-Tử (Lao-Tseu), vers</i>	<i>601-500</i>	
21	Định-Vương,	606- 585	En 606. Destruction de Ninive.
22	Giảng-Vương,	585- 571	En 586. Prise de Jérusalem par Nabuchodonosor.
23	Linh-Vương,	571- 544	En 573. Prise de Tyr par Nabuchodonosor.
	<i>Khổng-Phu-Tử (Confucius)</i>	<i>551- 479</i>	
24	Kiến-Vương,	544- 520	En 538. Prise de Babylone par Cyrus.
25	Tiệu-Vương,	520- 419	En 525. Conquête de l'Égypte par Cyrus.
26	Kinh-Vương,	519- 475	En 509. Fondation de la République à Rome.
			En 490. Première guerre médique.
27	Ngươn-Vương,	475- 468	En 480. Deuxième guerre médique.
28	Trình-định-Vương,	468- 440	En 450. Troisième guerre médique.
29	Ái-Vương,	440	
30	Tư-Vương,	440	

manus du

ANNAM	CHINE	FRANCE
<i>Dynastie des Hông-Bàng</i> (suite)	31 Kháo-Vương,.....	440-425 De 431-401. Guerre du Péloponèse.
	32 Oai-Liệt-Vương,.....	425-401 494-429. Périclès. En 401. Bataille de Cunaxa. Retraite des Dix-mille (Xénophon).
	33 An-Vương,.....	401-375 470-400. Socrate.
	34 Liệt-Vương,.....	375-368 En 390. Prise de Rome par les Gaulois.
	<i>Mạnh-Tử (Menecius)</i> ..	398-311
	35 Hiến-Vương,.....	368-320 De 334-323. Expéditions d'Alexandre le Grand en Asie.
	36 Thận-Tĩnh-Vương,.....	320-314 De 323-33. Les Ptolémées en Egypte.
	37 Hích-Vương,	314-255 Archimède, 287.
<i>Dynastie des Thục</i> 1 Souverain 247-207 av. J. C.	38 Đông-Châu-Quản,	255-240 De 264-241. Première guerre punique (Conquête du Nord de l'Afrique par les Romains.)
	<i>le Dynastie des Tân</i> 3 Souverains 240-209 av. J. C.	

1	Thi Hoàng-Đế,.....	246-209	Caton le Censeur, 234-146
2	Nhị-Thế-Hoàng-Đế,.....	209	De 219-201. Deuxième
3	Anh-Vương,.....		guerre punique.
	<i>Introduction du Bouddhisme en</i> <i>Chine,.....</i>	207.	
	<i>5^e Dynastie des Hâi occidentaux</i> <i>(Tây-Hân)</i> 14 Souverains. 202 av. J. C. — 25 ap. J. C.		
	1 Cao-Tổ,.....	202-194	
	2 Huệ-Đế,.....	194-187	
	3 Lữ-Hậu,.....	187-179	Scipion Emilien, 185-129.
	4 Hiêu-Văn-Đề,.....	179-156	
	5 Hiêu-Kiến-Đề,.....	156-140	De 149-146. Troisième guerre punique (Destruc- tion de Carthage).
	6 Thiệu-Vô-Đề,.....	140-86	En 146. La Grèce devint province romaine. En 123. Fondation des cités d'Aix et de Narbonne par les Romains.
	<i>Dynastie des Triệu</i> 5 Souverains 207-111 av. J. C.		
	1 Triệu-Vô-Đề,....	207-136	
	2 Triệu-Văn-Vương,	136-124	
	3 Triệu-Minh-Vương,	124-113	
	4 Triệu-Ái-Vương,	113-111	
	5 Triệu-Dương-Vương,	111	

ANNAM	CHINE	FRANCE
<i>Domination chinoise</i>		
141 av. J. C. - 59 ap. J. C.		
7 Hiêu-Chiêu-Đê,	86-73	Cicéron. 107-46. Jules César. 101-44.
8 Hiêu-Tuyên-Đê,	73-48	De 58-51. Conquête des Gaules par Jules César.
9 Hiêu-Nguơn-Đê,	48-32	En 50. Vercingétorix se rendit à César. En 30. L'Égypte devint province romaine. Fondation de l'Empire romain. Auguste, empereur 31 av. J C.-14 ap. J. C.
10 Hiêu-Thánh-Đê,	32-6	<i>Commençement de l'ère chrétienne. Avènement de Jésus-Christ.</i>
11 Hiêu-Ai-Đê,	6-1	
12 Hiêu-Bình-Đê,	1-6 ap. J. C.	Les poètes Virgile et Horace véquirent sous le siècle d'Auguste.
13 Nhự-Tử-Anh,	6-9	
Vương-Mông,	9-23	De 11-17. Ptolémée.

Trung-mũ-vương, 39-42

1	Quang-Vô-Đề,	25-58	En 33. Mort de Jésus-Christ. De 37-41. Caligula. De 41-54. Claude. De 54-68. Néron. De 68-69. Galba, Othon. Vitellius.
2	Hiêu-Minh-Đề,	58-76	
3	Hiêu-Chương-Đề,	76-89	En 59. Destruction de Jérusalem par Titus.
4	Hiêu-Hòa-Đề,	89-106	De 69-79. Vespasien. De 79-81. Titus.
5	Hiêu-Thương-Đề,	106-107	De 81-96. Domitien. De 96-98. Nerva.
6	Hiêu-An-Đề,	107-125	De 98-117. Trajan.
7	Ý-Đề,	125-126	De 117-138. Adrien.
8	Hiêu-Thuận-Đề,	126-145	En 133. Disperson des Juifs.
9	Hiêu-Trung-Đề,	145-146	De 138-161. Antonin.
10	Hiêu-Châu-Đề,	146-147	Pièrre.

Domination Chinoise
42-541

ANNAM	CHINE	FRANCE
11 Hiêu-Huờn-Đê,.....	147-168	De 161-180. Marc-Aurèle.
12 Hiêu-Linh-Đê,.....	168-189	De 180-192. Commode.
13 Thiêu-Đê	189-190	•
14 Hiêu-Hiền-Đê,.....	190-221	De 193-221. Septime Sévère
<i>Epoque des 3 Royaumes</i> (Tam-Quốc)		
<i>Royaume des Hán postérieurs</i>		
2 Souverains	221-223	
1 Chiêu-Liệt-Đê,.....	221-223	De 222-235. Alexandre
2 Hậu-Đê,.....	223	Sévère, qui fit graver cette maxime au frontispice de son palais: « Fais à autrui ce que tu voudrais qu'on te fit à toi-même ».
<i>Royaume des Ngụy</i>		
5 Souverains	229-260	

Thiên-Đê, 254-260
Tông-Đê, 260

Royaume des Ngô

4 Souverains

220-264.

1 Đại-Đê, 220-252
2 Phê-Đê, 252-258
3 Kiêng-Đê, 258-264
4 Vi-Đê, 264

6e Dynastie des Tân occidentale
(Tây-Tân)

4 Souverains

265-317

1 Thê-Tô-Vô-Đê, 265-290
2 Huệ-Đê, 290-307
3 Hoái-Đê, 307-313
4 Mẫn-Đê, 313-317

De 270-275. Aurélien.

De 276-282. Probus.

De 284-305. Dioclétien.

De 305-337. Constantin le Grand

En 313. Edit de Milan : le

Christianisme fut proclamé religion d'Etat.

AN-NAM	CHINE	FRANCE
	<i>Branche des Tân orientaux</i> (<i>Đông-Tân</i>)	
	11 Souverains <u>317-420</u>	
	1 Ngu-vn-Đê, 317-323	
	2 Minh-Đê, 323-326	
	3 Thành-Đê, 326-343	En 330. Constant in trans- fère à Byzance la capitale de l'Empire romain.
	4 Khương-Đê, 343-345	
	5 Mục-Đê, 345-362	De: 360-363 Julien.
	6 Ai-Đê, 362-366	
	7 Đê-Điệt, 366-371	De 379-395. Théodose.
	8 Giảng-Văn-Đê, 371-373	En 395. <i>Fin de l'histoire</i> <i>ancienne. Commencement</i> <i>d' l'histoire du Moyen Âge.</i>
	9 Hiêu-Vô-Đê, 373-397	L'Empire romain fut divisé en empire d'Occident et en empire d'Orient. De 406-451. Invasions des Barbares germains.
Đông-Nam-Chung	16 An-Đê, 397-419	

7^e Dynastie des T'oung
8 Souverains
420-479

- 1 Cao-Tô-Vô-Đê,.....
- 2 Thiệu-Đê,.....
- 3 Văn-Đê,.....
- 4 Hiêu-Vô-Đê,.....

420-423
423-424
424-454
454-465

1^{re} Dynastie,
Les Mérovingiens

448-752

En 461. Clovis. — Fonda-
tion de la Monarchie fran-
çaise.

En 455. Prise de Rome par
les Vandales.

- 5 Phê-Đê,.....
- 6 Minh-Đê,.....
- 7 Thương-Vô-Vương,.....
- 8 Thuận-Đê,.....

465
465-473
473-477
477-479

En 451. Invasion des
Huns (Attila).

En 476. Fin de l'Empire
romain d'Occident.

He
sin

W
sin

ANNAM	CHINE	FRANCE
	<p><i>8^e Dynastie des Tê</i> 7 Souverains 479-502</p> <hr/> <p>1 Cao-Tó, 479-483 2 Vō-Đê, 483-494 3 Phê-Đê, 494 4 Chiêu-Văn, 494 5 Minh-Đê, 494-499 6 Đông-Hôn-Hâu, 499-501 7 Hòa-Đê, 501-502</p> <hr/> <p><i>9^e Dynastie des Liang</i> 6 Souverains 502-557</p> <hr/> <p>1 Cao-Tô-Vô-Đê, 502-550</p>	<p>De 481-511. Clovis, roi des Francs. En 496. Victoire de Tolbiac Baptême de Clovis. De 527-565. Justinien I^{er}, empereur d'Orient. De 511-561. Les 11 fils de Clovis.</p>
<p><i>Domination Chinoise</i> 42-544. (suite)</p>		
<p><i>Dynastie des Ly antérieurs</i> 3 Souverains, 544-602</p>		

2. — Clodomir, roi d'Orléans, 514-524
3. — Childeberr I, roi de Paris, 511-558
4. — Clotaire I, roi de Soissons, 511-561, seul roi des Francs, 558-561.

- 3 Dự-Chương-Vương, 551-552
4 Nguyễn-Đề, 552-555
5 Trịnh-Dương-Hầu, 555-556
6 Kinh-Đề, 556-557

2 Triều-Việt-Vương,
549-570

10^e *Dynastie des Trân*

- 5 Souverains
557-589

- 1 Cao-Tổ-Vô-Đề, 557-560
2 Văn-Đề, 560-567
3 Lâm-Hải-Vương, 567-569

- De 561-584. Les 4 petits-fils de Clovis.
1. Caribert I, roi de Paris, 561-567.
2. Gontran, roi de Bourgogne, 561-593.
3. Sigebert I, roi d'Austrasie, 561-575.
4. Chilpéric I, roi de Neustrie, 561-584.
En 568. Invasion des Lombards en Italie.

3	Cao-Tông,.....	650-684	De 638-752. Les Rois fai- néants.
4	Trung-Tông, (1 ^{re} fois)....	684	
5	Duệ-Tông	"	
6	Võ-Tắc-Thiên, tiếm,....	684-740	En 711. Conquête de l'Es- pagne par les Arabes.
7	Trung-Tông, (2 ^e fois)	"	
8	Duệ-Tông,	710-743	
9	Nguyên-Tông,	743-756	En 732. Victoire de Charles Martel sur les Arabes entre Tours et Poitiers.
			<u>2^e Dynastie.</u>
			<i>Les Carolingiens</i>
			752-987
10	Túc-Tông,	756-763	De 752-768. Pépin le Bref. roi des Francs. De 750-1258. Les Abbassi- des, (Haroun-al-Raschid). En 755. Fondation du royaume arabe de Cordoue De 756-1031. Califat de Cordoue.
11	Đại-Tông,	763-780	En 771. Destruction du royaume des Lombards.

Domination Chinoise
602-939 (suite)

ANNAM	CHINE	FRANCE
12 Đức-Tông,	780-805	Charlemagne, empereur. 768-814
13 Thuận-Tông,	805-806	
14 Diêu-Tông,	806-821	
15 Mục-Tông,	821-825	De 814-810. Louis le Jeune.
16 Kinh-Tông,	825-827	
17 Văn-Tông,	827-841	De 810 - 877. Charles le Chauve
18 Võ-Tông,	841-847	En 848, Partage de l'Empire franc (traité de Verdun.)
19 Tuyên-Tông,	847-860	
20 Ý-Tông,	860-874	
21 Hli-Tông,	874-889	Louis II le Bègue, 877-879 Louis III et Carloman, 879-884 Charles le Gros, 884-887 Le Comte l'udes est proclamé roi par les seigneurs, 887-898 Charles III le Simple, 898-923
22 Chiêu-Tông,	889-904	
23 Chiêu-Tuyên-Đô,	904-907	

Domination Chinoise

602-939 (suite)

13^e Dynastie des Liang postérieurs

(Hậu Liang)

2 Souverains

907-923

1 Thái-Tổ, 907-914

2 Quân-Vương, 914-923

En 912, Les Normands
s'établirent en France.

Organisation de la
l'écclésiast.

1^{re} Dynastie des Đường postérieurs

(Hậu-Đường)

4 Souverains

923-936

1 Trang-Tông, 923-926

2 Minh-Tông, 926-934

3 Mân-Đê, 934

4 Lộ-Vương ou Phê-Đê, 934-936

ANNAM	CHINE	FRANCE
<i>Dynastie des Ngô</i> 4 Souverains 939-968	<i>15^e Dynastie des Tân postérieurs</i> (Hậu-Tân) 2 Souverains 936-947	
1 Ngô-Quyên (Tiên-Ngô-Vương) 939-941	1 Cao-Tổ.....	936-944
2 941	2 Trại-Vương ou Xuât-Đê,..	944-947
	<i>16^e Dynastie des Hán postérieurs</i> (Hậu-Hán) 2 Souverains 947-954	
2 Dương-Tam-Ca ou Kha (Bình-Vương) 945-949	1 Cao-Tổ,.....	947-948
2 949	2 An-Đê,.....	948-951
	<i>17^e Dynastie des Chàn postérieurs</i> (Hậu-Chàn) 3 Souverains 951-960	
3 Xương-Ngập et Xương-Văn, 954-965	1 Thái-Tổ,.....	951-954
Xương-Văn seul, 955-965	2 Thê-Tông,.....	954-959
4 Ngô-Xương-Xí, 965-968	3 Giang-Đê,.....	959-960

Louis IV d'Outre-Mer.

936-954

Dynasties nationales		28. Empire des Tang du Nord (Bao-Touf)	29. Dynastie des Cing iens (suite)
1re Dynastie des Dinh		18 Souverains	732 - 987
2 Souverains		960-1280.	
1 Tiên-Hoàng, . .	968-980	1 Thái-Tô,	1 Lothaire, 954-986
2 Phê-Đê, . . .	980-981		Louis le Fainéant, 986-987
2e Dynastie des Lê antérieurs			3e Dynastie.
3 Souverains			Les Capétiens
981-1010			jusqu'à Louis XI
			987 - 1483
1 Đại-Hành, . .	981-1006	2 Thái-Tông,	Hugues Capet, . . 987-996
2 Trung-Tông, 1006 (3 jours)		3 Chơn-Tông,	Robert le Pieux, 996-1031
3 Ngọa-Triều, . 1006-1010			
3e Dynastie des Lý			
9 Souverains			
1010-1225			
1 Thái-Tô,	1010-1028	1 Nhơn-Tông,	1031-1036
2 Thái-Tông,	1028-1054		

ANNAM	CHINE	FRANCE
3 Thánh-Tông, 1054-1072	5 Anh-Tông,.....	1064-1068
	6 Thán-Tông,.....	1068-1086
4 Nhon-Tông, 1072-1127	7 Tư-Tông,.....	1086-1101
	8 Huy-Tông,.....	1101-1126
	9 Khâm-Tông,.....	1126-1127
	<i>Branche des Tông du Midi</i> (Nam-Tông)	
5 Thán-Tông, 1128-1137	40 Cao-Tông,.....	1127-1163
6 Anh-Tông, 1137-1175	41 Hiêu-Tông,.....	1163-1190
7 Cao-Tông, 1176-1210	12 Quang-Tông,.....	1190-1195
8 Huệ-Tông, 1211-1225	43 Ninh-Tông,.....	1195-1225
9 Chiêu-Hoàng, 1225-		
<i>4^e Dynastie des Trần</i>		
13 Souverains 1225 - 1400		
1 Thái-Tông, 1225-1238	14 Lý-Tông,.....	1225-1265
		Louis IX ou saint Louis 1246-1270

Philippe III le Hardi, 1270-1285	1265-1275 1275-1276 1276-1278 1278-1280		
<i>19^e Dynastie des Ngoua</i>			
9 Souverains 1280 - 1368			
1 Thè-Tô,	1280-1295	Philippe IV le Bel, 1285-1314	
2 Thành-Tông,	1295-1308		
3 Võ-Tông,	1308-1312		
4 Nhơn-Tông,	1312-1321	Louis X le Hutin, 1314-1316	
5 Anh-Tông,	1321-1324	Philippe V le Long, 1316-1322	
6 Thái-Định-Đê,	1324-1329	Charles IV le Bel, 1322-1328	
<i>le Dynastie, Les Valois</i>			
7 Minh-Tông,	1329-1330	1328-1389	
8 Văn-Đê,	1330-1333	Philippe VI de Valois, 1328-1350	
9 Thuận-Đê,	1333-1338	Jean le Bon, 1350-1364	
3 Nhơn-Tông, 1279-1293			
4 Anh-Tông, 1293-1314			
5 Minh-Tông, 1314-1329			
6 Hiến-Tông, 1329-1341			
7 Dũ-Tông, 1341-1369			

ANNAM	CHINE	FRANCE
8 Nhựt-Lê (Usurpateur), 1369-1370	<p>20^e Dynastie des Minh 17 Souverains 1368 - 1614</p> <p>1 Thái-Tổ (Hồng-Vô), 1368-1399 2 Huệ-Đê (Kiên-Văn), 1399-1403</p>	<p>Charles V le Sage, 1364-1380 Du Guesclin, 1320-1380</p>
9 Nghiê-Tông, 1370-1372		
10 Huệ-Tông, 1373-1377		
11 Phê-Đê, 1377-1388		
12 Thuận-Tông, 1388-1398		
13 Thiêu-Đê, 1398-1400		
<p><i>Usurpation des Hồ</i> 1400 - 1407</p>		
Hồ-Quý-Lý, 1400		
Hồ-Hán-Thương, 1400-1407	3 Thành-Tổ (Văn-Lạc), 1403-1425	Charles VI, 1380-1422
<p><i>Domination Chinoise.</i> <i>Restauration des Trần.</i> 1407 - 1428</p>		
Trần-Giân-Dinh (Ngô), 1407-1409		

11 Souverains

1428 - 1527

- 1 Thái-Tổ, ... 1428-1433
- 2 Thái-Tông, ... 1434-1442
- 3 Nhân-Tông, 1443-1458
Nghi-Đán, ... 1459-1460
- 4 Thánh-Tông, 1460-1497
- 5 Hiến-Tông, 1498-1504
- 6 Túc-Tông, 1504 (6 mois).
- 7 Oai-Mục, ... 1505-1509
- 8 Tương-Dực, 1509-1516
- 9 Chiêu-Tông, 1516-1526
- 10 Cung-Hoàng, 1526-1527

- 5 Tuyên-Tông (Tuyên-Đức), 1426-1436
- 6 Anh-Tông (Thánh-Tông, 1^{re} fois), 1436-1450
Kiềng-Tông (Kiềng-Thái), 1450-1456
- 7 Anh-Tông (Thiên-Thuận, 2^e fois), 1456-1465
- 9 Hiến-Tông (Thánh-Hóa), 1465-1488
- 10 Biều-Tông (Hoàng-Tri), 1488-1506
- 14 Võ-Tông (Chánh-Đức), 1506-1522

Charles VII, ... 1422-1461
Jeanne-d'Arc, 1412-1413
En 1453. Prise de Constan-
tinople par les Turcs.
Fin de l'histoire du Mo-
yen Âge. Commencement
de l'Histoire Moderne.
Louis XI, ... 1461-1483
Charles VIII, ... 1483-1498
Découverte de l'Amérique
par Christophe Co-
lomb, 1492.
Louis XII, ... 1498-1515
Louis XIII fut surnommé
"Le Père du Peuple"

ANNAM	CHINE	FRANCE
<i>Usurpation des Mạc</i> 1527 - 1592		
Mạc-Đĩnh-Dong 1527-1529 Mạc-Đĩnh-Dinh, 1530-1540 Mạc-Phước-Hải, 1541-1546 Mạc-Phước-Nguyên, 1547-1561 Mạc-Mậu-Hiệp, 1562-1592	12 Thê-Tông (Giê-Tĩnh), ... 1522-1567	<i>Vers la fin du X^e siècle un Allemand, Jean Gu- tenberg inventa l'impre- merie.</i>
<i>Restauration des Lê</i> 17 Souverains 1533 - 1789		
11 Trang-Tông, 1533-1548 12 Trung-Tông, 1549-1556 13 Anh-Tông, 1557-1571 14 Thê-Tông, 1572-1599	13 Mạc-Tông (Long-Khánh), 1567-1573	François 1 ^{er} , 1545-1547 Henri II, ... 1547-1559 François II, ... 1559-1560 Charles IX, ... 1560-1574 Henri III, ... 1574-1586

5^e Dynastie.
Les Bourbons.
1589 - 1848

15	Kinh-Tông, 1600-1619	14	Thần-Tông (Vạn-Lịch),.. 1573-1620	Henri IV,... 1589-1610
----	----------------------	----	-----------------------------------	------------------------

16	Thần-Tông, (1 ^{re} fois), 1619-1643	15	Quang-Tông (Thái-Xương), 1620-1621	Louis XIII,... 1610-1643
----	--	----	------------------------------------	--------------------------

		16	Hi-Tông (Thiên-Khai),.. 1621-1628	
		17	Trang-Liệt-Đê (Sùng-Trinh), 1628-1644	

2^{le} Dynastie des Thanh

9 Souverains
1644 - 1885

17	Chơn-Tông, 1643-1649	1	Thuận-Tri,..... 1644-1662	Louis XIV,... 1643-1715
----	----------------------	---	---------------------------	-------------------------

18	Thần-Tông, (2 ^e fois), 1649-1662			
----	---	--	--	--

19	Huyền-Tông, 1663-1671			
----	-----------------------	--	--	--

20	Gia-Tông, 1672-1675	2	Khương-Hi,..... 1662-1723	Louis XV,... 1715-1774
----	---------------------	---	---------------------------	------------------------

21	Hi-Tông, 1676-1705			
----	--------------------	--	--	--

22	Dũ-Tông, 1705-1729			
----	--------------------	--	--	--

23	Vĩnh-Khánh, 1729-1732	3	Ung-Chánh,..... 1723-1736	Louis XVI,... 1774-1795
----	-----------------------	---	---------------------------	-------------------------

24	Thần-Tông, 1732-1735			
----	----------------------	--	--	--

25	Ý-Tông, 1735-1740			
----	-------------------	--	--	--

ANAM	CHINE	FRANCE
26 Minh Tông. 1740-1786	1 Càn-Long,	1 <i>Philippe de 1789 Histoire Contemporaine</i>
27 Chiêu Tông, 1787-1789		Révolution française, 1789
— <i>Les Tây-Son</i> 1777 - 1801		Assemblée constituante 1789 - 1791
Nguyễn-văn-Nhạc, 1778 - 1793		Assemblée législative 1791 - 1792
Nguyễn-văn-Huệ, 1788 - 1792		Proclamation de la 1 ^{re} République (22 Sep. 1792)
Nguyễn-Quang-Toán, 1792 - 1801	5 Gia-Khánh,	La Convention . . 1792-1795 Le Directoire . . 1795-1799 Le Consulat . . . 1799-1804 1 ^{er} Empire, 1804-1815
6 <i>Dynastie des Nguyễn</i> 12 Souverains 1802		Napoléon I ^{er} 1804-1815 La Restauration, 1815-1830 Louis XVIII. . . . 1815-1824 Charles X 1824-1830 Louis-Philippe . . 1830-1836 2 ^e République, 1848-1852
1 Nguyễn-Thê-Tổ (Gia-Long), 1802-1820	6 Đạo-Quang,	Le Prince Louis-Napoléon
2 Nguyễn-Thánh-Tổ (Minh Mạng), 1820-1841		
3 Nguyễn-Hiến-Tổ (Thiên-Fu), 1841-1861		

1 Nguvân-Duc-Tông (T'ur Duc), 1847-1883	8 Dong-Tri,..... 1862-1885	1871-1872 2 ^e Empire Sapoïan, III 1852 - 1870 Guerre Prusso-allemande, 1870 - 1871 Proclamation de la 3 ^e Ré- publique (4 Sept. 1870). La Commune (26 Mars au 21 Mai 1871) Gouvernement de Thiers (Fév. 1871 au 24 Mai 1873)
	9 Quang-Trí,..... 1885- <i>En 1894: Guerre Sino-Japonaise.</i> <i>En 1899. Soulèvement de la Chine</i> <i>contre les Etrangers. Prise de Pékin</i> <i>par les armées européennes (guerre des</i> <i>Boxeurs).</i>	3 ^e République Mac-Mahon,... 1873-1879 Jules Grévy,... 1879-1887 Sadi Carnot,... 1887-1895 Casimir Perier, 1895. Félix Faure,... 1895-1898 J. Loubet,... 1899
5 Duc-Duc, 1883		
6 Hiep-Hoa, 1883		
7 Kien-Phuoc, 1884		
8 Hiep-Hoa, 1885		
9 Hiep-Hoa, 1886-1887		
10 Hiep-Hoa, 1889		

AN-NAM	CHINE	FRANCE
<i>Dynastie des Nguyễn</i> (suite)		<i>De 1899-1912 Guerre des Anglais contre les Boërs.</i>
11 Duy-Tân, 1907.	14 Novembre 1908. Mort de Quang-tự.	<i>En 1911. Mort de la Reine Victoria d'Angleterre.</i>
	10 Octobre 1913. Proclamation de la République Chinoise, Vưong-thê-Khai, Président.	<i>Acènement d'Édouard III</i> <i>En 1904. Guerre Russo-Japonaise.</i> A. Fallières, 1906-1913 R. Poincaré, 1913-
12 Khai-Đinh, 1916	15 Juin 1916. Mort de Vưong-thê-Khai. Lê-nguyên-Hồng lui succède.	<i>1914. Guerre européenne</i> 3 Août 1914 La France déclare la guerre à l'Allemagne. 11 Novembre 1918 Armistice accordé à l'Allemagne 28 Juin 1919

MỤC LỤC

V à VIII -- Tiểu dẫn.

CHƯƠNG I

Trương

Nhà Hồng-Bàng.....	1
Nhà Thục.....	3
Nhà Triệu.....	4
Thuộc Trung-nguyên lần thứ nhứt.....	6
Trung-nữ-Vương.....	7
Thuộc Trung-nguyên lần thứ nhì.....	8
Thuộc Trung-nguyên lần thứ ba.....	8
Nhà Tiên-Lý.....	9
Thuộc Trung-nguyên lần thứ tư.....	10
Nhà Tiên-Ngô.....	12

CHƯƠNG II

Đời Chanh thông. — Nhà Đinh.....	13
Nhà Tiên-Lê.....	14
Nhà Hậu-Lý.....	15
Nhà Trần.....	19
Thuộc Trung-nguyên 10 năm.....	28
Lê-Lợi khởi nghĩa.....	28

CHƯƠNG III

Nhà Hậu-Lê.....	29
Mạc soán.....	36
Nhà Lê phục quốc. — Nguyễn-Kim.....	37
Trịnh-Kiểm.....	39

CHƯƠNG IV

Chùa Trùng, chúa Nguyễn tranh phuông . . .	41
--	----

Giặc Tây-sơn. — Nhạc, Huệ, Lữ.....	52
------------------------------------	----

CHƯƠNG VI

Gia-Long phục quốc.....	58
Đức cha d'Adran	59

CHƯƠNG VII

Nhà Nguyễn. — Gia-Long.....	64
Minh-Mạng	67
Giặc Khôi.....	68
Thiệu-Trị	71

CHƯƠNG VIII

Tự-Đức. — Nước Lang-sa chiếm xứ Nam-kỳ	72
--	----

CHƯƠNG IX

Bình Lang-sa chiếm xứ Bắc-kỳ.....	84
Tổng luận.....	93

..

Công thần Annam.....	I
Công thần Lang-sa.....	III
Lịch các đời Nguyên soái Nam-kỳ.....	X
Lịch các đời Thông đốc Nam-kỳ.....	XII
Lịch các đời Tổng thông Đông-dương.....	XIV
Tableau synchronique des souverains d'Annam, de Chine et de France.....	XVI

SỬA LẠI

Tru' o'ng	Hàng	Chỗ sai	Phải đọc
4	5	Au-việt	Âu-việt
11	10	nen gây	nên gây
20	12	bính chánh	bình chánh
26	4	xín ở	xin ở
28	26	Lê-Lợi	Lê-Lợi
32	26	bên cứ	bên cứ
50	19	bảo lục	bảo lự
54	12	cứ bình	cứ bình
61	6	Khái-trường	Khái-trường
62	12	cửa Hàn	cửa Hàn
63	3	nửa chừng	nửa chừng
81	22	việc và	và việc
82	4	ca thôn	ca thôn
87	16	đẹp giặc	đẹp giặc
92	14	chúng dân	chúng dân
94	23	Bắc-kỳ	Bắc-kỳ
1	3	Ngô-tùng-Chau	Ngô-tùng-Châu

NHÀ IN VÀ NHÀ BÁN SÁCH

J.^h Nguyen-Van-Viet

59, RUE D'ORMAY, — SAIGON,

In đủ các thứ sổ bộ, thiệp đám cưới, Tàn gia, cung
hĩ, và thiệp tang.

Bản đủ các thứ thơ, tướng, truyện, và đồ cho học trò
học: giấy, mực, văn vãn.

Mỗi món đều bán rẻ.



SÁCH CỦA M. NGUYỄN VĂN-MAI

Sách Đông an tự vị tiếng Langsa . . . 0. 07

Sách Đông an tự vị tiếng Annam . . . 0. 01

Sách NAM-VIET LƯU-THI SỬ (một cuốn)

có đưa thêm bản kể các đời vua

Annam, Tàu và Langsa . . . 0. 70

ĐỀ BÀN :

Tại tiệm Quỳnh-Mỹ.

28, Rue Aniral Courbet (Halles centrales, Saigon).

37 Rue Annam

Tại nhà M. Nguyễn-văn-Mai.

Inspecteur des Ecoles.

Quai de la Marne (Vinh-hoi) Saigon.